



Wason
HV7879
V5B2+
no.10

Bạn Dân

TIẾNG NÓI CÔNG AN CẢNH SÁT VIỆT NAM CỘNG HÒA

1960-
1962

SỐ 10

Ngày 15-12-1960



Tòa-soạn : TRUNG-TÂM HUẤN-LUYỆN
và TU-NGHIỆP CÔNG-AN CẢNH-SÁT
239, đại-lộ Cộng-Hòa — Saigon
Điện-thoại : 24.822/95

Giám-Đốc, Chủ-bút : NGUYỄN-VĂN-HAY

* * *

Bìa trước :



Viên ần tự
(Phòng Truyền Tin Nha Tổng
G. Đ. C. A. C. S.)

(Ảnh : Văn-Thông)

GIÁ BÁO :

Một Số 10đ — Sáu tháng 60đ — Một năm 100đ

— Bưu phiếu, Thư từ xin nhờ dán tem và gửi
cho ông TRƯƠNG-KIM-CANG
Số 239, đại-lộ Cộng-Hòa — SAIGON

Cấm trích dịch, phỏng đờng vào sách báo
ngoại quốc mà không xin phép

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN: Số 26-BTT/NĐ ngày 17-2-60
In tại LÊ-THANH THƯ-XUẤT — 19 Trầnh-Dào — Saigon

Trong số này:

- ★ Chánh trị và tà trị BẠN DÂN
- Noël DUY-THANH
- ★ Một tấm gương muôn
thuở HOA HÁN
- Mộ đạo MAI-NGUYỆT
- ★ Theo dõi PHẠM-TRỌNG-TÚ
- Cứu người là trách vụ H. L. T. L.
- ★ Tọa án quân sự đặc biệt ĐÀM-TRUNG-MỘC
- Rượu NGUYỄN-CÔNG-CHÁNH
- ★ Mā-Tác TRẦN-ĐÌNH-KHÀI
- Anh là Bạn Dân QUANG-MINH
- ★ Diệp báo Đức Quốc-xã
trong Đệ nhị Thế chiến PHẠM-CÔNG-THÀNH
- Phương pháp tìm người
chứng HOÀNG-VĂN-NAM
- ★ Loài cầm thú với công tác
gián điệp HOAN-CHÂU
- Lý tưởng quốc gia (II) NGUYỄN-VIỆT
- ★ Chung quanh vấn đề
chống Cộng (II) TRUNG-ĐẠO
- Một trang sử đau đớn của
Dân tộc Trung-Hoa III Hoa-Hán và Phương-Thành
(dịch thuật)
- ★ Vài vấn đề tâm lý trong
khoa quan sát X. Y. Z.
- Bản án vợ chàng Trương PHAN-BẮC-HÀ
- ★ Án mạng màn ba
(tiếp theo) QUỐC-DÂN
- Quê hương (thơ) SA-VĂN-NGUYỄN
- ★ Trơ xương máu (thơ) ĐẠM-NGUYỄN



Bìa sau :

Cồn cát

(Ảnh : Văn-Thông)



ĐỜI SỐNG DÂN CHỦ PHẢI
CĂN CỨ TRÊN SỰ TÔN TRỌNG
NHÂN VỊ, TÔN TRỌNG CÔNG
ÍCH, CÔNG LỢI, TÔN TRỌNG
CÁC XU HƯỚNG DỊ ĐỒNG
MIỄN LÀ ĐỪNG ĐƯA TỚI
HỎN LOẠN HAY CHE ĐẬY
THÂM Ý BẢO THỦ BẤT ĐỘNG.

Chính trị và tà trị

MỘ T nhà chính trị có tiếng ở Á-Châu đã nói rằng :
« Chính-giả, chúng dả, tri giả, quản lý giả ».

Nghĩa là quyền chính là ở toàn dân mà người cầm quyền trị dân chỉ là người quản lý mà thôi. Ngày xưa hồi thế kỷ thứ V trước Thiên Chúa giáng sinh, một nhà lý thuyết ở Hy-Lạp là Périclès khi nói về chế độ Cộng Hòa ở hai thành phố La-Mã và Nhã-Điền cũng có nhân mạnh « Respublica » là công việc chung, tức là công việc của quốc gia, thuộc về trong tay của toàn thể nhân dân. Một số nhà chính trị đã không hiểu thâm ý cổ nhân nên đã làm ngược ý muốn của dân mà phải cam đành thất bại. Trong lịch sử của nhân loại, ta có thể kể không biết bao nhiêu là ví dụ cụ thể. Nào là sự thất bại của Quốc-dân đảng Trung-Hoa, khiến cho họ phải bỏ lục địa bao la mà chạy về một hòn đảo nhỏ như Đài-Loan ; phải chăng cũng chỉ vì chính sách của họ không phù hợp với lòng dân? Nước Pháp bị thất bại tại Việt-Nam, phải chăng chủ trương chính trị của họ không kịp thời, không thích ứng như những thủ đoạn của Anh ở Ấn của Mỹ ở Phi-Luật-Tân? Nước Nga trong một thời gian từ năm 1917 cho đến hạ bán thế kỷ thứ hai mươi (XX) đã từng làm mưa làm gió trên trường chính trị quốc tế bằng cách khoác bên ngoài một đường lối giả nhân giả nghĩa để lừa bịp một số dân tộc còn nhỏ yếu gây thơ trong một giai đoạn lịch sử gần 30 năm. Nhưng chủ trương ấy không thể lừa bịp được mãi. Dân chúng các nước lần lượt nhận thấy cái thâm ý của Nga-Sô nên đã bật khởi chống lại chính sách dã man này. Người ta còn nhớ rõ những vụ ở Ba-Lan, Hung-Gia-Lợi... mới đây, tại hội đồng Liên Hiệp Quốc, hầu hết các nước thuộc tiểu ở Á-Châu và Phi-Châu đã hiểu rõ chủ trương chính trị đảng điếm của Nga-Sô nên cực lực phản đối Krouchtchew.

Bởi thế cho nên khi nói đến danh từ chính trị, người ta không thể nào quan niệm như Cộng-Sản : « Chính-trị là những mưu mô kế hoạch của một giai cấp này đàn áp một giai cấp khác ». Quan niệm như thế không phải là chính-trị mà là tà trị, là xảo nguyệt là bịp bợm. Chính người Cộng-sản thường nói rằng : « Chính-trị là một nghệ thuật cai-trị ». Quan điểm đó có khác gì những quan niệm của các nhà cai trị chuyên môn của thời Phong kiến và Thực dân. Cộng-sản thường vênh vang tự đắc

là đưa ra những ý kiến mới là để cải tạo xã hội, song thực sự trên lãnh vực này, họ đã giông hệt quan niệm của những bạo chúa đời Xuân-Thu chiến quốc hay hơn nữa của Tào-Tháo Phương Đông, Machiavel Phương Tây. Như thế nào phải là chính trị được.

Cuộc biến cố vừa qua là một bài học lịch sử thâm thúy và chua xót vô cùng.

Chúng ta hãy thử ngồi nhận xét một số người làm « chính trị », cái thứ chính trị sa lông, chính trị rẻ tiền và chính trị đầu cơ...

Nghĩ đến sự mê dân của họ mà kinh hồn ghê sợ. Một số nữa, cũng đã xưng là làm « chính trị » song lại là một thứ chính-trị nịnh bợ, tăng bốc, phình trên hiệp dưới, gạt gẫm, lừa đảo ; mà mỗi lần nước rặt, cở thối sẽ bày ra, và nhà cháy, thiên hạ mới đem được bao nhiêu mặt chuột.....

Nhưng nói cho thật đúng ngày nay ít nhiều con người đã giác ngộ. Nhân loại, không còn bị quyền rũ vì cái « mả » bên ngoài. Nhiều người đã thấy sự bẽ tắc về tư tưởng của Tây-Phương, sự lừa bịp giả dối của thứ Ủy viên chính trị chuyên nghiệp của Cộng-sản ; nên mỗi người đều hiểu chính trị là những phương sách phục vụ thật sự cho nhân dân, những chủ trương kiến lập hạnh phúc và tự do cho nhân loại. Đối với các nước nhược tiểu như chúng ta ngày nay, chính trị phải dựa trên lập trường dân tộc, phải lấy nhân dân làm cứu cánh, làm kim chỉ nam cho sự vận dụng và mỗi tiêu chuẩn đầu tranh trên lãnh vực quốc gia cũng như quốc tế.

Nói tóm lại, chính trị phải phục vụ cho cách mạng dân tộc, phải nhắm cái đích là làm sao cho dân tộc được trường tồn và vinh quang. Hiểu như thế thì người ta sẽ không lầm lẫn phương tiện với cứu cánh, đặt cách mạng cao hơn chính trị và không đời nào rời bỏ cái ý chí của dân tộc, xa lánh những nguyện vọng chính đáng của nhân dân.

Bọn đầu cơ chính trị, bọn cán bộ Cộng-sản, vì không ý thức được quan niệm nói trên, nên mang phải một sai lầm vĩ đại. Do đó mà họ đã vâng theo mệnh lệnh của ngoại bang, mồm vẫn hô hào « dân tộc », hô hào « cách mạng » mà trong thâm tâm thì hèn hạ, ích kỷ. Ngày nay thử xét lại một vấn đề căn bản về hai quan niệm : chánh trị và tà trị, họ có đủ sự hiểu biết để suy nghĩ về sự sai lầm nói trên chăng? Họ có đủ can đảm nhìn rõ tấm gương của những chiến sĩ ở Hưng-Gia-Lợi, ở Ba-Lan để tỏ ra những người xứng đáng là con cháu của những vị như Trần-Quốc-Tuần, Nguyễn-Huệ hay chăng?

BẠN - DÂN

**Đạo lý không nên một khắc
mà bỏ quên.**

TRUNG - DUNG

Lời thanh-minh của Ông Tôn-Ngọc-Chắc

NGUYỄN CHÁNH SỞ CHUYÊN MÔN NHA T.G.Đ.C.A.C.S.

Đọc trong buổi lễ chào cờ
tại Nha T. G. Đ. C. A. C. S
ngày 21 tháng 11 năm 60.



Ô I, Tôn Ngọc-Chắc, Chánh sở Chuyên Môn, đại diện của toàn thể anh em Tổng Nha bị bọn phiến loạn bắt giam giữ và uy hiếp trong đêm 10-11 cho đến 11 giờ ngày 12-11-1960, có ít lời chân thành đề tường trình sự việc, kính dâng lên Thiều Tướng

Tổng Giám Đốc, Quý Vị và anh em như sau :

Cuộc biến cố vừa qua đã xảy ra một cách đột ngột, ngoài sự tưởng tượng của mọi người, nhứt là đối với những công dân Việt-Nam Cộng Hòa đã từng hãnh diện với bao nhiêu thành tích cứu quốc và chiến công oanh liệt dẹp tan phiến Cộng, dưới sự lãnh đạo anh-minh của Chí Sĩ NGŨ-ĐÌNH-DIỆM.

Không một ai có thể tin rằng một thiếu số người đã từng được Tổng Thống ưu ái và Chính phủ cất nhắc lên địa vị sĩ quan trung cấp lại có thể bắt nhân, bắt nghĩa vừa gạt quân sĩ Lữ đoàn Nhảy Dù trong quân đội Cộng Hòa để gây cuộc phản loạn hầu thỏa mãn cuồng vọng cá nhân.

Tàn công và uy hiếp nhân viên Ban An-Ninh canh gác các công của thành Cộng Hòa thuộc Tổng Nha bằng nhiều loại súng kinh động, quân sĩ Nhảy dù đột nhập được sau khi gây thương tích khá trầm trọng cho một số viên chức và nhân viên kháng cự, đứng vào lúc 5 giờ sáng ngày 11-11-1960.

Kể đó, dựa vào bạo lực của vũ khí, những kẻ chỉ huy cuộc phản loạn bắt buộc tất cả nhân viên có mặt tại đây phải tập trung lại để chúng lục soát và tước khí giới. Chúng còn hăm dọa nếu ai còn cất giấu vũ khí, không đem ra nộp thì sẽ bị chúng bắn chết ngay khi bắt gặp.

Đồng thời chúng đi ruộng-kiểm tữ phòng trong toàn Nha để gom bắt tất cả nhân viên trốn tránh, buộc tập trung lại ngồi dưới đất trước công chánh vào cửa Tổng Nha.

Từ đó, lần lượt nhân viên nào vào nhiệm sở đều bị chúng bắt ngồi tại đây.

Nhưng, chỉ mấy giờ sau, mặt nạ của chúng bị lột trần :

Sau lời nói đầu tiên của một trung sĩ Nhảy Dù có phận sự canh gác chúng tôi, thì có thể nhận thấy rằng đây là một sự lừa gạt trắng trợn binh sĩ Nhảy Dù. Một thiếu số cấp chỉ huy tàn bạo của họ với ý định dục lợi riêng, đã giả dờ ra lệnh cho họ phải đi « truy nã tù vượt ngục » ; cũng như về sau, xuyên qua tin tức cấp chỉ huy, thì họ lại được biết thêm, phải đến « giải cứu Tổng Thống » đang bị Lữ Đoàn Phòng Vệ phản bội giam giữ.

Nhờ khai thác và lừa gạt được lòng trung thành của quân sĩ đối với Tổng Thống cũng như lòng dũng cảm của Lữ Đoàn Nhảy Dù mà bọn phiến loạn đã chiếm đóng được một số cơ quan thiết yếu.

Hơn nữa, hành động phản trắc bất ngờ và dã man của chúng trong đêm tối đã rút ngắn được thời gian.

Kính thưa Thiều Tướng,

Thưa Quý Vị và toàn thể anh chị em,

Sau những loạt súng liên tiếp vừa qua, mặc dầu số nhân viên độ 300 người, đã tuân hành chỉ thị của Thiều Tướng khi xảy ra biến động, phải có mặt tại Tổng Nha để đợi lệnh, và bị bọn phản loạn bắt giam giữ, nhưng sự kiện này nói lên một ý chí cương quyết, trung kiên, và một lòng hy sinh vô bờ bến đối với nhiệm vụ của những người chỉ biết Tổ Quốc trên hết.

Đề khủng bố tinh thần nhân viên, bọn phản loạn dùng vũ lực đàn áp những người mà chúng nghi là bất khuất và hăm dọa sẽ tàn sát thẳng tay nếu chúng bắt gặp có hành vi nào cương nghị lại với chúng.

Và cũng để hoàn thành mưu đồ phản loạn dã man của chúng, chúng bắt buộc một số anh em cao cấp ra ngồi riêng mà trong số đó có tôi.

Lúc bây giờ hầu hết anh em cũng như tôi đều nhận thấy quân sĩ Nhảy Dù có vẻ mệt nhọc hầu như là bỏ nghề vì không biết mục đích của những hành động điên rồ vừa rồi của cấp chỉ huy họ.

Đền khi có tên Đoàn-bội-Trần, lợi dụng danh nghĩa cụu bí thư của Tổng Nha dưới thời Thiệu Trương Phạm-Xuân-Chiều, được quen biết hầu hết nhân vật và một số lớn anh em trong ngành Cảnh-sát Công-an, vào bắt buộc một số anh em cao cấp và tôi, trong tình trạng bất khả kháng giữa lưỡi lê và họng súng, để khai thác danh nghĩa và uy tín của một vài người, gạt gẫm, hăm dọa và dồn tôi vào một con đường bí hầu thỏa mãn hoạt động bí ôi phản loạn và ác tâm của chúng như viết tờ hiệu triệu, đánh công điện, lập ủy ban và lập danh sách nhân viên bị bắt v.v....

Ngay sau khi nghe những lời tuyên truyền láo khoét và xuyên tạc của tên phản quốc Đoàn-bội-Trần tại Phòng Hội, phạm đến uy danh của Tổng Thống, vị lãnh đạo anh minh của nước nhà, lòng chúng tôi se lại, tìm chúng tôi ngừng đập, nước mắt như muốn trào ra song trước sự hăm dọa bằng vũ khí của chúng, không một ai dám cưỡng lại, đành nín rằng đây là những hành động bất đắc dĩ mà ai ai cũng biết và sẽ được biện minh sau này.

Chúng tôi tự nghĩ, tại sao có những hạng người dám lộng ngôn xảo ngữ, ăn trái quên kẻ trồng cây, uống nước lại phản người đào giếng, dám khoa môi ghép những danh từ thật thiệt cho một vị cứu tinh của đất nước mà toàn dân Việt-Nam đều sùng bái, chắc gì các thẻ hệ qua cũng như hiện nay và cả sau này nữa, có thể sản xuất được.

Những lời phao vu đồn mạt của bọn phản loạn đòi với công trình vĩ đại của Vị anh hùng dân tộc trong công cuộc cứu quốc và kiến quốc, chỉ có trong trí tưởng tượng của chúng, với mục đích phỉnh gạt những kẻ nhẹ dạ đăng tạo ra cơ hội « đục nước béo cò »

Trên đây là những hành động và ngôn ngữ của một thiếu số tay sai phản loạn đã đột nhập vào Tổng Nha. Bọn phản loạn đã bắt tay với một đám người đồn mạt nào ?

Chúng ta không còn ai lạ gì những bọn người vong bản, phản phúc, bi ôi, xưa nay lẫn lút dưới danh nghĩa cách mạng như : Phan-Quang-Đán, Phan-Khắc-Sửu, Hoàng-Cơ-Thụy và bè lũ.

1) — Phan-Quang-Đán, tên chuyên môn đầu cơ chánh trị, đầu cơ kinh tế, vua chợ đen, luôn luôn lòn cúi Thực dân, dựa vào chúng để làm điều phi pháp phản loạn.

Vì không được thỏa mãn cuồng vọng cá nhân, Phan-Quang-Đán ôm ấp mối thù hiểm đời với chính phủ, nên phải a tòng với các tên bi ôi lưu manh khác mưu đồ phản quốc hôm nay.

2) — Phan-Khắc-Sửu, tên bịp bợm nương theo chiều

BẠN DÂN XUÂN TÂN SỬU

— Với sự cộng tác của nhiều cây bút yêu nghề, nhiệt thành.

— Với sự cố gắng vượt mức của Tòa soạn.

BẠN DÂN XUÂN TÂN SỬU là :



Ộ T tập san được tổ điểm thêm nhiều hoa gắm lạ.

Ộ T tập báo Tèt ĐẸP, VUI, Ý NGHĨA.

Ộ T món quà đặc biệt ý nhị dành cho độc giả dưới trời Xuân NHÂN-VỊ.



Hộp Thơ Bạn-Dân

Tòa soạn đã nhận được :

— « Nhân cuộc triển lãm.... » của Lê-Đại-Bằng, « Ru con tờ Cộng » của Nguyễn-văn-Phụng ; « Tôi và anh » của Hoa-Anh DKC ; « Những chiến công kỳ lạ.... » của Tùng-Sơn. *Sẽ đăng.*

— Những sáng tác cho « BẠN DÂN XUÂN TÂN SỬU » của Mai Việt, Tôn Ngổ, Quang-Minh, Sa-Văn-Nguyên, Văn-Tân, Hà-Vũ, Nguyễn-Tôn, Hương-Lan, Tam-Đắc, Cử Tương.

Đa tạ lòng sốt sắng của quý Bạn.

Quý Bạn văn nghệ sĩ :

— Để tiện việc sắp xếp ấn loát, yêu cầu quý Bạn đã thường xuyên cộng tác với BẠN - DÂN trong những số qua và Quý Bạn đã có nhã ý « đặc biệt cộng tác » với BẠN-DÂN Xuân Tân Sửu, gửi bài về Tòa soạn ngay từ bây giờ.

gió, ăn cơm Cộng-Hòa lo thờ ma phản loạn, đã bao phen tỏ ra phản động, nhưng tưởng đã bị thanh trừng, nhưng nhờ đức độ khoan hồng của NGỒ TÔNG THÔNG mà hãn được bao nhiêu bổng lộc do nhân dân cung cấp. Đáng lý ra hãn phải nhớ ơn trọng, nghĩa dày trên đây mà tu thân sửa tánh, để đền đáp lại phần nào. Trái lại, vì cuồng vọng, hãn a tòng theo bọn tôi loạn con giặc gây ra thảm trạng đẫm máu, sát hại lương dân, không ngoài mục đích mua chuộc một địa vị để được vinh thân phì gia.

Phan-Khắc-Sửu, với manh tâm phản bội, đi ngược lại với nguyện vọng của số cử tri trót lỡ tin tưởng nơi hãn, đáng bị nguyên rủa, phỉ nhổ và trừng trị, để làm gương cho những hạng người sớm Sở chiều Tán.

3) — Hoàng-Cơ-Thụy, một tên luật sư mà lẽ ra phải dùng tài hùng biện để phục vụ cho chân lý, lẽ phải, giúp ích nước nhà. Nhưng ngược lại, có học mà không có hạnh nên có một đời sống phản bần lữ thấy, nhuộc như phóng túng, chẳng kể luân thường đạo lý (đôi vợ lẫn nhau).

Hạng người thối tha như hân, không hề có chút lương tâm, bởi vậy ai dám tin tưởng, mà liễu mình đại dật vì hân. Những phường bán dân bán nước, đầu cơ chính trị một cách đê hèn như Hoàng-Cơ-Thụy thiết tưởng đáng ban da sẻo thịt mới há dạ đồng bào. Hân dám nhúng tay vào cuộc biến cố đẫm máu vừa qua là nhờ hân có một số quyền thuộc phục vụ trong Quân Đội Cộng Hòa như Vương văn Đông, Nguyễn triệu Hồng' Nguyễn chánh Thi v.v...

Với lòng tham lam không đáy, mưu toan định bá đồ vương, Hoàng Cơ-Thụy đã thuyết phục được những tên tôi loạn con giặc kẻ trên cùng đồng bọn phản lại Chánh phủ, gây tang tóc cho bao gia đình đang sống an vui bỗng dưng tan nát.

Hạng người phản phúc bạo tàn như trên đây, trải qua lịch sử rất đáng bị phân thây.

Tuy nhiên, biến cố vừa qua cũng là một dịp để chứng minh rằng chính nghĩa luôn luôn phải thắng và thực tế của giai đoạn lịch sử đã xác định vai trò lãnh đạo bất khả thay thế của NGŨ TỔNG THÔNG, mà chính đại diện các nước đều đã xác nhận với một lòng thành kính sâu xa.

Sáu năm chấp chính của NGŨ Lãnh Tự là 6 năm công lao chống chọi, thực hiện một chương trình vĩ đại ích nước lợi dân, mà con dân nước Việt không một ai dám phủ nhận.

Trong chính biến ngày 11-11-1960, chúng ta rút được một bài học: lúc nào chúng ta cũng phải bình tĩnh và sáng suốt nhận định thời cuộc, đặt quyền lợi Tổ Quốc trên hết. Chúng ta phải luôn luôn đoàn kết, hy sinh triệt để, háu kịp thời đánh tan mọi mưu mô của bọn phản loạn tay sai Thực, Cộng.

Ngoài ra, chúng ta còn có bốn phạm theo dõi mọi hành vi của bọn chúng, mặc dầu chúng ta tôn trọng tự do cá nhân, nhưng không nên để chúng lợi dụng để đi ngược lại quyền lợi tối cao của Tổ Quốc, nhất là chúng ta là cán bộ nóng cốt trong ngành Cảnh-sát Công-an.

Kính thưa Thiệu Tướng,

Thưa quý vị và toàn thể anh chị em,

Biến cố vừa qua tôi có cảm tưởng như một cơn ác mộng, trong đó Tổ Quốc chúng ta đã trải qua một trận cuồng phong gây nhiều tang tóc, cho bao gia đình phải than khóc kẻ thân yêu. Nhưng chúng ta đứng nên quá buồn lòng tỏ vẻ bi quan đối với tiền đồ Tổ Quốc. Tôi dám cả quyết rằng sau trận phong ba tai hại, nước nhà sẽ được cường thịnh và không khí lại lành mạnh, trong sạch hơn xưa, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của NGŨ TỔNG THÔNG.

Trân trọng kính chào.

TÔN-NGỌC-CHẮC



ỪNG tháng này, cách đây 1960 năm về trước, trong một đêm tuyết đông lạnh lẽo, cảnh vật thảm lạng có liêu đẫm chìm giữa chốn hoang vu, u tịch của thành Bethlem, Chúa Hài Đồng Jesus đã giáng sinh trong máng cỏ tối tăm, để đem lại một nguồn vui sống cho nhân loại và an hòa hạnh phúc cho tất cả mọi người.

Bởi vậy, từ 19 thế kỷ nay, Lễ Giáng Sinh đã được cả thế giới coi như một ngày lễ của gia đình, không phân biệt màu sắc tôn giáo; cả đến những nước Cộng-sản vô thần chối bỏ mọi tôn giáo, đã phá mọi tôn giáo, cũng không thể phủ nhận được cái ý nghĩa thiêng liêng, trọng đại của ngày Lễ Giáng Sinh.

Trên cả hoàn cầu, khắp bốn bề năm châu, ở thành thị cũng như nơi thôn dã, toàn thể nhân loại đều đón mừng ngày Lễ Giáng Sinh với một niềm kính tin hoan lạc, ngày đó là cơ hội biểu dương tình tương thân tương ái, là giây phút mang lại cho chúng sinh nguồn an ủi bất diệt và niềm hân hoan vô tận của Chúa Hài Đồng

Đã bao năm qua, nhân loại quần quai trong bể khổ đau thương tạo nên bởi một thế giới không có hòa bình, bởi viễn ảnh của một cuộc chiến tranh nguyên tử khủng khiếp đang làm le đẽ dọa tiêu diệt nhân loại, và bởi bọn Cộng-sản vô thần đang cố tình phá hoại hòa bình để thỏa mãn tham vọng bá chủ, làm cho biết bao triệu sinh linh đang phải rên xiết dưới gót sắt tàn bạo, dưới gông cùm xiềng xích, dưới bàn tay đẫm máu của bọn quỷ đồ sa-tan hung tàn khát máu. Trong cơn nguy khốn ấy, nhân loại lại càng thấy khao khát và mong đợi hòa bình, và lúc này hơn bao giờ hết, nhân loại chỉ còn biết hướng về Đấng Tối Cao, mong đợi nơi sức mạnh thiêng liêng an bài phù giúp để trấn áp mọi tham tàn của bầy quỷ đồ, để thế gian khỏi đẫm chìm trong máu lửa điêu tàn.

Lễ Giáng Sinh 1960 đến với nhân loại, với chúng

XIN CHA THA THỨ CHO HỌ
VÌ HỌ KHÔNG BIẾT HỌ LÀM GÌ.

Chúa JÉSUS

ta như một ánh lửa thiêng bùng sáng, nhóm lại niềm tin tưởng nơi đấng Chí Tôn để nhờ bàn tay an bài tế độ của Người mà thanh bình được tái tạo, mà mọi dục vọng vị kỷ, mọi tự hiềm cá nhân, mọi tham lam bất chính, mọi kiêu ngạo hung tàn sẽ phải hoàn toàn tiêu diệt, để nhân loại được tự do vui sống trong cảnh hoan lạc thái hòa, không còn phải chứng kiến những thảm họa máu xương sòng núi.

Mừng Lễ Giáng Sinh an lạc ở Miền Nam yêu quý dưới Chánh thể Cộng-Hòa Nhân-Vị, chúng ta không phân biệt kẻ Giáo người Lương, muôn triệu tấm lòng đều hân hoan sung sướng, sung sướng vì có diễm phúc hơn biết bao người, chúng ta được tự do phụng thờ chân lý, không bị đàn áp bách hại vì Đức tin và Tin ngưỡng, chúng ta được tự do tung hô Chúa Giáng Trán và đón nhận những hồng ân của Ngôi Hai đem xuống cho thế gian. Trong giờ phút linh thiêng ấy, chúng ta hãy cùng nhau tâm thành ý hiệp nguyện xin cùng Chúa Hai Đấng, xin Chúa giáng phúc lành cho Tổ Quốc Việt-Nam thân yêu của chúng ta được thái bình thịnh vượng, cho Dân tộc ta được hạnh phúc tự do, cho Lãnh thổ ta được mau thống nhất, cho nền Cộng-Hòa Nhân Vị của chúng ta được trường sinh vĩnh cửu. Chúng ta cũng không quên nguyện cầu cùng Chúa

Hài Đấng xin cho NGÔ TÔNG-THỐNG, vị lãnh tụ anh minh của Dân tộc, được khang an trường thọ để lái con thuyền Quốc gia tới bến bờ vinh quang xán lạn.

Cũng nhân dịp Lễ Giáng Sinh, chúng ta hãy cảm thông đến số phận của 10 triệu đồng bào bên kia giới tuyến, giờ phút này đang phải rèn xiết làm than, oán hờn khổ hận dưới bàn tay hung hãn dã man của bọn còn đồ Cộng sản, mọi đau khổ đang chồng chất, mọi tự do đang bị kềm chế tước bỏ, không một giây phút nào được thanh thản về vật chất cũng như về tâm hồn, kể cả giây phút Chúa Giáng sinh, cuộc sống đã tăm tối lại càng thêm tăm tối, lưới sắt Cộng-sản đã che lấp ánh sáng tung bừng nơi cung thánh, tiếng than vãn nào nuốt đã thay thế cho tiếng hoan ca bên máng cỏ Bethlehem.

Bao triệu con người đói khát, rét mướt quần quai đang chờ đón một tình thương, một sự an ủi âm thầm trong đêm Sinh Nhật. Chúng ta hãy nguyện xin cùng Chúa Hai Đấng, xin Chúa xuống phúc lành cho họ, và chúng ta tin tưởng chắc chắn rằng bức màn máu đỏ sẽ có ngày bị ánh sáng Giáng Sinh rọi chiếu, tất cả thế giới sẽ không còn phải chứng kiến những cảnh tượng thương tâm thảm khốc trong đêm Lễ Giáng Sinh, để ngày ấy mọi dân tộc, mọi quốc gia cùng vang lên những lời ca thanh bình, chấm dứt những chuỗi đau thương khổ hận,

« Vinh danh Chúa Cả trên Trời, bằng an cho những người ngay lành dưới thế », đó là lời các Thiên Sứ trên Trời đã ca vang chúc tụng Ngôi Hai Thiên Chúa khi Người sinh xuống thế trần.

Trong chúng ta ai mà chẳng mong đợi và khao khát sự bằng an và Hòa Bình Hạnh phúc, nhưng chúng ta hãy kiểm điểm và tự hỏi rằng chúng ta có phải là những kẻ ngay lành đáng đón nhận và thụ hưởng những hồng ân của Chúa trong ngày Lễ Giáng-Sinh không?

Hòa bình là vô giá, ai mà không ước nguyện cầu mong, nhưng hòa bình thật sự chỉ có thể đến với nhân loại chúng ta, khi nào trong tâm hồn mọi người có sự bằng an, và sự bằng an trong tâm hồn chính là nền tảng để tiến tới Hòa bình thật sự trên dương thế.

DUY-THANH



MỘT TẤM CƯƠNG

NGÒI TÙ Ở QUẢNG-CHÂU

*Vẫn là hào kiệt vẫn phong lưu
 Chạy mỗi chân thì hãy ở tù
 Đã khách không nhà trong bốn bể
 Lại người có tội giữa năm châu
 Búa tay ôm chặt bỏ kinh tế
 Mở miệng cười tan cuộc oán thù
 Thân nọ vẫn còn, còn sự nghiệp
 Dù bao nguy hiểm sá gì đâu.*

Sào-Nam PHAN BỘI-CHÂU

M
U
Ô
N
T
H
U
Ồ



★ HOA-HÁN



AI thi trên đây là tác phẩm của cụ Phan Bội-Châu làm ra lúc cụ ở tù tại Quảng-Châu. Mãi cho đến nay trên hai mươi năm trời mà thanh danh của con người ấy và dư âm của lời nói khi phách

trên kia vẫn còn vang dội trong tâm hồn của những người yêu nước.

Cụ Phan Bội-Châu tạ thế ngày 29 tháng 9 âm lịch năm canh thìn nhằm đêm 29 tháng 10 năm 1940.

Cụ có biệt hiệu là Sào Nam tự là Hải Thu sinh năm 1867 tại xã Đông Liệt, tỉnh Nghệ-An. Từ thuở nhỏ cụ đã nổi tiếng là một người thông minh, hiểu học, văn tài vang dội khắp miền Nghệ Tĩnh.

Năm 1857, sáu tỉnh Nam phần đã lọt vào tay người Pháp, rồi lần lượt kế tiếp theo các tỉnh ở Bắc phần, ở Trung phần cũng cùng chung một số mệnh đó.

Năm 1883, Kinh thành Huế thất thủ, Vua Hàm Nghi chạy ra Quảng Trị. Cụ Phan Đình-Phùng lập chiến khu Vụ Quang và lãnh đạo phong trào Cần Vương kháng Pháp. Cụ Phan Bội-Châu thuở bấy giờ mới có 19 tuổi, cụ đã cùng với các chiến sĩ đồng lứa tuổi cụ lập ra một tổ chức du kích chống với giặc Pháp lấy tên là « Sĩ tử cần vương đội ».

Nhưng lực lượng của giặc Pháp quá mạnh. Bọn chúng đi đến đâu đánh tan đến đấy. « Sĩ tử cần vương đội » vì thế mà phải thất bại.

Cụ trở về quê, phụng dưỡng cha già, và chăm lo đèn sách. Bấy giờ, gia đình cụ rất nghèo túng, phải dạy học

để nuôi thân. Nhưng tâm trí của con người cách mạng ấy không bao giờ xao lãng việc giúp đời, cứu nước.

Cụ cũng biết rằng cử nghiệp là con đường hư danh, nhưng với trình độ của nhân dân trong nước ta, cụ phải lấy bằng cấp để làm một phương tiện thực hiện chí hướng của mình. Năm Thành-Thái thứ 12 tức là năm 1900 cụ đậu thủ khoa tại Nghệ An. Lúc bấy giờ cụ đã được 33 tuổi, tiếng tăm lừng lẫy.

Rồi từ đó về sau, cụ dần thân hẳn vào con đường cách mạng cho đến khi nhắm mắt.

Năm 1901, Cụ Phan Đình-Phùng qua đời, phong trào Cần Vương tan vỡ hẳn. Giai đoạn đấu tranh bằng vũ lực được chấm dứt. Các chiến sĩ cách mạng lần lần giác ngộ rằng dân tộc Việt không thể nào dùng súng mà đánh đuổi người Pháp đi được. Huống chi, trước cái họa thối nát, những lạm của một bọn vua quan lỗi thời lạc hậu đột nát như triều đình Huế, các chiến sĩ ái quốc cũng nhận thấy rằng thực hiện một cuộc cách mạng dân tộc không thể nào chỉ noi theo con đường vũ lực mà thôi. Họ cần phải cải thiện xã hội, phải mở mang dân trí, phải thu phục dân tâm...

Một phong trào mới phát sinh, một giai đoạn mới đã tiền đềm và một ý thức mới như bùng dậy trong lòng mọi người thanh niên yêu nước thuở bấy giờ.

Một chuyển hình kỳ dân tộc cách mạng đã được thực hiện. Cuộc đấu tranh vũ lực bắt đầu bước sang giai đoạn đấu tranh chính trị, đấu tranh văn hóa và đấu

(Xem tiếp trang 12)

MỘ ĐẠO

MAI - NGUYỆT

RẤT nhiều người nhận xét rằng, trong vòng mười mấy năm nay, từ lúc có còi báo động và có những trái tạc đạn đầu tiên liệng xuống đô thành Hà-nội và Sài-gòn, một số đông bà con ta, bỗng nhiên, có tinh thần mộ đạo. Tinh thần mộ đạo đó phát triển một cách rõ rệt, có khi còn âm ỉ là khác nữa. Những đồng bào công giáo thì chăm chú đi Nhà Thờ và đi xem lễ hơn những thửa an lạc thái bình. Ông già bà cả thì sáng chiều chăm chỉ tới quỳ trước Thánh Giá đề cầu kính. Về bên lương, sự tôn sùng Trời Phật, không cần phải chú ý cũng thấy rõ. Ngoài tiếng chuông chùa chiêu mộ, văng lên đề cảnh tỉnh chúng sinh đừng đắm đuối trong vòng tục lụy khổ hải, những tiếng chày kinh đều đều gõ trên những chiếc mõ lốc cốc, báo cho ta biết là các cư sĩ và các nữ bồ tát, tu tại gia, đang mở bồ đề tâm, cực lực tụng kinh. Trong những ngày sóng lặng gió yên, lòng mộ đạo cũng tựa hồ chìm xuống. Con người mãi lo toan quay cuồng bên tầu, tìm lợi trục danh, có còn thời giờ đâu để nghĩ tới Chúa, tới Phật, tới Trời? Ấy thế mà bắt đầu nghe tiếng bom dội xuống khủng khiếp kinh hồn, là bất luận nam phụ, lão ấu, ai nấy thầy đều cầu nguyện. Tùy theo tôn giáo của từng người, kẻ thì làm dấu, kẻ thì đọc kinh, kẻ thì niệm Phật. Trạng thái đó tái diễn mỗi lần con người tự thấy mình đứng gần kề tai nạn. Trong lúc phong ba bão táp, sét nổ liên thanh, tự nhiên con người hoảng sợ và làm rầm khấn khứa. Cũng như lúc đi máy bay gặp bão, hoặc trông thấy cánh quạt trực trực làm cho chiếc phi cơ nghiêng lệch hẳn đi. Hoặc đi tàu thủy giữa lúc biển động sóng găm, hoặc bị hỏng máy xe hơi ở một quãng đường rừng, trong đêm tối.

Ấy, cứ thấy Tử Thần tới ve vãn mình, là con người tự nhiên quay trở về với Trời, với Chúa.

« Sự kính sợ Thượng Đế là bắt đầu nền đạo đức », phương ngôn Âu Tây có câu như vậy. Chẳng biết có phải những Phật tử quả thiệt tụng kinh vì lòng kính Trời sợ Phật, hay chỉ sợ sinh mạng của mình mong manh như sợi tóc, nên dựa vào thần quyền đề đỡ ngại đỡ lo? Nếu đúng là vì sợ chết mà tụng niệm, thì thái độ mộ đạo đó chỉ là một vẻ phát triển không kín đáo của lòng ích kỷ và hèn nhát mà thôi. Thời thường sao chẳng « ời a, ời a », mà cứ đợi nghe tiếng sấm, tiếng sét, tiếng bom, tiếng đạn, mới rì rà, rì rầm, ríu ra, ríu rít, cầu khấn Phật Trời cùng Chúa? Những đấng Chí Tôn chỉ chứng giám cho loài người khi loài người làm việc thiện. Còn như bản tâm tàn ác, hành động tàn ác, thì

dù cầu nguyện, kêu khóc, có bao giờ Trời đất chứng minh cho. Con người, mù quáng vì lòng ích kỷ, không giác ngộ rằng sự tụng niệm chỉ là một tập quán của kẻ tu hành, đề luyện cho tinh tâm, tinh trí, chú ý vào một ý tưởng duy nhất ngõ hầu dễ dàng sự nhập định tham thiền. Ngoài mục đích đó, quả chuông, chiếc mõ, cùng những pho kinh, không đem lại một hiệu quả phúc đức nào cả. Con người tụng kinh mà nghĩ xằng làm bậy, có đâu bằng con người không tụng niệm gì cả, mà ăn ở có nhân có nghĩa trên đời? Nhân nghĩa là việc chính, còn tụng niệm chỉ là việc phụ. Cũng như trai với giới. Giới mới là điều cốt yếu, còn trai, thì chỉ là một tập quán tốt mà thôi. Sở dĩ kẻ tu đạo ăn chay, là đề cho thân thể trong sạch nhẹ nhàng ít tật bệnh, và cũng đề tránh việc sát sinh vô ích. Nhưng ăn chay chỉ có một giá trị tương đối, không phải cứ ăn chay thì thành ngay chánh quả đâu. Tục ngữ có câu : « Ăn mặn nói ngay, còn hơn ăn chay nói dối ». Trai, tuy là có công dụng về thể xác, nhưng không quan hệ bằng giới, có ảnh hưởng về tinh thần. Theo đạo Phật thì kẻ tu hành phải triệt để tuân theo năm điều cấm kỵ. Năm điều đó là Ngũ giới. Tức là : « Bất sát, bất tửu, bất đạo, bất đàm, và bất vọng ngữ ». Ngũ giới của Nhà Phật, thích hợp với Ngũ thường của Khổng giáo. Bất sát đề biểu dương lòng Nhân. Bất tửu đề thận trọng giữ Lễ. Bất đạo đề tỏ rõ chính Nghĩa. Bất đàm đề khỏi bị thất Trí. Bất vọng ngữ đề bảo tồn chữ Tín.

Xem như thế, bất luận thời nào, các tôn giáo cũng đều dạy bảo người ta làm việc thiện. Nhưng làm việc thiện, cần nhất là phải hiểu rõ thế nào là Thiện nghĩa là phải có trí phán đoán sáng suốt, cũng gọi là chính kiến. Làm việc thiện, là phải từ bi bác ái, mở rộng lòng vị tha, mà diệt bỏ tánh ích kỷ đi. Có như thế, tinh thần sùng đạo mới có hiệu quả bỏ ích, mà sự tụng niệm trai giới mới có nghĩa lý. Tụng niệm đề rèn luyện trí tuệ cho sáng suốt, chứ không phải đề cầu Trời khấn Phật phù hộ cho thân mình được sung sướng và gia đình mình được phúc lộc đâu. Nếu tụng kinh mà tạo nổi cảnh « vinh thân phì gia », thì ai mà không muốn tụng? Cũng như, nếu chỉ việc ăn rau cỏ mà trở nên đắc đạo, thì ai ăn thịt cá mà làm gì. Thụ trai là một tập quán có lợi cho thân thể, tránh được tội sát sinh, nhưng ăn chay không quan hệ bằng tự mình tìm hãm mình để giữ gìn cấm giới. Giới được thân mới đáng quý, còn vấn đề ăn chay hay không ăn chay, chỉ là phụ thuộc mà thôi. Bình luận một cách rộng rãi và vô tư, thì vấn đề tụng niệm và trai giới có một công dụng đặc biệt, và triệt để không bao giờ « vụ lợi » cả.

THEO DÕI



HEO dỗi là một nghệ thuật và cũng là một công việc làm cho nhân viên hành sự vất vả rất nhiều về thể xác cũng như về tinh thần. Tùy theo từng tính cách của mỗi vụ, nhân viên theo dõi có thể, hoặc đánh động cho đương sự biết là y đang bị theo dõi hoặc trái lại, tìm đủ mách lới khôn khéo để mặt theo dõi, sao cho y không nghi ngờ.

I.— TRƯỜNG HỢP ĐÁNH ĐỘNG CHO ĐƯƠNG SỰ BIẾT LÀ Y ĐANG BỊ THEO DÕI

Tác dụng này có mục đích :

— Đối với một cá nhân bị hạn chế sự đi lại, chỉ được phép lui tới trong một phạm vi nào đó trong một địa hạt. Việc làm cho y cảm thấy rằng y đang bị theo dõi sẽ làm cho y tôn trọng chỉ thị của nhà cầm quyền và đồng thời cũng là để ngăn ngừa việc y tìm cách lầu thoát, nếu có.

— Làm cho tinh thần kẻ tình nghi căng thẳng đến mức không chịu nổi phải tìm cách để thủ tội hầu cho tâm hồn được thư thái. Trường hợp này giúp ích rất nhiều cho những cuộc điều tra thăm vấn như câu chuyện sau đây :

« Cách đây không lâu, tại kinh thành Luân Đôn bên Anh Quốc, dư luận dân chúng rất sôi nổi trước nhiều vụ mưu sát rất bí mật vừa xảy ra. Thủ phạm là một người đàn ông đứng tuổi, y phục chỉnh tề, vẻ qui phái, ưa thích làm quen với những thiếu phụ có bộ tóc vàng và thân hình mập mạp. Y mời các thiếu phụ đó dùng cơm tại những tầu quán và tự giới thiệu là y sĩ. Tại đây, khi vui vẻ trò chuyện, y cho các bà hay là họ đã bị bệnh về máu cần phải dùng thuốc để điều trị. Kẻ y móc túi lấy ra những hũ thuốc mà y cho biết là chính y đã tự chế lấy rất công hiệu. Y mời những thiếu phụ này dùng thử. Uống thuốc xong lời hai giờ thì những người đàn bà nói trên tất thảy.

Tất cả có tới gần 10 thiếu phụ thuộc loại tóc vàng và thân hình mập mạp đã là nạn nhân của y.

Kể đó ít lâu, sở Cảnh-sát Anh Quốc nhận được một lá thư nặc danh tố cáo một vị bác sĩ y khoa tên là Neill-Cream là thủ phạm những vụ mưu sát nói trên. Vì lẽ không thể dùng thơ nặc danh để buộc tội một vị bác sĩ, nhà

chức trách Cảnh-sát liền cho áp dụng một kế hoạch với mục đích làm mòn mỏi tinh thần kẻ tình nghi, tức vị bác sĩ nói trên. Họ chỉ định cho nhân viên theo dõi bác sĩ cả ngày lẫn đêm và phải cố ý làm sao cho bác sĩ này thấy rõ rằng mình đã bị theo dõi. Bác sĩ đến phòng khám bệnh thì đã có kẻ lạ mặt ở trước cửa phòng. Bác sĩ về nhà thì cũng có kẻ lạ mặt theo sát. Nói tóm lại luôn luôn, lúc nào bác sĩ Neill-Cream cũng thấy mình bị theo dõi, trông chừng.

Như thế, sau mấy tháng, Neill-Cream mất ăn mất ngủ, lo sợ đến gần mất trí. Cuối cùng không chịu đựng được nữa, ông ta đành phải thú nhận hết tội lỗi về những vụ mưu sát nói trên với sở Cảnh-sát Anh-Quốc để cho tinh thần được thư thái.

II.— TRƯỜNG HỢP MẶT THEO DÕI ĐƯƠNG SỰ

Nó có mục đích :

— Tìm bằng chứng một vụ phạm pháp hầu giúp ích cho công cuộc điều tra.

— Ngăn ngừa kịp thời một hành động phạm pháp hay để bắt quả tang một vụ phạm pháp.

— Tìm hiểu hoạt động của kẻ tình nghi và đồng lõa.

— Tìm biết những nơi giấu đồ lậu, nơi giấu tài liệu v.v...

Công việc theo dõi này rất phức tạp. Nhân viên theo dõi phải vận dụng tất cả sự khôn khéo, mách lới để bám sát kẻ tình nghi sao cho y vẫn vô tình không ngờ là đang bị theo dõi.

Do đó, việc chỉ định nhân viên vào công việc này rất quan trọng. Có nhiều người giàu kinh nghiệm giàu năng lực chuyên môn nhưng lại không thích hợp với công tác vì lẽ họ đã có những đặc điểm khiến cho nhiều người xung quanh phải chú ý tới như :

— Cao hoặc thấp quá mức trung bình.

— Dáng đi không được tự nhiên, hoặc quá ưỡn ngực hoặc quá còng lưng.

— Có đặc điểm ở mặt...

— Có tật.

★ PHẠM - TRỌNG - TÚ

Sau đây là những điểm căn bản mà một nhân viên có nhiệm vụ theo dõi cần phải biết :

— *Phải có dáng điệu tự nhiên.* Điểm này rất quan trọng. Nếu điều tra viên lúng túng không được tự nhiên thì có thể trong lúc người bị theo dõi chưa kịp khám phá ra nhân viên này, một đệ tam nhân nào đó đã nhìn thấy và báo cho người bị theo dõi biết.

— *Quần áo phải giản dị và thích hợp với hoàn cảnh.* Một bộ quần áo loè loẹt, lập dị rất dễ làm cho thiên hạ chú ý, dù là trong đám đông. Nhân viên theo dõi không nên mang cà vát sặc sỡ, quần áo thể thao, nón (mũ) màu quá lợt.

— *Không nên cải trang.* Việc cải trang như mang râu giả, nhuộm tóc bạc v.v... chỉ có thể có trong những cuộc tiểu thuyết trinh thám. Đối với một nhân viên theo dõi thì việc đeo kính hoặc thay đổi nón (mũ), cà vát, áo ngoài cũng có thể làm thay đổi hình dạng. Nhiều khi chỉ cần lột bỏ áo ngoài hay liệng chiếc nón (mũ) đang đội cũng đủ để cho hình dáng khác đi.

— *Phải biết quan sát.* Phải nhận diện cho kỹ kẻ tình nghi để có thể nếu cần, nhìn được ra y trong những thời gian về sau. Phải ghi nhớ về tuổi, chiều cao, cân nặng, màu tóc, màu mắt, bộ râu, cặp kiếng của y nhất là về dáng đi và cử chỉ. Phải để ý cả về cách phục sức như quần áo, cà vát, giày, nón và những thói quen của đương sự.

Những sự kiện này sẽ giúp cho nhân viên theo dõi nhận dạng được kẻ tình nghi một cách dễ dàng ngay trong đám đông người, hoặc bất cứ trường hợp nào.

— *Phải thận trọng và có mảnh lối.* Cần phải dè dặt đối với những người lối xóm, bè bạn của kẻ tình nghi — Nhân viên theo dõi phải sắp sẵn trước một câu chuyện hợp lý, hợp cảnh để có thể giải thích sự có mặt của mình tại những địa điểm phải

tới phòng khi gặp người bất thần hỏi đến. Không nên có những cử chỉ quá lộ liễu khiến cho nhân viên Cảnh-sát hoặc tài xế « taxi » phải lưu ý đến mình. Không bao giờ nên hỏi thăm hoặc dò hỏi tin tức, làm vậy sẽ dễ bị chú ý. Nên nhớ là nhiệm vụ chính của người theo dõi chỉ là quan sát và ghi nhớ. Hãy dành việc thu lượm tin tức cho những nhân viên khác.

— *Khi theo dõi.* Không nên trì hoãn nhiều ở ngoài lộ. Nếu phải cộng tác với một nhân viên nữa thì giữa hai người không nên có sự gặp gỡ quá nhiều. Phải định trước một nơi để liên lạc phòng khi phải xa nhau. Nếu phải đứng yên một chỗ để quan sát kẻ tình nghi thì luôn luôn thận trọng đối với dân chúng quanh vùng, coi xem có ai để ý đến mình không. Cũng không nên quá « tự kỷ ám thị » cho rằng mọi người đều chú ý đến ý mình.

Khoảng cách xa kẻ tình nghi để theo dõi, trông chừng rất quan trọng. Nó thay đổi tùy theo trường hợp, như ở ngoài châu thành thì có thể theo sau một khoảng xa, nhưng trong thành phố đông người nhiều khi phải bám sát lấy đương sự.

Về việc này, phải hành động khôn khéo sao cho không cách xa kẻ đương sự quá để khỏi mất y và cũng không nên đi gần y quá để cho việc làm của mình khỏi bị lộ.

Nếu đương sự vào trong nhà thì phải để ý coi nơi đó có nhiều cửa ra vào hay không. Tại những nơi khách sạn lớn, cửa hàng lớn, tiệm ăn hay dinh thự của Chính phủ thì nên theo gót y để trông chừng. Nếu là căn nhà nhỏ thì chỉ nên đứng ở ngoài. Gặp trường hợp này cần phải hết sức nhẫn nại. Kẻ tình nghi có thể ở trong đó vài phút cũng như hằng giờ.

Nhân viên đi theo dõi trong túi lúc nào cũng cần phải có tiền lẻ phòng những khi phải chi tiêu bất ngờ. Không nên nhìn thẳng vào mặt người bị theo dõi. Nếu bị y nhìn vào mặt mình thì phải điềm tĩnh không nên có cử chỉ như lảng tránh y. Khi cần, nên tạm thời để mắt liên lạc với y hoặc bỏ không theo dõi nữa còn hơn là để chính mình bị lộ.

Gặp trường hợp chính mình bị theo dõi thì không nên quay đầu lại ngó hoặc rảo bước. Cũng không nên có cử chỉ hoảng hốt, tìm cách để lên xe buýt khi xe đang chạy. Như vậy sẽ tỏ cho đối phương biết là mình đã biết hành động của y. Trái lại nếu có cử chỉ tự nhiên thì đối phương sẽ cho rằng sự mình đánh lạc y chỉ là việc ngẫu nhiên.

Có thể đánh lạc y bằng cách vào một tiệm buôn rồi ra bằng cửa sau



hoặc lên thang máy để xuống bằng thang chân hoặc dẫn dắt y tới những nơi có nhiều bêm (như xóm Bàn Cờ Saigon chẳng hạn) rồi tìm cách lần.

Nói tóm lại, một cuộc theo dõi mật, nếu được tổ chức chu đáo, thì sẽ rất lợi cho cuộc điều tra. Thường thường chỉ cần vài ngày hoặc vài giờ theo dõi là có thể biết được hành động, địa chỉ, nơi làm việc, thói quen, đồng lõa của kẻ tình nghi.

Trái lại, nếu việc làm bị sơ hở để đương sự biết là y đang bị theo dõi thì nhiều khi hậu quả sẽ tai hại vô cùng. Y sẽ thụ động hoặc tìm cách lẩn trốn hoặc sẽ có những phản ứng để làm lạc hướng cuộc điều tra, như trường hợp sau đây :

« Câu chuyện xảy ra ở Hải-Phòng, hồi năm 1953. Cơ quan Cảnh-sát địa phương có thầu lượm được nguồn tin cho hay một công chức cao cấp bị tình nghi lợi dụng chức vụ để liên lạc với nhiều con buôn thành tích bắt hạo hầu tổ chức buôn lậu. Hai nhân viên điều tra được chỉ định mật theo dõi đương sự để tìm hiểu những nơi y hay lui tới, cùng với những người mà y tiếp xúc. Không rõ hai nhân viên này đã có hành động như thế nào mà viên chức cao cấp nói trên lại biết được là mình đang bị theo dõi. Lúc đó nhằm buổi sáng một ngày chủ nhật, hồi 8 giờ.

Cần phải nói thêm rằng tại Hải-Phòng, nơi khu phố của Hoo kiêu ở, có nhiều căn nhà có lầu và thang gác thì lại được xây ngay ở ngoài đường. Như vậy, khi muốn lên lầu, người ở ngoài đường chỉ việc dùng cầu thang đó khỏi phải đi qua nhà dưới.

Lúc đó, 2 nhân viên nói trên vẫn đi theo viên chức cao cấp. Họ thấy ông ta lên cầu thang một căn nhà có lầu như kiểu căn nhà nói trên. Lên hết bậc thang, người công chức này liền chọt đôi giầy của y ra đoạn xếp trên bậc cầu thang trên cùng. Hai nhân viên theo dõi vẫn canh chừng trước cửa, mắt chú ý nhìn đôi giầy nói trên.

Kể đó một thời gian hơi lâu vẫn chưa thấy viên chức nói trên đi ra. Nhân viên theo dõi nhẩn nại chờ đợi. Họ lý luận rằng đôi giầy còn thì người bị theo dõi vẫn phải còn ở trên lầu. Đợi cho tới 16 giờ chiều thì họ cảm thấy mắt bình tĩnh và đánh bạo lên lầu hỏi thăm.

Người chủ nhà trả lời không biết vì lẽ căn lầu này có nhiều gia đình ở. Ngoài ra còn có một cầu thang nữa ẩn thông ra cửa sau.

Hai nhân viên nói trên đã bị thượng cấp khiển trách nặng nề. Công cuộc điều tra nội vụ bị gián đoạn. Lý do : « viên chức nói trên đã tỏ vẻ thận trọng trong hành động. Ngoài giờ làm việc, ông ta nằm yên ở nhà không tiếp xúc và cũng không liên lạc với ai nữa »

Phạm-trọng-Tú

Một tâm gương...

(Tiếp theo trang 8)

tranh xã hội.... Chính cụ Phan-Bội-Châu là nhà lãnh tụ dân tộc đã đánh dấu cuộc thay đổi này và viết nên một trang sử hết sức vẻ vang trong cuộc đấu tranh cách mạng của người Việt.

Cụ theo lời khuyên của một người bạn thân là ông Đặng-Thái-Thân vào Nam ra Bắc để phát triển tổ chức và tích cực hoạt động cho phong trào chính trị chứ không phải chỉ lo sự kết nạp một số binh lính ở hợp lập thành các chiến khu như thời Cần Vương nữa. Cụ đã vào tận những tỉnh Châu-Độc, Hà-Tiên, Thất - Sơn, Cán - Thơ, Vinh-Long, Sa-Đéc.... Cụ lại dùng văn chương để khích lệ và tuyên truyền đường lối cách mạng. Năm 1904, Cụ viết cuốn « Lưu cầu huyết lệ tân thư » và kết thân với nhiều nhà chí sĩ trong nước như ông Trần - Quý - Cáp, như Cụ Tây-Hồ Phan-Châu-Trinh, như ông Tăng-Bạt-Hồ, Đặng-Từ-Kính.

Năm 1905, Cụ sang Tàu, rồi sang Nhật, gặp gỡ những yều nhân ngoại quốc như ông Lương-Khải Siêu, Khuyến-Dưỡng-Nghị.... Lúc bấy giờ các nước Á - Châu đang bị một cái họa chung là cuộc xâm lăng của người da trắng nên các nhân sĩ ngoại quốc cũng cùng cảm đến cái cảnh ngộ chung của các dân tộc nhược tiểu mà sẵn sàng giúp đỡ Phan tiên sinh. Cụ Phan cho rằng lời nói của Lương Khải Siêu là đúng đắn hơn cả. Họ Lương bảo rằng : « Thực lực hệ trọng nhất không gì bằng nhân tài. Vậy trước nhất phải lo đào tạo nhân tài. Hệ nhân tài có đủ thì thời cơ đến là khởi sự một cách dễ dàng ». Lời nói thật như vàng ngọc, mãi đến ngày nay, chúng ta thấy vẫn còn có một giá trị vô song. Cụ Phan bàn cùng ông Tăng Bạt Hồ thành lập phong trào Đông Du. Cụ viết ra tập « khuyến thanh niên du học » và tập « Hải ngoại huyết thư »...

Rồi từ đó bao nhiêu lần chìm nổi, từ Nhật, sang Tàu, sang Thái Lan, cụ làm rất nhiều nghề nào viết báo, soạn sách, viết truyện, làm việc đồng áng, dãi nắng dầm mưa thật là cực khổ, song không lúc nào xao lãng chí hướng cách mạng. Số thanh niên xuất dương có đến hai trăm người đều được cụ chăm sóc lo liệu tận tình.

Khó nhất là lúc người Nhật ký thương ước với người Pháp rồi hạ lệnh trục xuất các thanh niên Việt-Nam khiến cho bao nhiêu người không có chỗ có nơi nương tựa, lo sợ, điều đứng thật là thê thảm. Đọc tới những dòng sử này dầu là sắt đá cũng đau xót chứ đừng nói gì đến những kẻ có tâm hồn yêu nước. Rồi càng đau xót chừng nào càng nghĩ đến những hạng phần trác đầu cơ chính trị, đầu cơ cách mạng để thỏa mãn tham vọng cá nhân nhất là bọn phản loạn trong ngày 11-11-60 vừa qua, chúng ta không ngăn được nỗi ngậm ngùi ứa lệ.

Ngày nay, nhân ngày truy niệm (29 âm lịch) nhà Chí sĩ lão thành ấy, ta hồi tưởng lại tâm gương của Người mà không khỏi không thương tiếc ngậm ngùi và tự nhiên cảm thấy một sự kính trọng vô biên đối với hương hồn của người anh hùng muôn thuở.



H. L. T. L.

**CỨU
NGƯỜI**
Là
**TRÁCH
VỤ**



HẬT báo «Tiếng Chuông» số 2895 ra ngày 14-10-60, có đăng một bài nhan đề là: ANH HÙNG ĐẦU... VÀNG MẶT của ký giả LÊ QUỐC, nói về vụ một nhân viên Công-an Cảnh-sát cứu người chết đuối, nguyên văn như sau :

« Chiều chúa nhật 9-10-60 tại Cầu Quay phía Khánh-Hội đã xảy ra một vụ vớt người chết đuối khá sôi nổi và tức cười, đầu đuối như sau : Bà lão người Trung-Hoa tên Lâm-Nhan vì lãng trí nên té xuống sông. Lúc đó độ 18 giờ 30, khách « tài hoa sơn trẻ » dập đầu, những anh hùng tóc quăn, quần tùm cũng lăm, nhưng ai nấy đều đứng nguyên mà nhìn ngó như coi... xi nê !

« Sông sâu nước lớn chảy siết, có lẽ người ta ngán Thầy Thần hoặc bị vợ trối, con tùm nên bà già vô phúc nói trên ngoi lên, ngụp xuống mặc cho nước cuốn, tánh mạng chỉ một còn, mười mất !

« May sao giữa lúc nguy nan đó, một viên chức (hình như ông Í... tòng sự tại Nha Tổng Giám Đốc CACS Saigon) dắt 3 đứa con nhỏ vừa đi tới. Thầy cảnh nguy nan của nạn nhân và sự bắt lực của khách qua đường, vội tháo giầy, đẩy các con ngồi xuống bên cầu rồi nháy xuống sông cứu vớt.

« Sau một hồi vật lộn với Hà Bá, vị tráng sĩ này lồi được nạn nhân lên bờ thì nạn nhân đã bất tỉnh mà người cứu mạng cũng « ngắt nư » ! Ngay khi đó có xe của Cảnh-sát cuộc đến vội chở nạn nhân vào bệnh viện cứu chữa.

« Điều mà tức cười nhất là trong khi ông Í... đang vật lộn với sông nước, phần bị vướng quần áo, phần bị nạn nhân níu kéo nên phải cố sức chống đỡ gần hạt hơi thì trên bờ 3 con ông cũng tíu tít dắt nhau định nháy xuống sông để cùng « tắm với Ba » !!

« Khi xe Cảnh-sát chở nạn nhân đi khỏi, giữa khách bàng quan đã xảy ra một cuộc tranh luận hào hứng... »

Ngoài báo Tiếng Chuông, các báo Dân Chúng và Lễ Sùng cũng khai thác tin này, suy luận tán dương hành động của viên chức ngành CACS và phê bình thái độ của mấy bạn thanh niên « hùng » có mặt tại nơi xảy ra tai nạn.

Trên bình diện giao tế dân sự, nhân câu chuyện trên, ta hãy phân tích hành vi của viên chức này với vấn đề thử đặt ra : « Cứu người khi lâm nạn hiểm nguy là một trách vụ hay vì lòng nhân đạo » đối với người cán bộ CACS. ?

(Xem tiếp trang 53)

TÒA ÁN QUÂN SỰ



AO Luật số 10/59, ngày 6-5-1959, quy-định một số tội-phạm thuộc loại phá-hoại và khủng bố xâm-phạm an-ninh quốc-gia như cố sát, bắt cóc, đốt phá..., vừa thiết lập một cơ-quan tài-phán mới, mệnh-danh là Tòa-án Quân-sự đặc biệt.

« Đặc-biệt » là vì vốn-dĩ trong tổ-chức Tư-pháp đã có những Tòa-án Quân-sự, có thẩm-quyền xét xử các quân-nhân phạm-pháp cũng như các chính-trị-phạm. Nhưng các Tòa-án Quân-sự hiện-hữu ấy xét ra thành phần chưa « cân xứng với những vụ có tính-cách chính-trị đặc-biệt quan-trọng » (như các tội vừa thi-dụ trên), nhất là thủ-tục, mặc dầu đã được giản-dị-hóa khác thủ-tục trước các Tòa-án thường-luật rất nhiều, nhưng cũng còn nặng-nề chậm-chạp, không thích-ứng với những sự tác yêu tác quái dã man của phiến cộng, là những tội ác cần phải trừng-trị ngay trước mắt và ở tại địa-phương. Để tránh các nhược điểm ấy, nhà lập-pháp đã cho tổ-chức Tòa-án Quân-sự Đặc-biệt, là một Tòa mà thành phần và thủ-tục sẽ nhẹ nhàng và quyết-liệt hơn.

Phầm-từ « đặc-biệt », nói cho đúng, có lẽ cũng không phải là mới mẻ. Hồi 1954, khi Hiệp-định Genève được ký kết, phân chia Nam Bắc, chính-quyền Quốc-gia đã có thiết-lập cho mỗi địa-hạt Bắc và Trung-Việt (khi ấy còn gọi Bắc-Việt, Trung Việt) một « TÒA ĐẠI HÌNH ĐẶC-BIỆT », mục-đích để đối-phó với những phần-tử muốn phá-hoại hoặc cản trở cuộc di-cư của các cơ-quan cũng như của đồng-bào (Dụ số 19 ngày 1-8-1954). Thành-phần Tòa Đại-hình Đặc-biệt này gồm 3 vị ở ghế xử án, là một Chánh-thẩm và hai Phụ-thẩm, thì Chánh-thẩm và một Phụ-thẩm là viên-chức cao cấp ngạch Hành-chính, hay Sĩ-quan trong quân-đội, chỉ có một Phụ-thẩm là Thẩm-phán. Còn ghế Công-tố, thì Ủy-viên Chánh-phủ cũng lại là một viên

chức cao cấp ngạch Hành-chính. Tòa có thể đi xử lưu-động, và xét xử « theo thủ-tục mà Tòa sẽ định, không cần thăm vấn sơ-khởi, tội-nhân không được thượng-tố hay kháng-cáo. » Khi cuộc di-cư đã ổn-định, Tòa Đại-hình đặc-biệt này không còn lý do tồn-tại, nên đã bị bãi bỏ, do Dụ số 33 ngày 16-5-1955.

Điều-bộ đặc-biệt ấy, có thể nói rằng đại-đề chúng ta lại thấy trong « Tòa-án quân-sự đặc-biệt » ngày nay, nếu chúng ta để ý xét kỹ Tòa này về các phương-diện quản-hạt, thành-phần, thẩm-quyền của thủ-tục.

I.— QUẢN-HẠT TÒA ÁN QUÂN-SỰ ĐẶC-BIỆT

Điều 6 Luật số 10/59 chủ-trương thiết-lập 3 Tòa án Q.S.Đ.B. đặt trụ-sở ở Saigon. Huế và Banmethuot. Nghĩa là lãnh-thò quốc-gia được phân làm ba khu-vực : Nam-phần thuộc TAQSĐB Saigon, Trung-nguyên Trung-phần thuộc TAQSĐB Huế, và Cao-nguyên thuộc TAQSĐB Banmethuot. Sau này nếu nhu-cầu đòi hỏi, Chính-phủ có thể, bằng một Sắc-lệnh, thiết-lập thêm những TAQSĐB khác, và sửa đổi lại sự phân chia quản-hạt phác-định trên đây.

Trong thực-tế, hiện-thời hình như cũng chỉ mới thiết-lập TAQSĐB ở Saigon bao trùm cả lãnh-thò, còn ở Trung-nguyên và Cao-nguyên thì chưa nghe nói có TAQSĐB thiết-lập.

Điều 6 còn cho phép TAQSĐB đi xét xử lưu-động ngoài trụ-sở (như chúng ta thường thấy trong thực-tại), và trụ-sở có thể đặt chung nơi Tòa Thượng-Thẩm, Tòa Sơ-thẩm hay Hòa-giải Rộng-quyền, nghĩa là các Tòa-án thường-luật, tại địa-phương. Dầu sao, vấn-đề quản-hạt cũng không có gì đáng lưu ý như các vấn-đề thành-phần, hoặc thủ-tục trình bày sau đây.

ĐẶC BIỆT



II.— THÀNH-PHẦN TÒA-ÁN QUÂN-SỰ ĐẶC-BIỆT

Tòa-án QSĐB gồm có những ai ? Điều đó được minh-định trong các điều 7, 8, 9 và 10 Luật số 10/59.

Trước hết là ghế xử án, gồm một Chánh-thẩm và hai Phụ-thẩm. Chánh-thẩm là một sĩ-quan cấp Tá, có bằng Luật-Khoa Cử-nhân. Còn hai Phụ-thẩm thì một có thể gọi là « Phụ-thẩm Quân-sự », là một sĩ-quan cấp Tá trở lên, và một có thể gọi là « Phụ-thẩm Hành-chính » là Đô-trưởng, Thị-trưởng, hay Tỉnh-trưởng, nơi Tòa nhóm họp, hoặc người đại-diện các vị đó.

Ghế Công-tố giao cho một Ủy-viên Chính phủ do một hay nhiều Phó-Ủy-viên Chính Phủ phụ-lực. Tất cả đều là những sĩ-quan cấp Tá trở lên, bất-đắc-dĩ mới có thể lấy xuống cấp Ủy. Khác với chức-vụ Chánh-thẩm, Ủy-viên Chính-phủ khỏi cần điều-kiện văn-bằng. Một điểm dị-biệt thứ hai giữa chức-vụ xử-đoán và chức-vụ Công-tố là ủy-viên Chính-phủ và Phó-ủy-viên Chính-phủ chỉ được cử ra trong mỗi thời-hạn 6 tháng, còn Chánh thẩm thì được bổ nhiệm không hạn định.

Công việc biên chép, lưu-trữ, sẽ do một Phòng Lục-sự đảm-nhiệm, gồm một Lục-sự-trưởng và một số Lục-sự cùng Thư-ký đánh máy phụ-lực (điều 9). Tất cả các nhân-viên này cũng đều do Ng bị-định của Bộ-trưởng Quốc-Phòng hay Bộ Trưởng Phụ-tá Quốc-phòng bổ nhiệm, y như các vị Chánh-thẩm, Phụ-thẩm hay Ủy-viên và Phó-ủy-viên Chính-phủ nói trên.

Toàn-thê, Thẩm-phán cũng như Lục-sự, đều phải tuyên-thệ trước khi nhận việc. Tuyên thệ trước Tòa Phá-án và là tuyên thệ viết. Theo lời thuyết-trình-viên dự-án Luật thì tuyên thệ trước Tòa Phá-án là cốt đề tăng thêm uy-tín của các nhân-viên đó, còn tuyên thệ viết là muốn tránh cho những nhân viên ở xa khỏi

phải đích-thân đến Tòa Phá-án, làm ngăn-trở phần nào công-việc của họ.

Trong các cuộc thảo-luận dự-án Luật, một vài vị Dân-biểu có thắc-mắc : dù là một sĩ-quan cấp Tá có bằng Luật-khoa Cử-nhân đi nữa, vị Chánh-thẩm cũng vẫn có thể là người thiếu kinh-nghiệm không đủ bảo-đảm cho bị-can. Nhưng Liên ủy-ban Tư-pháp, Nội-vụ và Quốc-Phòng của Quốc-hội đã từng quan-tâm đến điểm đó, và đã đề-nghị với vị Đại-diện Hành-pháp là « trong thực-tế và trong tương-lai, Bộ Quốc-phòng sẽ cố gắng chỉ-định những ông Thẩm-phán dân-sự giữ các chức-vụ đó » (Công Báo Quốc-Hội số 16, ngày 19-9-59, tr 769, cuối cột 1).

Về phương-diện quyền-lợi vật-chất, Sắc-lệnh số 168-QP ngày 14-7-59 cho nhân-viên Tòa-án QSĐB được hưởng, ngoài lương-hồng và các phụ-cấp thông-thường, một khoản phụ-cấp vãng-phản hàng tháng là :

- 5.000\$ cho Chánh-thẩm và Ủy-viên Chánh-phủ
- 3.000 cho Phụ-thẩm quân-nhân và Phó-ủy-viên C.P.
- 2.000 cho Lục-sự-trưởng,
- 1.500 cho Lục-sự,
- 800 cho Thư-ký Lục-sự và Thừa-phát-lại.

Chỉ riêng Phụ-thẩm Hành-chính tức Đô-trưởng, Thị-trưởng, hay Tỉnh-trưởng, hoặc vị đại-diện, là không được hưởng khoản phụ-cấp đặc-biệt này, lý-do là vì các vị vốn-dĩ vẫn phục-vụ ngay tại địa-phương.

III.— THẨM-QUYỀN TÒA-ÁN QUÂN-SỰ ĐẶC-BIỆT

Phần lớn, TAQSĐB xét xử các vi-phạm do Luật số 10/59 quy-định, định nghĩa là các tội nhằm « mục-đích phá-hoại, xâm-phạm an-ninh quốc-gia, hoặc xâm

phạm sinh-mạng hay tài-sản nhân-dân », tạm kê như sau :

- Cỗ-sát, đầu-độc hay bắt cóc ;
- Đốt phá nhà cửa, mùa màng của tư-nhân, cũng như tất cả các kiến-trúc, các công-trình của nhà nước...
- Cướp hoặc có khí-giới, hoặc từ 2 người trở lên,
- Cản trở sự giao-thông trên bộ, dưới thủy ;
- Phá phiến chợ hay ngăn cản nhóm chợ ;

Điều cần nhấn mạnh, là muốn thuộc thẩm-quyền Tòa-án QSĐB, các tội vừa kê phải là nhằm mục-đích phá-hoại, mục-đích phục-vụ một tổ-chức chính-trị hoặc thực-hiện một chương trình chính-trị nghịch lại với công cuộc và đường lối kiến-thiết của chính-quyền quốc-gia. Cùng là giết người, cùng là hăm-dọa đốt nhà, nhưng giết người và hăm-dọa vì tư thù, vì ghen tuông, thì các tội đó vẫn thuộc thẩm-quyền Tòa-án thường luật ; chỉ khi nào giết người, hay hăm dọa để thi-hành một thủ-đoạn chính-trị như Việt-Cộng thường làm chẳng hạn, thì khi ấy tội mới thuộc thẩm-quyền Tòa-án Quân-sự Đặc-biệt.

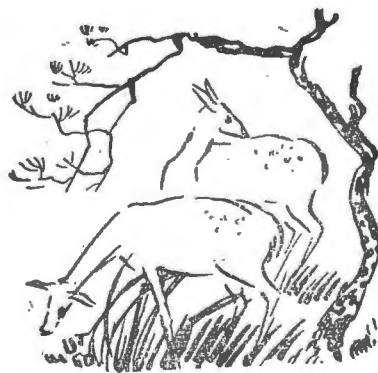
Nói theo ngôn-ngữ Luật-Học, trong các tội thuộc Tòa-án QSĐB đây, cái nguyên-do phạm-pháp (le mobile de l'infraction) được chú ý tới hẳn hoi. Nguyên-do ấy, đối với thường luật thì không cần thiết (giết người vì thù oán, hay giết người vì quá yêu thương như trường-hợp ông Huỳnh-văn-Định một đêm trấn nước chết 5 đứa con, cũng vẫn là giết người, là Cỗ sát cả), nhưng ở đây thì nguyên-do ấy được coi là một yếu-tố tiên-quyết, một tiêu-chuẩn để phân-biệt xem tội có thuộc thẩm-quyền Tòa-án QSĐB, (và khi đó sẽ bị trị nặng hơn lúc thường) hay không.

Ngoài những tội-phạm vừa kê, coi như đối-tượng chính yếu, Tòa-án QSĐB còn được Luật số 10/59 giao cho xét xử luôn cả các tội gián-điệp và phản-nghịch ấn-định bởi Dự số 47 ngày 21-8-56, cũng như các tội lũng-đoạn và phá-hoại nền kinh-tế và tài-chính quốc-gia dự-liệu bởi Dự số 61 ngày 3-10-55. Hai loại tội này trước kia thuộc Tòa-án thường luật xét xử, giờ đây được gán cho Tòa-án QSĐB, thì đó là một điều vô cùng quan-hệ : can-phạm trước kia được xét xử theo luật thường, nhưng nay thì phải chịu theo Luật đặc-biệt, nặng-nề và khe-khắt hơn nhiều.

Bản dự-thảo đầu-tiên định rằng Luật sẽ áp-dụng luôn cả đối với các tội-phạm xảy ra trước ngày ban hành luật, miễn là các vụ đó chưa được giải-quyết

bằng một bản án chung thẩm. Nói một cách khác dự án nguyên-thủy định cho luật « hồi tố ». Nhưng dự-thảo đó đã được tu-chính, và quan-niệm của Quốc-hội là luật sẽ chỉ áp-dụng cho những tội xảy ra sau ngày ban hành nghĩa là sẽ không hồi-lố (Công-Báo Quốc-hội đã dẫn, tr 770).

Nhân đây cũng nên ghi thêm : phạm các can-phạm thuộc thẩm-quyền Tòa-án QSĐB, bắt luận là chính-phạm, đồng phạm hay từng phạm, đều không được hưởng trường-hợp giảm khinh (điều 4 Luật số 10/59). Trái lại những người nào đã báo tin đầu tiên cho nhà chức-trách biết, trước khi tội-phạm được thực hành hay toan thực-hành, mà hiện chưa có sự truy-tố nào ; hoặc tuy có sự truy-tố rồi mà đã giúp đỡ cho bắt được những chính-phạm hay từng-phạm, thì sẽ được miễn hình-phạt hay được giảm khinh, (điều 5). Đây cũng ví như một phần thưởng mà Luật dành cho những người sớm biết cái tà quy chính, một phần thưởng mà tác-dụng là để khuyến-khích sự đầu-cáo, giúp cho công-cuộc diệt trừ khủng-bố được dễ dàng và hiệu-nghiệm hơn.



IV.— THỦ-TỤC TRƯỚC

T. A. Q. S. Đ. B.

Trước Tòa-án QSĐB, thủ-tục được giản-dị-hóa đến cực-độ. Thủ-tục « đặc-biệt » đó có thể tóm tắt vào hai câu :

— truy-tố luôn luôn là truy-tố trực-tiếp,

— xét xử và chấp-hành mau lẹ.

TRUY-TỐ TRỰC-TIẾP.— Điều 12 Luật số 10/59 định rằng : « Khi một việc thuộc thẩm-quyền T. A. Q. S. Đ. B. thì Bộ-Trưởng Quốc-

Phòng hay Bộ-Trưởng Phụ-Tá Quốc-Phòng ra lệnh có viện dẫn lý-do để đưa thẳng bị-can ra xét xử, không cần mở cuộc thăm-cứu ». Như vậy là sau khi nhận được tin tức về một vụ vi-phạm nào thuộc thẩm-quyền (thí-dụ tờ trình và hồ-sơ do các cơ quan Hành-chính hay An-ninh ở địa-phương chuyển tới), thì ông Bộ-Trưởng Quốc-Phòng sẽ ra lệnh truy-tố can-phạm, trong lệnh-trạng sẽ viện dẫn các chi-tiết chứng tỏ bị-can phạm-tội, và tội thuộc quyền Tòa-án QSĐB thụ-lý. Với lệnh truy-tố ấy, nội vụ sẽ được đưa ngay ra một phiên Tòa xét xử, chứ không phải qua một cuộc thăm-cứu của một Phòng Dự-thăm, như về thường luật, hoặc như ở trước Tòa-án Quân-sự thường.

Chính vì vậy mà ở Tòa-án QSĐB không có tổ-chức một bộ-phận Dự-thăm, và thủ-tục truy-tố luôn luôn chỉ là truy-tố trực-tiếp mà thôi.

Đã không có bộ-phận điều-tra như thế, thì ai sẽ làm công-việc thu-thập tin tức và tài-liệu ?

Đề truy-tầm các tội-phạm thuộc thẩm-quyền, cũng như đề sưu-tập mọi tình-tiết về mỗi tội-trạng, Ủy-viên Chính-phủ « được quyền xử-dụng tất cả các nhân viên công-lực » (điều 14) như Cảnh-sát Công-an, Hiến-binh, Bảo-an,...

« Xử-dụng » có nghĩa là yêu-cầu truy-tầm, điều-tra,... chứ không bao gồm cả quyền chỉ-huy. Nếu Ủy-viên Chính-phủ T.A.Q.S.Đ.B. thấy cần thưởng phạt hoặc cần ban hành những chỉ-thị tổng-quát cho các nhân-viên công-lực, thì phải đề-nghị với các Bộ hoặc Nha Trung-Uơng sở-quan, do sự chuyển đạt của Bộ Quốc-Phòng. Hơn nữa, nhân-viên công-lực nói đây phải hiểu là nhân-viên ở địa-phương, chứ không phải là cả các Nha Trung-ương như Nha Tổng Giám-Đốc C.S.C.A., Nha Giám-Đốc An-ninh Quân-đội,.. Trong một văn-thư gửi cho Bộ Nội-vụ và Bộ Tư-pháp, số 3579-QP/VP ngày 13-6-59, Bộ Quốc-Phòng đã xác-định như thế.

XÉT XỬ MAU LẼ.— Tiếp được lệnh truy-tố của Bộ-Trưởng Quốc-Phòng, Tòa-án QSĐB sẽ nhóm họp để xét xử, trong một thời-hạn là 3 ngày. Trát đòi bị-can ra hầu chỉ cần tổng-đạt 24 giờ trước phiên xử. Bị-can có quyền nhờ Luật-sư biện-hộ, nếu không muốn Luật-sư riêng, thì Ủy-viên Chính-phủ hay Chánh-thâm phải triệu-dụng một Luật-sư ra bào chữa cho bị-can (điều 15, 16).

Về thời-hạn 24 giờ để tổng-đạt trát trực-tố cho bị-can, có người e rằng thời-hạn đó quá ngắn-ngủi, không đủ để tổ-chức sự biện-hộ cho bị-can, nhất là Tòa-án QSĐB lại lưu-động, không ở một chỗ nhất-định. Trong thực-tế, sự e ngại đó thiết tưởng cũng không thành vấn-đề, vì bị-can có thể chuẩn-bị sự bào chữa cho mình ngay từ khi bị bắt giữ (Công-Báo Quốc-Hội số 16 thượng dẫn, tr 771-772).

Về việc Luật-sư biện-hộ, theo thường lệ, mỗi khi cần thì Tòa sẽ yêu-cầu Luật-sư-trưởng chỉ-định một đồng-nghiệp ra bênh vực cho bị-can. Luật số 10/59 lại định rằng Tòa sẽ triệu-dụng một Luật-sư, là có ý nghĩ tới quyền-lợi của bị-can, vì khi được « triệu-dụng » thì Luật-sư sẽ được hưởng nhiều sự dễ-dàng về chuyên chở, di-dịch, hơn là khi được Luật-sư-đoàn chỉ-định, thí-dụ có thể đi nhờ phi-cơ của Quân-đội.

Giờ đây, giả sử án đã tuyên, thì án đó là một án

chung-thâm : bị-can không thể kháng-cáo (chống án) hơn nữa, cũng không được thượng-tố lên Tòa Phá-án, khác với Tòa-án Quân-sự thường ở chỗ đó. Án-văn tóm lại sẽ thành nhất-định ngay và chỉ còn việc là đem ra chấp-hành. Chỉ đặc-biệt trong trường-hợp án tuyên tử-hình, bị-can được quyền đệ đơn lên Tổng-Thống xin ân xá, thì án phải đợi xem đơn xin ân xá có bị bác bỏ, mới đem thi-hành.

Nhiều người lo xa, cho rằng một khi mà cấm không cho bị-can được xin phá án, thì rủi mà Tòa không theo đúng thủ-tục (thí-dụ không họp xử trong hạn 3 ngày, không tổng-đạt trát đòi 24 giờ trước, không triệu-dụng Luật-sư...) thì bị-can sẽ không có cách gì để kêu nài nữa, như vậy chả hóa ra không hợp lý hay sao. Nhưng đó không phải là ý kiến của nhà lập-pháp. Nhà Lập-pháp ngại rằng nếu cho xin phá án thì can phạm nào cũng sẽ xin cả, tình-trạng ấy sẽ làm cho công cuộc trừng-trị kém phần mau lẹ, vả chẳng « can phạm vẫn có một bảo-đảm rất lớn là việc xin ân xá » (Công-Báo Quốc-Hội đã dẫn, tr 772..)

Xem như trên, Tòa-án QSĐB đã ly-khai với hầu hết các nguyên-tắc thông-thường về tố-tụng, trong khi Tòa-án Quân-sự còn đôi chút vấn vương. Tính-chất đặc-biệt ấy được thể-hiện về cả mấy phương-diện thành-phần, thẩm-quyền và thủ-tục.

Thành-phần thì chỉ gồm hai phần quân-sự và Hành-chiêu, quân-sự chiếm đa-số. Khả-năng chuyên-môn (Tư-pháp) chỉ đòi hỏi ở riêng một vị Chánh-thâm mà thôi (văn bằng Luật khoa Cử-nhân).

Thẩm-quyền thì chỉ quy vào một số các tội-phạm chính-trị có tính-cách trọng-hệ, cụ-thể-hóa bằng những hành-động giết người hay cướp phá, nói chung là những sự khủng-bố và phá hoại. Hình-phạt áp-dụng đều là những hình-phạt cực kỳ quyết-liệt (Tử-hình, Khổ-sai chung-thân...)

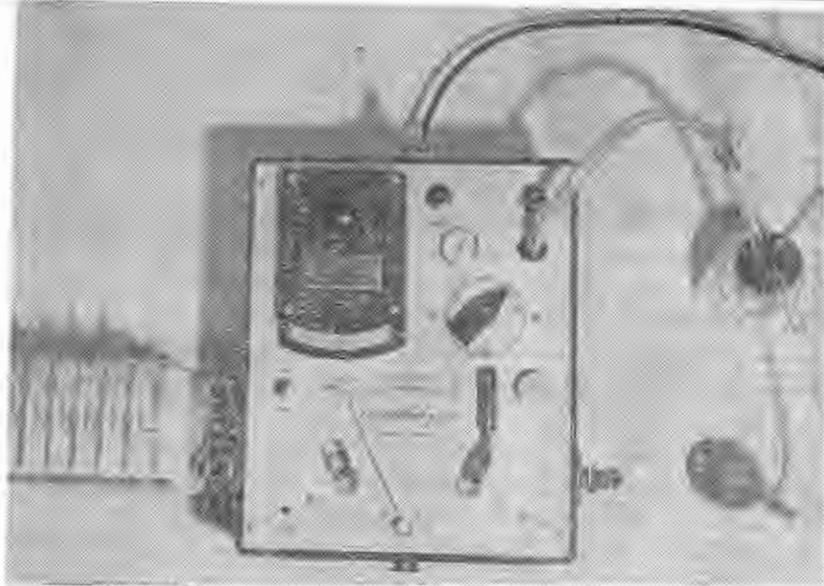
Thủ-tục thì hết sức nhậm lẹ, bỏ hẳn giai-đoạn điều-tra sơ-khởi (điều-tra của Dự-thâm), đồng-thời lại chặn bít hết các đường chống kháng về sau.

Tất cả những đặc-tính ấy chẳng qua là cốt để ứng phó một cách thích-đáng và hữu-hiệu với những thủ-đoạn hay những hành-động phá-hoại và khủng-bố tàn-bạo dã-man, mà gần đây có mọi gia tăng ở các vùng hẻo lánh.

Đàm-Trung-Mộc

NGƯỜI TA SINH RA AI MÀ KHÔNG CHẾT, NHƯNG LÀM SAO CHẾT TÊN CÒN ĐƯỢC LƯU TRONG SỬ XANH.

NGUYỄN - CÔNG - TRÚ



Máy « Breathalyzer » dùng thí nghiệm rượu trong máu

Cảnh-sát Khoa-học

NGHIÊN CỨU VỀ CÁC CON SỐ THỐNG KÊ

Tại Chicago (một thành phố lớn ở Mỹ), 50% tài xế lái xe ban đêm, trong khoảng 2,3 giờ sáng, và 90% tài xế đã gây ra các tai nạn lưu thông thảm khốc giữa lúc 4,5 giờ sáng, đều là người bị ảnh hưởng của « thần men ».

Tại Paris (kinh đô nước Pháp), 57% tài xế lái xe gây ra các tai nạn có chết người là người say rượu. Trên đất Pháp, tính ra có một mồn bài bán rượu đối với số 34 người dân và sự tiêu thụ rượu hàng năm tương đương với con số kính khủng là 31 lít rượu thuần-tinh đối với một người dân trưởng thành. (31 litres d'alcool absolu par adulte !)

Ở Thổ Nhĩ Kỳ (Turquie), những người điều khiển xe hơi say rượu bị bắt tại trận thì bị chở đem đi xa 25 cây số ngàn, bỏ xuống đường buộc đi bộ trở về căn cứ, không kể các sự phạt vạ về mặt tư pháp không tránh khỏi.

Ở Nga xô (Russie), người ta đã được biết rằng có một lần một tài xế nọ say rượu bị đem ra xử bắn vì đã gây tai nạn cho nhiều người đi bộ, trong số đó có một người bị tử thương và 4 người bị thương.

Các tài liệu trên đây trích ra từ tạp chí « Revue Automobile Médicale » tác giả là J. KEARNEY.

Khi kể ra các việc xảy ra ở bốn phương, chúng ta thấy rằng vấn đề giáo dục người say rượu trở thành một vấn đề thời sự cho các Sở Cảnh-Sát.

RƯỢU LÀ MỘT CHẤT ĐỘC

Rượu thường, kêu tên là « alcool Éthylique » hay « alcool ordinaire », là một chất độc.

Trong bia có từ 3 tới 6%. Trong rượu hạng nhẹ (vins légers) có từ 10 tới 17%. Trong các rượu mùi (Porto, Xérès) có độ 20%. Trong rượu mạnh (liqueurs) có từ 35 tới 55%.

Rượu không phải là món ăn bồi bổ cho tinh thần và vật chất, mà lại có hại cho óc. Người tráng kiện uống rượu bị mất nhiệt-lượng bởi sự phân tán nhiệt lượng ra ngoài do da thịt (1), nên thấy cần phải bồi khuyết nhiệt độ bình thường trong người bằng những thức ăn nóng như dầu, mỡ, đường v.v... Như vậy, rượu không phụ giúp thiết sự sức mạnh cho người uống, như nhiều người lầm tưởng.

Trong xã hội, tại sao lại có người say rượu ? Chúng tôi xét thấy có nhiều nguyên nhân lôi cuốn con người: hoặc bởi sở thích riêng (có người uống rượu thấy là thú vị), hoặc bởi thói xấu ham mê ăn uống theo thường tình, hoặc thêm nữa, bởi sự bắt chước và luyện tập thành thói quen cảm ướ (imitation et entraînement).

Có những phần tử xấu số buồn về việc gia đình, buồn về việc thất bại trong công cuộc làm ăn, cũng nhờ đến chén rượu để giải cơn sầu muộn, lần lần biến thành những con « sâu rượu ».

Việc say rượu phân tách ra làm 4 thời kỳ :

THỜI KỲ I.— Con người uống rượu nghe khoan khoái và sung sướng. Hơi thở nhẹ nhàng, cử chỉ vẫn còn đứng đắn và tự nhiên, lại thêm phần trẻ trung ! Con người tỏ vẻ ra thêm nhiều sự tự chủ hơn lúc bình thường, nhưng việc này không bền bỉ. Trái lại, lý luận không còn vững chắc và hành động lại trở nên chậm chạp và yếu ớt lần đi : ví dụ trong khi lái xe thì mắt không còn nhận định rõ các chương ngại

(1) Déperdition calorique cutanée par rayonnement.

RƯỢU

Nguyễn-Công-Chánh

nhỏ trên đường xá ; tai không còn nghe rõ tiếng còi v.v...

THỜI KỲ II.— Say nhiều thêm một chút, con người không còn tự chủ, phát khởi nói nhiều và nói to tiếng, trăn mình để cố gắng đứng cho vững, không ưa bước đi tới nếu không bị ngã xiêng xẹo qua lại. Trong thời kỳ này, người say thấy « hai cái đường » lẫn lộn nhau, « ba cái bờ lẽ và đường mương », « hai ông trời » v.v... Đây là « thời kỳ phạm lỗi » của kẻ say rượu ! (Đi tiểu trước chỗ đông người, múa hát như trẻ con v.v...)

THỜI KỲ III.— Con người say ở trong thời



Say rượu ở thời kỳ I

kỳ này đã lâm vào tình trạng trầm trọng: tâm thần suy nhược, hết sáng suốt, hết kiểm soát được lời nói và sự hành động của mình, mặt sung huyết, mồ hôi đổ đầm đề, cặp mắt đỏ như tôm luộc, con ngươi nở rộng lớn.

THỜI KỲ IV.— Tánh mạng lâm vào cơn nguy biến, con người « say mềm » nằm mê man bất tỉnh tim không đập mạnh, hơi thở yếu, tay chân lạnh và xuội lơ. Trường hợp này thường xảy ra cho người uống rượu lúc bụng đói, lại uống vô quá độ. Rượu có thể lôi cuốn người say lên đường về âm phủ.

RƯỢU VỀ MẶT ĐỘC-VẬT HỌC

Trong các cuộc điều tra hình sự, các cuộc điều tra tai nạn lưu thông, Sở Cảnh-sát thường đứng trước trường hợp sưu tầm tình trạng nhiễm độc của kẻ phạm pháp.

Sách « Les Intoxications » của giáo sư P. DARDENNE, có nêu ra những yếu tố đại khái sau đây để mở các cuộc giáo nghiệm :

— 1 gramme rượu thường, đốt cháy phát nhiệt tương đương là 7, 08 calories

— lượng rượu nguyên chất được kể làm tổn hại cho sức khoẻ (chết), đi từ 150 đến 200 phân khối (nói tổng quát).

— số bách phân rượu 2 gr p/1000 trong thi thể kẻ như có giá trị trong việc giáo nghiệm 24 giờ sau khi người uống rượu đã chết.

Sách « Forensic Science and laboratory — Techniques » của giáo sư R. TURNER có viết :

— Số lượng bách phân rượu Ogr 15 p/100 trong một phân khối máu, được coi như là đương sự bị nhiễm độc.

— Trong việc sưu tầm dấu vết rượu trong óc, GETTLER chỉ định số lượng bách phân rượu trong óc từng bậc : 1 +, 2 +, 3 +, 4 +

— Dấu vết rượu có sự phản ứng cho thấy được đi từ con số 0,005 tới 0,02 p/100.

— Các con số nêu ra trên đây có giá trị như sau :

- 1 + = 0,02 tới 0,10 ‰
- 2 + = 0,10 tới 0,25 ‰
- 3 + = 0,25 tới 0,40 ‰
- 4 + = 0,40 tới 0,60 ‰

— Dấu vết rượu Ogr 5 p/1000 được kể như là một con số « vô hại » không làm tổn hại nhiều cho sức khoẻ, vì người ta cho rằng độ rượu ấy không đem lại sự xáo trộn đáng kể trong người uống.

Dấu vết rượu từ Ogr 25 ‰ sắp lên tìm thấy trong óc, tượng trưng cho sự « bị nhiễm độc » vào người.

Trong việc sưu tầm rượu trong nước tiểu, người



Say rượu ở thời kỳ II

ta có những con số sau đây làm căn bản trong việc nhận định trường hợp say rượu :

Trên số 0,272 ‰ kể như là bị nhiễm độc.

Dưới số 0,27 ‰, kể như là không bị nhiễm độc

(R. TURNER)

NGHIÊN CỨU SỰ BIẾN CHẤT RƯỢU TRONG CƠ THỂ

(*Métabolisme de l'alcool*)

Chúng ta cần hiểu qua sự biến chất rượu trong cơ thể để mở các cuộc giáo nghiệm.

Vì lẽ rượu hòa tan vô trong nước trong mỡ rất dễ, nên khi uống rượu vô mình nó sẽ thấm vô máu và phân tán mau lẹ ra khắp bản thân ta. Trong việc này, được biết khi con người ăn no, bao tử đầy thức ăn, sự thấm rượu sẽ chậm hơn khi bụng đói.

Rượu chỉ bị bài tiết một phần nhỏ ngang phổi và thận là hai cơ quan bài tiết chất độc. Phần lớn rượu uống vô tỷ bào đều bị Oxy-hóa (hiện tượng này kêu là éthyloxydation), đốt cháy do các yếu tố thiên nhiên có trong

thân thể của con người, nhất là ở trong gan, kêu là « oxydases »

Khi rượu biến chất, nó sẽ hóa ra các chất chuyển hóa như là « éthanol » « acide pyruvique » (loại acide này tìm thấy trong những thùng chứa rượu) ; « acétaldéhyde », « acide acétique » thán khí CO₂...

Lá gan có phận sự tiêu trừ hết các chất trên đây một khi hóa ra, cho nên khi gan yếu sức làm việc không diệt trừ hết các hợp chất ấy, con người sanh ra các triệu chứng bị nhiễm độc (DARDENNE).

Theo các sự thí nghiệm khoa học, bên trong một người nặng 70 kilos (nói ví dụ), sự diệt trừ 0,15 rượu 10^o uống vô người phải dùng một thời gian kéo dài ít nhất là 6 giờ (Dardenne).

Lược theo nguyên tắc căn bản trình bày nơi đây, nếu một người thử uống rượu nhiều lần liên tiếp trong ngày,

chất rượu không đủ thời gian để được khử hết, thì nó sẽ tồn lại trong máu và trong óc, khiến cho con người ở trong tình trạng « say rượu » không dứt.

Sự phân tán rượu rất mau lẹ, trái lại sự diệt trừ rượu rất chậm chạp trong châu thân ; chúng ta có thể trình bày một đồ thị vẽ theo sau đây để giải thích sự thấm rượu và sự bài tiết rượu trong thân thể.

GIẢI THÍCH

(Xem đồ thị ở trang 21)

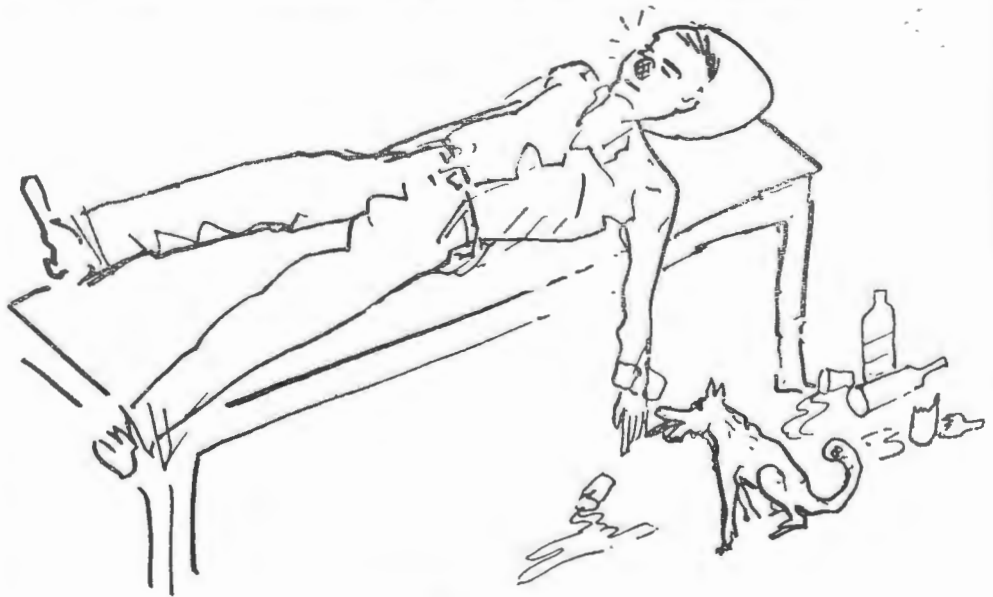
- Đường OX tượng trưng cho sự nhiễm độc.
- Đường OY tượng trưng cho thời gian khử độc
- Đường cong xiên đứng lên OX' tượng trưng cho sự phân tán rượu mau lẹ trong thời gian từ 20 tới 60 phút.
- Đoạn X'X'' nằm theo chiều ngang có nghĩa tượng trưng thời gian nhiễm độc xảy ra rất ngắn, vì sau khi uống, rượu sẽ thấm vô máu và liền khi đó, sự bài tiết rượu bắt đầu liền.
- Đoạn xiên lồi xuống X''Y tượng trưng cho thời gian bài tiết rượu kéo dài từ 6 giờ tới 16 giờ, tùy theo tình trạng sức khoẻ của người uống rượu.

SỰ TẦM RƯỢU TRONG MÁU

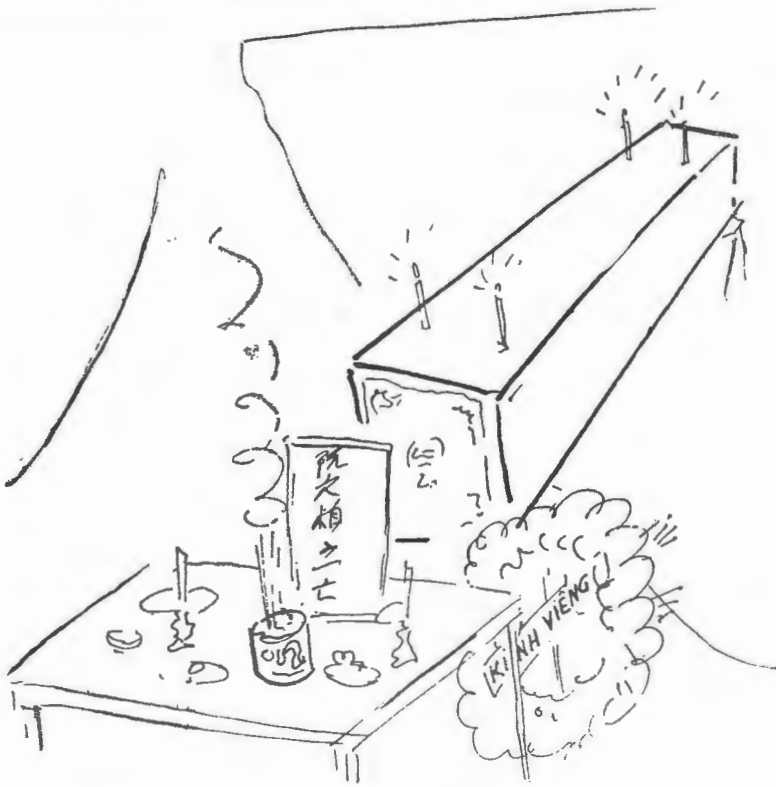
Từ trước đến nay, các phòng giáo nghiệm đều sưu tầm dấu vết rượu theo phương pháp hóa học của NICLOUX, « Méthode de Nicloux colorimétrique » : rượu thấm vô tỷ bào, rượu thấm vô đồ ăn nôn mửa, rượu thấm vô máu, rượu thấm vô nước tiểu, rượu thấm vô nước tủy, rượu thấm vô bộ óc v.v...

Sự thí nghiệm để phân chất rượu rất phức tạp trước kia, nay lại được giản dị hóa tốt bực bằng cách áp dụng máy « Breathalyzer ».

Người say rượu bị bắt buộc thổi vô máy này ; hơi thở có rượu vô máy sẽ phản ứng với nước thuốc



Say rượu ở thời kỳ III



Say rượu ở thời kỳ IV

và do đó kim máy được điều chỉnh nhiều lần để chỉ cho biết, khi kim nằm lại đúng chỗ, số bách phân rượu trong máu. Chúng ta không lấy làm lạ, vì máu đi ngang phổi để được diệt trừ các chất dơ bẩn.

Thành phần máy Breathalyzer gồm có những bộ phận chánh yếu kể ra sau đây :

1) Một ống cylindre hứng lấy hơi thở của người say rượu thổi vô và hơi thở có rượu sẽ được thổi vào nước thuốc bichromate de potassium và acide sulfurique bào chế theo một tỷ lệ nhất định cho cuộc giảo nghiệm (0,025 % bichromate de potassium trong 50 o/o dung dịch $SO_4 H_2$ tính theo dung lượng).

2) Một bộ biến thế điện, hạ thế điện xuống tới một điện thế tiện lợi để cung cấp điện cho một nguồn ánh sáng trong máy ; ánh sáng này điều chỉnh được theo nhu cầu của mỗi trường hợp riêng ra, bởi một bộ điện trở vắn được theo ý muốn.

3) Hai tế bào quang phổ (photocellule) nằm đối diện với nguồn ánh sáng và cách biệt với nguồn ánh sáng do hai kính màu xanh chặn ánh sáng (filtre bleu) Sự phát điện từ hai « photocells » bị chế ngự bởi ánh sáng đi xuyên qua hai kính màu xanh ấy, khác nhau trước khi thổi hơi rượu vô máy và sau khi ấy.

4) Những bộ phận phụ thuộc sự điều động bên trong máy « Breathalyzer » dựa vào sự hỗn hợp tự động giữa 3 loại tác dụng :

- 1) Tác dụng hóa học.
- 2) Tác dụng điện học.
- 3) Tác dụng quang học.

Về phương diện hóa học, khi hơi thở có rượu được thổi vào dung dịch bichromate de potassium + acide sulfurique, thì dung dịch này từ màu vàng biến đổi ra màu xanh, và sự biến đổi màu có ảnh hưởng làm biến đổi sức mạnh ánh sáng rọi vào 2 tế bào quang phổ một lượt.

Về phương diện điện học, ta được biết ánh sáng rọi vô tế bào quang phổ làm phóng điện tử ra khỏi âm cực ; điện tử tập trung lại dương cực sẽ sanh ra giòng điện ; giòng điện này áp dụng vào việc làm cử động kim máy « Breathalyzer » để chỉ ra số bách phân rượu.

Về phương diện quang học, kiến màu xanh có tác dụng chế ngự ánh sáng rọi vào tế bào quang phổ theo nguyên tắc sau đây : kiến xanh để cho ánh sáng có màu xanh đi xuyên qua dễ hơn một màu khác ; đến đây, chúng tôi muốn nói về màu của dung

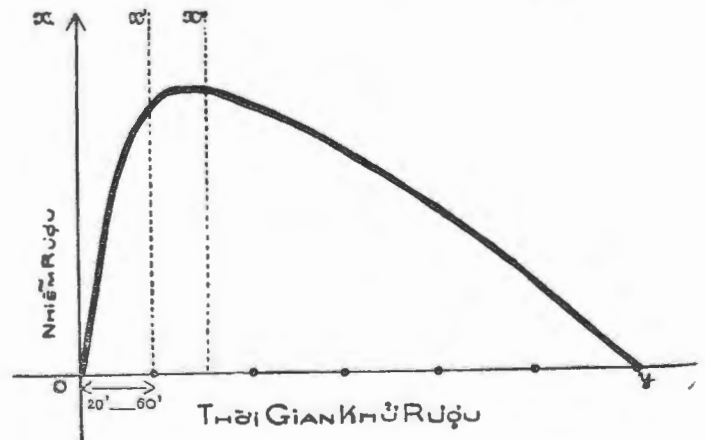
dịch bichromate de potassium trước là vàng, sau trở qua xanh nếu có sự phản ứng với rượu. Sự đổi màu sẽ liên quan với hiệu xuất của 2 tế bào quang phổ riêng ra.

✱

Để kết luận, chúng tôi xin phép hân hoan tuyên bố rằng khoa học đã tiến triển ; trong thế kỷ 20, con người cũng hưởng ứng theo các sự tiến triển của khoa học, nhờ vậy công cuộc điều tra của các sở Cảnh-sát được dễ dàng nếu các dụng cụ khoa học được khai thác đúng mức.

Máy « Breathalyzer » mua được với giá dưới 500 Mỹ kim. Ai ai cũng có thể sử dụng được máy này vào việc giảo nghiệm dấu vết rượu trong hơi thở, để có kết quả mau lẹ trong 5 — 10 phút, không cần phải là chuyên viên.

N. C. C.



Đồ thị giảo thích sự thâm rượu và sự bài tiết rượu trong cơ thể

RỒI CHÀNG THEO LỚP MÂY ĐƯA ...



Ừ A xuân năm Kiên-Hưng thứ 6 nhà Thục Hán, tức năm Mậu Thân, (226 TC) Gia Cát Lượng vị quân sư kỳ tài lỗi lạc của nhà Hán, sau 3 năm dưỡng quân và huấn luyện binh sĩ tinh nhuệ đã dâng biểu lên Hán Chúa xin đem quân Bắc phạt Trung Nguyên với hoài vọng sau khi bình định xong Ngụy sẽ thôn tính Ngô để thu hồi lại giang sơn nhà Hán thành một mối.

Đây là lần Bắc phạt thứ nhất.

Quân lính rầm rầm rộ rộ Bắc tiến.

Trong số tướng tá có một vị thiều niên tướng quân trí lự siêu việt, ngôn ngữ bất thiệp cực kỳ thông minh đỉnh ngộ rất được Gia Cát quân sư ái mộ và tin cậy.

Vì vậy nên chàng được lĩnh chức Tiên Quân.

Vị tướng quân đặc sủng đó là Mã Tắc, người em trai thứ 5 trong số 5 anh em họ Mã ở đất Tương-Dương.



Mã-Tắc tự là Âu-Thường theo Lưu Bị từ khi ở Kinh-Châu. Khi Bị vào chiếm Ba Thục, Mã Tắc thường ở trong quân tham dự sách lược quân cơ.

Ngày nay Gia Cát đem quân Bắc phạt để thực hiện cái hoài vọng hằng ôm ấp từ khi còn cao ngoạ trong thảo lư là khuông phủ và phục hưng Hán lộ, trọng nhiệm Mã Tắc không phải không có duyên cớ.

Duyên cớ đó là một lời bình nghị quyết định một kế hoạch cho công cuộc chinh thảo Man Quốc.

Trong Tương-Dương ký có chép :

« Năm Kiên Hưng thứ ba, Gia Cát Lượng đem quân đi chinh thảo Nam Trung, Tắc tiền quân vài chục dặm.

Lượng cảm tay Tắc bởi hỏi nói :

— Tuy tôi và túc hạ cùng nhau hợp tác bàn mưu tính việc trong mấy năm trời nhưng chưa thành kiến một sách lược gì cực kỳ quan trọng. Ngày nay tôi đem đại binh đi bình phục Nam Phương xin cho biết tôn ý về đại lược.

Tắc thưa :

— Dân Nam Trung cậy thế đất hiểm trở nên từ lâu vẫn chưa chịu phục tùng. Ngày nay Minh Công dù thắng ngày sau tất chúng lại phản. Ta sắp đem hết toàn lực để đánh phía Bắc, khi đó đoán nội bộ ta không hư, chúng phản lại càng mau. Nếu ta ra quân giết sạch bọn chúng để phòng hậu hoạn thì e thương tổn đến lòng nhân, bậc nhân giả chẳng chịu làm, và lại phương pháp đó cũng không thể thực hiện một cách hấp tấp được. Đại phạm đạo dùng binh, chiến thắng được cái « tâm » mới là thượng sách, còn chiếm đoạt được thành trì chỉ là hạ sách, chiến đấu vận dụng tâm lý mới khó còn phải dùng đến binh lực thì chưa hẳn đã là giỏi. Vội cuộc xuất quân kỳ này kính xin Minh Công tâm phục họ.

Lượng theo chiến lược ấy, nên bắt được Mạnh-Hoạch là Nam Chúa lại tha, phải lại bắt, bắt lại tha vì vậy mà bình phục được phương Nam.

Sau một thời gian Lượng còn sống quân Nam tuyệt nhiên không hề làm phản ».

Sự thành công của Gia Cát-Lượng trong việc bình phục phương Nam đã là một yếu tố khiến Lượng hết lòng tin nhiệm Mã-Tắc !

* TRẦN-ĐÌNH-KHAI

Đã đành trong quân thường có sự thảo luận và đề nghị ý kiến, song nếu Mã-Tắc không có cao kiến quyết định ngay một đường lối cho cuộc Nam chinh để thu lấy thắng lợi trọn vẹn thì dù những sự thảo luận, những lời đề nghị của Mã-Tắc có hay có đúng cũng chỉ đủ để Gia Cát-Lượng khen phục mà chưa đủ để chinh phục lòng tin của Lượng.

Với cuộc Nam chinh này, nếu trước kia Lượng hằng phục tài của Tắc, thì ngày nay Lượng thêm tin nhiệm khả năng của Tắc nữa.

Lòng tin nhiệm ấy đã thể hiện bằng hành động cắt cử Tắc giữ trọng trách thông xuất tiền quân trong kỳ Bắc phạt thứ nhất.

Với người đọc sử đã từng rõ chuyện thì danh từ « Bắc phạt thứ nhứt » không có gì là vô nghĩa, vì sau lần thứ nhất còn có thứ hai, thứ ba cho đến thứ sáu.

Song đôi với người đương cuộc, đôi với Gia-Cát-Lượng, đôi với Mã-Tắc, đôi với tướng tá, với quân lính, thì đó chỉ là một việc khởi quân Bắc phạt, có thể thắng, cũng có thể bị toàn diệt và như thế cũng có thể chỉ là một lần dù là lần đầu.

Bởi vậy ta có thể ước đoán được tầm quan trọng của buổi xuất quân ấy.

Tướng của Hán còn nhiều người tài như Triệu Vân, Ngụy Diên, thế mà

MÃ TẮC

MỘT ĐIỀN HÌNH 'NGÔN QUÁ KỲ THỰC'

Gia Cát Lượng quyết tâm chỉ định Mã Tác phải giữ một nhiệm vụ cực kỳ quan trọng chẳng kể đến những lời khi xưa lúc Lưu Bị sắp chết định ninh dặn lại đời với Mã Tác không nên giao cho những công việc lớn. Nghĩa là đời với Bị, Tác chỉ là một chàng thư sinh nói hay, biết nhiều, là một người « *Ngôn quá kỳ thực* ».

Sau việc bình định phương Nam có lẽ Lượng đã cho Lưu Bị xét lắm người chẳng hoặc giả khi đó Bị đã sắp chết nên tinh thần mệt mỏi lắm lần.

Vì thế cho nên :

Quân ra đi cuốn cuộn như nước chảy mây bay, trông giống cờ mờ, nhằm Kỳ Sơn tiên phát. Trong đám hùng binh kia có biết bao nhiêu chàng trai tráng thiếu niên anh tuấn đã khiến cho các nàng kiều nữ xa xa còn đứng ngẩn ngơ... và cũng có một chàng khấp khởi tin chắc đoạt ần phong hầu...

*

Binh thư có nói :

Sau khi chiếm được đất Lũy Tây, Lượng định thừa thắng tiên phát, bỗng được tin Tư Mã Ý là thông Soái Ngụy quân định đem quân đánh chiếm Nhai Đình.

Lượng hoảng sợ, biết rằng nếu để mất đường liên lạc tiếp tế, như vậy quân không những không tiền đề Bắc phạt được mà dù muốn đóng lại để chờ cơ hội tiền nữa cũng không được.

Mã Tác xin đem quân đi giữ Nhai Đình.

Lượng chấp thuận nhưng đồng thời cũng sai Vương Bình là một viên Tướng trí trọng cẩn thận đi theo Mã Tác để mỗi việc bàn bạc chu đáo rồi mới thi hành.

Với hai vạn rưỡi tinh binh Mã Tác và Vương Bình dẫn quân đến giữ Nhai Đình.

Sau khi xem địa thế, Mã Tác cười nói : không hiểu sao mà Thừa Tướng bần khoản về việc này thế, ở đây sườn núi cheo leo quân Ngụy làm sao có thể chiếm cứ cho được.

Wương Bình đáp :

— Dẫu quân Ngụy khó lòng tranh thủ được nơi này song ta cũng nên đem quân đến nơi khoảng đã tiện đường giao tiếp mà hạ trại rồi cho quân chặt cây rào lũy để tính kế trường cửu.

Tác không theo kế hoạch ấy lại cho rằng đóng binh giữa đại lộ là thất sách, binh thư có nói : Dựa cao nhìn thấp, thế như chẻ tre (Bằng cao thì hạ, thế như tích trúc).



Như vậy nên đóng quân ở trên núi cao, quân địch dù có mười vạn cũng không thể đi qua nổi chỗ hiểm yếu ấy.

Wương Bình lại phản đối :

— Nếu quân Ngụy không nhằm mục đích đi qua mà chỉ đem nhiều quân vây quanh trái núi thì tướng quân quyết định ra sao ?

Mã Tác lại cười :

— Tôn Tử Binh thư có nói : Xếp vào chỗ chết thì sẽ sống (Trí chi tử địa nhi hậu sinh) như vậy nếu quân Ngụy vây núi không mở đường cho đi lấy nước, quân ta sẽ vì nhu cầu khẩn thiết trở nên hăng hái mãnh liệt, lúc đó một có thể thắng được trăm, ta có ngại gì. Ở nhà Thừa Tướng

mỗi khi bàn việc binh còn phải hỏi ta, sao ông còn thắc mắc quá vậy.

Thề là Mã Tác đem toàn quân lên đỉnh núi hạ trại chỉ chờ quân Ngụy đến là phục kích.

Chàng ngự Tư Mã Ý một mặt sai Trương Cáp đem quân về mặt sau núi trần thủ, còn toàn quân Ý dàn ra bao vây lấy núi.

Chờ cho quân của Mã Tác ráo loạn vì thiếu nước, Ý mới thúc quân khởi thề công. Trận thề của Tác vì bị bao vây mấy ngày thiếu nước thiếu ăn, quân lính hoang mang đói khát mệt mỏi nên chưa đánh đã vỡ.

Nhà lý thuyết gia «*Binh thư có nói*» cò sông cò chết mới thoát được vòng vây chạy về quân doanh phục tội.

Nhai Đình bị thất thủ.

Mộng khôi phục Trung Nguyên đành tan rã theo mây khói.

Cả đất Lũng Tây đã chiếm đoạt được khi mới xuất quân Kỳ Sơn cũng phải trả lại để tính kế rút toàn vẹn quân sỹ trở về Hán-Trung...

Một bước lỡ lầm thiên cổ hận !

Mà bước lỡ lầm ở đây còn đưa đến cho chủ nhân nó một kết quả vô cùng đau xót nữa.

GIẾT ANH NHƯNG NÃO LÒNG TÔI

Mã Tác bị thất bại trở về, bị hạ ngục.

Theo quân luật, Tác bị xử tử.

Sách Tương Dương ký chép :

«*Khi sắp chết Tác viết thư cho Lượng có câu : Minh Công có lòng ưu ái đối với Tác thật tha thiết như đối với con đẻ mà chính Tác bình thường cũng vẫn thường nhìn Minh Công như cha. Kính xin Mĩah Công theo đúng điển chế nhà Vũ để chính điều nghĩa, đừng vì việc này mà có thể cản trở được môi giao tình của thuở bình sinh. Tác dù chết cũng không hề oán hận ở dưới suối vàng.*

Khi đó mười vạn người thấy xử quyết Mã Tác đều ngậm ngùi rơi lệ.

Chính Gia Cát-Lượng thân đến chủ tế. Sau, sự đối đãi của Lượng với con Tác vẫn đậm đà tha thiết như khi Tác còn sống.

Tương Uyên đến Hán Trung nói với Lượng rằng :

— Ngày xưa Sở giết Đắc Thần, Văn-Công vui thích, điều đó ta thừa biết. Ngày nay thiên hạ chưa yên mà lại giết kẻ trí sĩ như vậy thì thật đáng tiếc.

Lượng ngậm ngùi gạt nước mắt nói:

— Sở dĩ Tôn Vũ có thể chế thắng được thiên hạ chính là đã dùng luật nghiêm minh. Cũng cùng một ý nghĩa ấy mà Dương Can trái luật, Ngụy Giáng phải chém kẻ tùy bợc. Ngày nay bên bề chia xé, ta mới bắt đầu giao binh, mà đã bỏ luật thì còn giết giặc làm sao cho được ».

Cho nên thương thì rất thương, mà quân luật vẫn phải giữ.

Mã Tác bị chết, mộng phong hầu tan. Chàng trai ra đi đầy hiều thảng để ngậm ngùi trở về lặng ngối trong tù xa nghiêng ngả cảnh thảm bại.

Sách dạy như thề, tính toán thì như thề mà sao đến khi thực hành lại không thề ?

Tính kế cho người sao mà đúng, sao mà thần diệu, hoạch định cho mình sao mà lầm lẫn hôn ám ?

Thương tiếc Mã Tác ở điểm ấy. Thương vì Tác chỉ là một nhà lý thuyết, thông minh thì có nhưng tháo vác thì không. Đưa Tác vào tù lộ, tội không ở người không biết mà chính ở người biết.

Trong tình trạng này người biết phải là Gia Cát-Lượng.

Thề mà Gia Cát-Lượng chỉ biết Tác là người thông minh học rộng nhớ nhiều mà không biết Tác là người vô năng.

Đầy Tác vào chỗ chết, tội chính ở Gia-Cát-Lượng.

Nhưng biết làm sao, chủ soái có thể lầm lỡ, nhưng toàn thể sinh mệnh ba quân trông cậy. Lượng đâu có phải là người sợ chết, nhưng cái chết vì việc ấy chưa xứng đáng nên chỉ dưng sợ kể tội mình xin Hán Chúa giáng trật mình xuống ba cấp.

Còn Mã-Tác, theo đèn cỏi nguồn thì tựa như vô tội, song làm tướng mà bị thua, cảm quân mà để quân tán loạn hoại diệt, nếu không giết người gây ra cảnh thảm bại ấy thì sau này tướng tá quân sĩ mỗi khi bại trận sẽ có thể vẫn nhờn như không có chuyện gì liên quan đến mình. Một quân đội mà kỷ luật như thề hẳn khó bề hùng mạnh được.

Vì vậy biết rằng ông không được dùng đúng chỗ, biết rằng phần lớn lỗi ở tôi quá tin ông vì những lời khuyên đặc sách nên ngộ nhận tài năng thực hành của ông, Gia Cát-Lượng biết thề nghĩ thề và đã phải giết Mã Tác với tất cả một ân ức thương xót ái ngại và hồi hận...

Câu chuyện hành quyết chỉ thanh toán ở pháp lệnh mà không ở tình cảm.

TRẦN-ĐÌNH-KHAI





ANH LÀ BẠN DÂN

Quang-Minh

TRONG khi người chiến sĩ Cộng-Hòa lần lần ra sa trường ngăn bước tiến của quân thù, người nông phu chẳng quản nắng mưa hì hục dưới đồng sâu để gia tăng sản xuất, hưng thịnh nền kinh tế quốc-gia, thì anh — người chiến sĩ an ninh — âm thầm trong bóng tối để bảo vệ an ninh cho Tổ-Quốc và cho đồng bào.

Từ nơi biên cương xa xôi lạnh lẽo, từ những vùng Cao-Nguyên bán khai trập trùng núi cao rừng thẳm, từ nơi thôn quê hẻo lánh, bùn lầy, nước đọng cho đến chốn kinh thành nguy nga lộng lẫy của miền Nam yêu dấu, cũng đều thấp thoáng hình bóng của người chiến sĩ an ninh.

Nơi nào có đồng bào sinh sống, là nơi đó có bóng dáng anh.

Anh bảo vệ tiếng cười đùa của đàn em bé cắp sách đến trường, anh gìn giữ hơi thở điều hòa ấm áp của trẻ hài nhi bên cạnh người mẹ yêu dấu, anh duy trì những buổi chợ mai nhận nhịp tiếng cười giọng nói của người mua kẻ bán, anh giữ cho đồng lúa chín vàng trĩu hạt cho bác nông phu khoan khoái xoa tay khi nghỉ ngơi ngày mùa rộ, anh hát câu hát giọng hò của những nàng thôn nữ ngây thơ tình tứ pha lẫn với tiếng còi chầy gõ nhịp vang vang dưới ánh trăng thanh gợn gió. Xa hơn nữa, nơi biên khu hoang vắng, anh âm thầm làm nhiệm vụ trong sương rơi lạnh lẽo, trong khí núi đùn mây, trong lá rừng ẩm mốc, để cho đồng bào yên vui trong nếp sống thanh bình.

Anh chơi vui trên sườn núi thâm u, thức trắng đêm trường giữa màn sương lạnh lẽo để cho đồng bào được yên giấc nơi nệm ấm chăn êm. Nếu không may, một viên đạn vô tình của quân địch, một cái vỏ của hùm beo man dã, thân anh sẽ dập vùi giữa hoang vu cô tịch của núi rừng sâu thẳm mà có thể đời không một tiếng vang, không trông kèn bia đá, không phúng điệu ma chay.

Nhưng các anh có sợ gì những cái nhỡ nhen ấy, tâm hồn các anh bay vượt lên tận những vòm trời cao rộng của hy sinh. Phải, các anh là bạn của nhân dân!

Hơi thở của đồng bào là hơi thở của các anh, mạch sống của đồng bào là mạch sống của các anh. Các anh cũng vui trong cái vui của đồng bào, cùng đau khổ trong cái đau khổ của đồng bào. Các anh không còn là những cá nhân riêng của gia đình các anh nữa, mà là hiện thân của tình yêu, của hy sinh, của phục vụ cho đồng bào, là hiện thân của an ủi, của tin tưởng của đồng bào trong cơn nguy biến.

Những tên lưu manh, những kẻ sống ngoài vòng pháp luật sờ dơ không dám ngang nhiên dõ trò cướp của, giết người, tàn hại đồng bào, là vì lũ chúng biết rằng bên cạnh đồng bào lúc nào cũng sẵn sàng có những bàn tay công lý mà các anh là những người đại diện xứng đáng.

Người chiến sĩ Cộng-Hòa còn được hãnh diện trong nét hiên ngang của bộ quân phục trong những ngày rỗi rãi ở thành phố bên cạnh tà áo thắm của người vợ trẻ, và kiêu hùng trong chiến phục lúc lâm vòng lửa đạn chạm trán với quân thù. Còn các anh thì cứ vẫn âm thầm theo ngày tháng trong bóng tối, để làm tròn sứ mạng của một chiến sĩ an ninh.

Hay sau những chiến công, hoặc trong những ngày kỷ niệm của dân tộc, người chiến sĩ Cộng-Hòa lại có dịp bước những bước kiêu dũng trong chiến phục qua các đường phố thênh thang, tưng bừng trong quân nhạc, phơi phới trong vạn tiếng reo hò chào đón của toàn dân. Còn các anh — những chiến sĩ an ninh — thì bao giờ cũng như bao giờ, sau những chiến thắng oai hùng cũng như trong những ngày tưng bừng hoan lạc của toàn dân, các anh vẫn lặng lẽ cũng như bao giờ, lặng lẽ hoàn thành những công tác gian nguy mà quốc dân đã giao phó!

Chao ôi, danh vọng và cả đèn cuộc đời, các anh đều hy sinh tất cả. Và chỉ với một nguyện vọng thiết tha duy nhất, nguyện vọng đó là duy trì an ninh cho đồng bào, và cho Đất Nước!

Qua những giây phút cảm thông, chúng tôi đã hiểu: Các anh là những người bạn chân thành và tận tụy nhất của chúng tôi, của nhân dân!



TR Ừ N G Huấn luyện Điệp-báo Quốc xã Đức KLOPSTOCK PENSION ở HAMBURG và trường Gián-điệp phá hoại QUENTZ LAKE gần BERLIN là hai lò đào tạo những tay gián điệp Đức quốc xã khét tiếng trong Đại chiến thế giới lần thứ 2 vừa qua.

Tất cả những gián điệp cũ khi Đức có thể nói đều xuất thân ở trường này. Các điệp viên đều được lựa chọn rất kỹ càng trong đủ mọi thành phần trí thức có xu hướng Quốc xã như: Kỹ-sư, bác-sĩ, giáo chức, cựu sĩ-quan, nhiếp ảnh viên v.v... và được huấn luyện từ 6 tháng tới 1 năm.

Thông thường các Điệp viên này được bố trí tung vào đất địch trong thời bình, đôi ba năm trước khi chiến tranh xảy ra. Họ có nghề nghiệp hẳn hoi để làm ăn sinh sống, nhưng chỉ là hình thức mà thôi, hoặc xâm nhập vào trong các xưởng máy trong các cơ quan chính quyền của đối phương tương lai, theo kế hoạch nằm li ần sâu vào tổ chức và chờ thời cơ để hoạt động, khi hoàn cảnh thuận tiện.

Cơ quan Điệp báo và phá hoại của Đức Quốc-xã do Abweher chỉ huy tại Bộ Tổng Tham Mưu và trực thuộc Đô đốc Wilhelm Canaris. Họ là những nhân vật tinh thông về Điệp báo và phá hoại, với những kế hoạch, thủ đoạn táo bạo và phi thường đã làm cho phe Đồng minh phải mất ăn mất ngủ, bởi sự phối hợp chặt chẽ của Bộ tư lệnh Đức.

Tổng hành dinh cơ quan Điệp báo Đức được đặt tại Hamburg, Abweher và Đô đốc Canaris lúc nào cũng thấy bận rộn tíu tít với những công việc theo kế hoạch của mình. Phòng truyền tin thì luôn luôn gọi lệnh của Chỉ huy trưởng đi và nhận báo cáo của các tổ gián điệp ở khắp Âu châu gửi về. Phòng nghiên cứu thì mãi miết so tin, nghiên cứu, đệ trình Bộ tư lệnh Đức và cho thi hành kịp thời ngay.

Vi vậy mà không một dự tính về chiến thuật tấn công hay đồ bộ nào của Bộ tư-lệnh của Đức và Quốc Trưởng Hitler mà không có sự tham gia ý kiến của Đô Đốc Canaris, Abweher, bên cạnh viên trùm Công an mật vụ Gestapo Heinrich Himmler.

Khởi đầu thế chiến thứ 2, Điệp báo Đức đều đều lấy được những tài liệu tối mật của Đồng minh cho Bộ tư-lệnh Đức. Vì vậy mà quân Đức vốn đã hùng mạnh lại biết rõ những yếu điểm và cơ mưu của đối phương trước, nên đánh đâu được đấy. Quân Đức đã tiến quân như vũ bão ở Âu châu, thọc sâu vào nội địa Nga tàn phá các đô thị Stalingrad, Leningrad v.v.. và định tâm biến điện Kremlin của bọn trùm đỏ thành tro bụi dưới hỏa lực của đại bác cho mát ruột hả dạ!

Tài liệu về kế hoạch Nga sô vẫn bị gián điệp Đức lấy được cho Bộ tư-lệnh Đức song vì thiên thời và địa thế bất lợi, quân sĩ Đức không chịu nổi cái rét ghê gớm ở đất Nga về mùa Đông, và vì « nhân » lại bất hòa nữa. Thực ra dân chúng Nga muốn nhân cơ hội Binh đội Đức tấn công cộng quân để vùng lên đập tan gông cùm Cộng sản hầu thiết lập một chế độ dân chủ trên đất Nga. Nhưng vì thấy quân Đức quá tàn ác thì họ lại nghĩ rằng chế độ quân phiệt cũng không

ĐIỆP BÁO

ĐỨC QUỐC-XÃ

hơn gì chế độ Cộng sản mấy, họ lại quay ra hợp tác với Cộng quân để đánh đuổi xâm lăng, nên Đức mới thua.

Song song với công tác tình báo, Canaris và Abweher lại phải rất nhiều điệp viên phá hoại xâm nhập vào nội địa và các căn cứ Đồng minh, đặt các bom nổ chậm phá hủy các nơi chế tạo vũ khí, chiến hạm, các căn cứ quân sự v.v..., làm tê liệt hậu tuyến làm chậm trễ các cuộc viện binh. Đô đốc Canaris và Abweher mỗi khi nhận được các tin thắng lợi đã xoa tay vào nhau cười ngất, khoái trí!

Thôi thì Hitler khen ngợi đủ điều và ân thưởng những huy chương cao nhất của Hitler.

Nhưng tình thế không lợi cho Đức quốc xã mãi. Tổ chức Điệp báo Đức dù có tài giỏi đến đâu mà một chọi mười thì cũng khó mà đạt được thắng lợi cuối cùng về mình. Về lãnh vực quân sự thì cũng thế. Các tổ chức Điệp báo phản gián Đồng minh ngang tài sức với Đức ngày đêm bao vây đối phó lại như : Intelligence Service của Anh, SIS (Special Intelligence Service) CIG (Central Intelligence group) FBI (Federal, Bureau of Investigation) của Mỹ, O.G.P.U của Nga v.v..

Vì vậy mà các mưu kế của Điệp báo Đức đều bị các sở phản gián Đồng minh phối hợp phanh phui và biết rõ gần hết, và có biện pháp thích ứng để đối phó lại. Các sở điệp báo phản gián Đồng minh phải tự đặt một câu hỏi, một câu hỏi cần bản để giải

quyết vấn đề : « Gián điệp Đức đã làm thế nào đánh cắp tài liệu của Đồng minh để gửi về Hamburg? Nhận mệnh lệnh của cơ quan và cách liên lạc thông tin như thế nào ! »

Hỏi tức là phải trả lời bằng những cuộc điều tra của mình ! Từ trước đến giờ rất nhiều tài liệu tối mật về kế hoạch của các nước Đồng minh bị gián điệp Đức ghi nhận đem chụp vào Micro phim bằng loại mực hóa học

(xem tiếp trang 49)

trong

đệ
nhị
thế
chiến



★ PHẠM CÔNG-THÀNH

M

ỘT trong những nguyên nhân làm cho cuộc điều tra không thấu đạt được kết quả khả quan là điều tra viên không xử dụng những nguồn tin chính thức. Họ không biết có rất nhiều cơ quan nắm giữ tài liệu quý giá do đó có thể lần ra manh mối một vụ bí mật. Một cảnh nã lòng thường thấy là điều tra viên nhúc đầu, rối trí, ngày này qua ngày khác vì không xác định được người chứng quan trọng, trong khi một câu điện thoại đặt đúng chỗ là có hy vọng đưa nội vụ ra ánh sáng. Công việc chính yếu là tìm ra người đủ tư cách để trả lời câu hỏi thắc mắc trong cuộc điều tra, nói khác đi, tìm nhân chứng hay người liên hệ là viên đá góc của cuộc điều tra vậy.

CÁC HẠNG NHÂN CHỨNG

Sau khi xem xét sơ khởi vấn đề, chúng ta nên lập danh sách những người liên hệ có thể cung cấp tin tức cần thiết, rồi phân chia ra ba hạng khác nhau tùy theo tính cách của mỗi cá nhân.

Hạng thứ nhất gồm những người có quyền lợi dính líu đến cuộc điều tra. Đó là trường hợp những bạn bè, thân thuộc những người thừa kế được hưởng lợi trong việc chia gia tài, những người bị hăm dọa đến nhờ sự can thiệp của nhà chức trách để bảo vệ tài sản và tính mạng của mình. Họ có thể gọi là *nhân chứng cảm tình*. Cảm tình vì đứng về quan điểm của điều tra viên, và vui lòng giúp đỡ mọi phương tiện cho người này đạt đến mục đích. Trong số này cũng có thể kể thêm những người tình nguyện đưa tin. Lý do đưa họ đến cộng tác với chúng ta rất thông thường: ghen ghét, ganh tị, oán thù vô vãn, nhất là những người hàng xóm vì sự sinh sống chung đụng hàng ngày rất dễ gây ra ác cảm với nhau. Trong các hoạt động thương mại, kỹ nghệ, cạnh tranh là yếu tố hay đem đến sự tố cáo người đối thủ để độc quyền thao túng thị trường và thủ lợi. Về phương diện ái tình, các tình địch cũng không ngần ngại làm hại lẫn nhau bằng cách phan phui tội lỗi của đối phương hầu thoả mãn lòng ghen tức, hay dễ bề chiếm đoạt người yêu.

Hạng nhân chứng thứ hai là những người bị thiệt hại ít nhiều vì cuộc điều tra. Họ ở trong tình trạng tâm lý trái ngược với hạng nhân chứng thứ nhất, không muốn tiết lộ điều gì về hoàn cảnh người can phạm, trừ trường hợp không thể giữ mãi sự im lặng hoàn toàn. Lời khai của họ phải xem xét và cân nhắc cẩn thận, vì chẳng những nó không phản ảnh sự thật mà còn thêm dệt thêm chi tiết mơ hồ nhằm mục đích làm lạc hướng người thẩm vấn. Điển hình cho số này là những người lẫn trốn bị

PHƯƠNG PHÁP

TÌM NGƯỜI CHỨNG

Tòa Án ra lệnh tập nã, những người tình nghi phạm pháp vì chưa tìm được tang chứng cụ thể chứng minh tội trạng, những con nợ vì hậu quả cò bạc hay bị thất bại trên trường kinh doanh, những người trốn tránh nhiệm vụ như quân nhân đào ngũ và sau hết là những người oa trử đồ gian, dung túng kẻ phạm.

Hạng nhân chứng thứ ba và cũng là hạng cuối cùng là những người trung lập. Kết quả cuộc điều tra không làm thiệt hại quyền lợi của họ và cũng không đem lại cho họ ích lợi gì. Không có lý do nào xui khiến họ che giấu sự thật, nếu họ là người đứng đắn và nếu điều tra viên biết gây cảm tình với lời nói ngay thẳng và cử chỉ lễ độ.

Chúng ta nên đặt tin nhiệm vào hạng nhân chứng trung lập và nhận thức giá trị lời khai của họ. Nhân chứng trung lập là người khách qua đường chứng kiến một vụ tai nạn lưu thông trên công lộ, nhân viên công sở phụ-trách hồ sơ sự vụ hay cá nhân của người quan thiết, hay người biết rõ hạnh kiểm và thành tích bất hảo của kẻ bị điều tra. Những giám định viên khi ra trước Tòa án để xác nhận về giáo tự hay thể chất vật lý của một vật gì có thể đặt vào hạng nhân chứng thứ ba này, nếu họ không có ác ý hay cảm tình với các người liên hệ.

PHÒNG VẤN

Sau khi danh sách nhân chứng lập xong, thì cuộc thẩm vấn có thể bắt đầu. Nhưng một điểm đáng nêu lên

thoại vấn tất ấn định ngày giờ và địa điểm đã có thể tạo nên điều kiện thuận tiện cho việc hội kiến. Cứ chỉ này tránh cho người đương sự khỏi mất thì giờ làm trở ngại công việc hàng ngày và cũng lợi cho chúng ta là chắc chắn được gặp họ tại nhà vì đã có lời hẹn trước.

Một đôi khi người liên hệ không hiểu quyền lợi mình liên quan đến cuộc điều tra nên có thái độ hồ hững để tiếp đón điều tra viên như trong trường hợp người thừa kế mất tích đã tìm thấy, người tặng dũ vô danh. Một câu bị chú ghi trong lá thư giới thiệu xét nên cần thiết để gây niềm tin tưởng và khuyến khích đương sự vui vẻ hợp tác với chúng ta để làm sáng tỏ vấn đề.

Đối với nhân chứng không có thiện cảm, ta không nên bao giờ gửi thư hẹn trước giờ gặp vì họ hay tìm cách lánh mặt. Nếu bắt buộc phải tiếp chuyện, thì luôn luôn họ đã có những câu trả lời sắp đặt từ trước để làm sai lạc vấn đề.

Vậy điều kiện hiệu quả nhất để gặp hạng nhân chứng này là sự bất ngờ không được dự bị để đối phó, họ phải nói ra những điều mà trong hoàn cảnh bình tĩnh hơn không bao giờ bị tiết lộ. Sự bất lợi của họ là không được sự chỉ dẫn của luật sư hay bạn bè về các điểm thắc mắc.

Cuộc chất vấn tại nhà của đương sự cũng không đem lại kết quả mong muốn, vì ở đó nhờ có bạn bè, thân nhân giúp đỡ ý kiến, họ trở nên cứng rắn và có khi không muốn trả lời nữa là khác. Vậy địa điểm thuận tiện là nơi họ làm việc. Người chứng không muốn ông chủ sở biết y bị dính líu vào một vụ gì có tánh cách phạm pháp. Câu chuyện càng kéo dài bao nhiêu, họ tự cảm thấy khó chịu bấy nhiêu vì bị trở thành mục tiêu cho sự tọc mạch nghi ngờ của đồng nghiệp. Sự phản ứng của người bị hỏi là trả lời lạnh chổng để trở về với công việc, không kịp tìm cách nói dối.

Về nhân chứng trung lập, hoàn cảnh phỏng vấn có phần giản dị hơn và có thể gặp họ bất cứ lúc nào. Thế thức hẹn trước giờ gặp không nên áp dụng, vì không có quyền lợi gì trong cuộc điều tra, họ không muốn bận rộn về vấn đề thì giờ hay vì phải bỏ công việc để đi khai trình tại cơ quan Cảnh-sát và Tư-pháp.

THÂU THẬP TIN TỨC

Ai đã hoạt động trong ngành điều tra hình sự đều phải nhìn nhận một công tác khó khăn của nhân viên Cảnh-sát là tìm kiếm nhân chứng hay truy tầm can phạm. Không có nguyên tắc nào nhất định hướng dẫn điều tra

(Xem tiếp trang 53)

★ Hoàng văn-Nam

là người nào nên được tiếp xúc đầu tiên? Vấn đề này rất quan trọng vì nếu nhân chứng không được hỏi theo một qui tắc thứ tự nhất định, tin tức thấu thập trở nên lộn xộn, khó phân tách chân thật nên không thể khai thác hợp lý được.

Nhân chứng cảm tình, theo thiên ý chúng tôi, là người trước nhất nên để cập đến. Chúng ta sẽ không gặp trở ngại nào khi tìm hiểu nội vụ vì đó là những người sẵn lòng cộng tác, nói lên những điều mắt thấy tai nghe. Lời khai của họ phác họa một cách tổng quát bức ảnh hình sự của vụ phạm pháp. Sự thật thì tài liệu chưa được đầy đủ, ta chỉ mới nhìn thấy một khía cạnh của vấn đề, nhưng có thể bổ túc sau này vì cuộc điều tra đang tiếp tục. Một ưu điểm đáng ghi là chúng ta đã có một số tin tức căn bản cho phép chúng ta phủ nhận hay bác bỏ những luận điệu ngoan cố, xuyên tạc của những nhân chứng xảo trá sau này.

Nếu phương pháp này không được noi theo, thì điều tra viên không còn cách gì khác để nhận định sự thành thật của người đối thoại khi khai cung.

« Người chứng cảm tình » khi nào cũng mong muốn được gặp điều tra viên để tỏ bày tâm sự vì họ thiết tưởng cùng mang một quan niệm và đều hướng về một mục tiêu. Vì thế cuộc gặp gỡ không phải là một chuyện khó khăn. Một bức thư vài dòng, một câu điện



TRONG bất cứ một thời đại nào, công-tác gián-điệp vẫn là một công-tác quan trọng vào bậc nhất, vì gián-điệp là tai mắt, là tim phổi, là mạch máu. Nếu tai không nghe được, mắt không thấy được và tim phổi, mạch máu ngừng hoạt động thì đầu não tất bị tê liệt.

Chính nhờ gián điệp mà cơ quan đầu não mới thấu rõ 'đôi phương, mới nắm vững địch tình để quyết-định thành công.

Chính vì tầm quan trọng của công tác, nên những người làm gián điệp đã phải vận dụng hết mọi thông minh và khả năng của mình, cũng như đã khéo léo tận dụng mọi khả năng của loài cầm thú để hoàn thành công tác tốt đẹp.

Một điệp viên giỏi, đủ tài năng có thể phá hàng vạn tinh binh địch. Ngày xưa Bàng-Thông, một điệp viên đặc lực của Châu-Du đã dùng « liên hoàn kế » thiêu cháy hàng chục vạn tinh binh thủy bộ của Tào-Tháo trên sông Xích-Bích.

Ở Á-Đông, từ thượng cổ thời đại, người ta đã biết tận dụng khả năng của chim hồng và chim nhận để giúp cho công việc đưa tin từ vùng này qua vùng khác một cách nhanh chóng và bí mật được đảm bảo triệt để, chắc chắn.

Chim hồng và chim nhận ở Đông-phương cũng như chim bồ câu ở Tây-phương đã đóng một vai trò không nhỏ trong công tác gián điệp.

Chim hồng là loại ngỗng trời. Chim nhận là loại vịt trời, lông màu trắng và xám, chân và mỏ màu đỏ, mình tựa chim bồ câu. Tiếng chim hồng và chim nhận kêu rất thảm thiết. Khi bay chúng dàn thành hàng theo hình chữ nhân, có thứ bậc, con lớn trước, con nhỏ sau.

Trong Hán sử chép rằng :

« Về đời Chiêu Đế, Tô-Vũ nhà Hán sang sứ Hung nô, không may bị Chúa Hung-nô bắt và đẩy ra Bắc Hải. Sau 19 năm bị cầm tù ở đất Hung, Tô-Vũ

tìm ra cách nhờ chim nhận để thông tin với vua Hán.

Một hôm vua Hán ngự bắn trong vườn thượng lâm, bắt được con chim nhận có giải lụa buộc vào chân, mở ra xem thì là thư của Tô-Vũ gửi về. Nhờ đó vua Hán sai sứ sang Hung nô tìm Tô-Vũ » :

Vì vậy người ta mới nói là nhận đưa thư, và từ đó điển chim nhận được các thi gia Đông phương dùng để nói lên nỗi niềm tâm sự nhớ thương, mong đợi người thân yêu nơi ngàn dặm xa xôi, nghìn trùng cách biệt :

« Cách biệt ngàn trùng tin nhận vắng,
« Rồi bời chín khúc mỗi tờ vương.
..... »

Trong kinh thánh có ghi về việc dùng bồ câu đưa thư đầu tiên của Noé, ông tổ của nhân loại.

Trong cuộc chiến tranh đánh chiếm Ai-Cập, Antoine cháu César, một vị tướng La-Mã cũng đã dùng bồ câu để thông tin với quân đồng minh, trong khi ông bị vây hãm ở Alexandrie, kinh thành nước Ai.

Ở Pháp, vua Henri IV cũng dùng chim bồ câu để thông tin với các nơi, trong khi Paris bị địch quân cắt đứt mọi liên lạc trong ngoài.

Trong các tài liệu lịch - sử nước Pháp có ghi những chuyện này nữa :

Năm 1809, trong cuộc chiến tranh Pháp Áo, cả hai bên đều dùng bồ câu

LOÀI CẦM THÚ

ười

CÔNG TÁC



Và :
« Thấy nhận luồng những thư phong,
« Nghe hơi sương xuống áo bông sẵn sàng ».
(chính phụ ngâm)

Và :
« Gió tây thổi không đường hồng tiện,
« Xót nỗi ngòi tuyết quện mưa sa. »
(chính phụ ngâm)

Và :
« Cánh hồng bay bổng tuyệt vời,
« Đã mòn con mắt phương trời đăm đăm
(Kiểu)

Đó là công dụng của chim hồng chim nhận ở Đông phương, còn như Tây phương người ta cũng đã biết lợi dụng khả năng của chim bồ câu.

mang các mật lệnh, khi Nã-phá-Luân tấn công vào thành Abensberg.

Năm 1870, trong cuộc chiến tranh Pháp Đức, nước Pháp đã dùng rất nhiều bồ câu trong việc đưa tin. Vì vậy, cơ quan đầu não chiến tranh của Pháp vẫn chỉ huy được khắp nơi, mặc dù kinh thành Paris bị công hãm. Chính trong cuộc chiến tranh này, Pháp đã biết thu nhỏ các công điệp vào bằng nhựa rồi cho vào công lông đuôi, khiến quân Đức không sao khám phá ra được.

Trong thế chiến thứ nhất (1914-1918), cả hai phe tham chiến cũng đều dùng rất nhiều chim bồ câu để truyền tin, để đưa mật lệnh, để liên lạc trên các trận địa,

Lợi dụng tính chất đặc biệt của chim bồ câu, những người buôn lậu đã dùng nó để chuyển hàng từ nơi này qua vùng nọ. Theo báo chí ở Saigon, vừa rồi Cảnh-sát Mỹ có khám phá ra một vụ dùng chim bồ câu để buôn lậu chất Nicotine. Khi đến xét nơi cư ngụ của chủ nhân con bồ câu mà Cảnh-sát đã bắt được, thì người ta thấy tại đó cả hàng ngàn con bồ câu khác. Việc này chứng tỏ phạm nhân đã làm ăn lâu năm với phương pháp này.

Đặc biệt của chim bồ câu là bất cứ trong trường hợp nào : đêm hay ngày, đông bằng thàng tấp hay núi rừng trùng điệp, trời quang mây tạnh hay mưa bão sương mù, yên lặng thanh

phía dưới ngực một chiếc máy ảnh tự động, nặng chừng 30 hay 40 grammes. Xong, tính khoảng cách từ nơi khởi hành đến mục tiêu, tính tốc độ của chim, tính thời gian cần dùng để chim bay tới đích, rồi sửa máy cho đúng để khi chim bay qua đích, máy ảnh tự động chụp, thế là có thể có được một tấm ảnh theo ý muốn. Trong khi đó phi cơ không dám bén mảng sang đất địch, vì radar của địch có thể khám phá ra tức khắc.

Tại những miền biên giới xa xôi, giao thông không thuận lợi, các mật báo viên cũng có thể dùng chim bồ câu để phi báo cho các cơ quan an ninh về những người nhập cảnh bất hợp pháp, những vụ vi phạm biên-



Muốn có một con chim giúp việc đắc lực thì phải chọn giống tốt và phải tốn công nuôi nấng, săn sóc, dạy dỗ hàng năm trời mới kết quả mỹ mãn. Người ta phải chăm nom từ khi mới nở, phải chọn những thức ăn nhiều chất bổ và hợp thời tiết, phải nuôi nơi thoáng khí sạch sẽ, hợp vệ-sinh ; phải để phòng các loài chim phá hoại và bệnh dịch ở những loài khác truyền sang khi chúng đến chuồng chim bồ câu để kiếm ăn.

Độ hai tháng là bồ câu non đã bay được. Khi bay được, người ta đem nó đi xa một cây sò, rồi hai cây, rồi 3, 4 cây để nó tập bay về chuồng, và cứ mỗi lần tập như vậy đều có một con chim lớn bay kèm theo dẫn đường. Cứ thế độ hai tháng sau là bồ câu đã có thể bay xa hàng trăm cây sò.

Sau một năm trời tập luyện, bồ câu được tập bay trong những khi thời-tiết khác nhau : khi trời quang mây tạnh hay khi mưa bão, sương mù và cả trong đêm tối nữa.

Trời tốt, bồ câu có thể bay nhanh tới 120 cây sò một giờ, trên độ cao từ 200 đến 300 thước. Nếu trời xấu, tốc lực bồ câu sẽ phải giảm bớt, chỉ còn 90 cây sò hay ít hơn và trên độ cao từ 100 đến 150 thước là cùng.

Còn về các giống thú thì khả năng gián điệp của chúng cũng không kém phần quan trọng.

(Xem tiếp trang 50)

GIÁN ĐIỆP

★ HOAN CHÂU

binh hay bom đạn khói lửa ngút trời, và cả những trường hợp sức người sức máy không sao thực hiện được, vậy mà chim bồ câu đều có thể vượt qua tất cả một cách dễ dàng.

Ngoài công tác thông tin liên lạc, chim bồ câu còn giúp cho các tay gián điệp, các nhà chỉ đạo chiến tranh một công tác khác vô cùng trọng yếu : *chụp hình các vị trí chiến lược của đối phương, chụp hình các cuộc chuyển quân*, nhờ đó mà khám phá ra được những cuộc tấn công bất thần của đối phương.

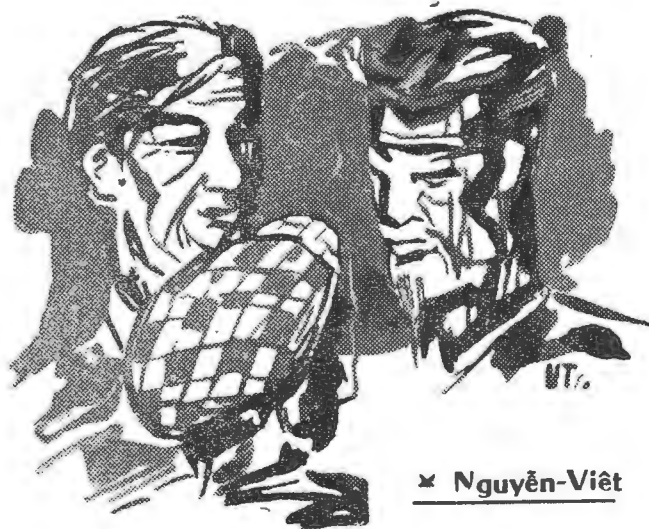
Muốn có một tấm ảnh về một binh trại hay một vị trí chiến lược nào của địch quân, người ta đeo vào cổ chim

giới của các nhà chức trách lân bang, hay phi báo cho nha thương chánh về hoạt động của những đoàn buôn lậu.

Trong địa hạt chính trị và quân sự, chim bồ câu đóng một vai trò rất quan trọng. Trong ngành hàng hải và thám hiểm, công dụng của chim bồ câu cũng không phải là nhỏ. Nhờ có chim bồ câu, người ta có thể cứu ứng kịp thời, khi một chiếc thuyền bị lâm nguy ; cũng nhờ chim bồ câu, mà các đoàn thám hiểm có thể thoát mọi hiểm nghèo.

Loại chim bồ câu này giống như chim gáy hay chim bồ câu nuôi trong nhà nhưng lanh lẹn và diêm tính hơn, mắt sáng, lông nhiều và mượt hơn.

Câu chuyện chính trị



✕ Nguyễn-Việt

Quốc-Gia là gì ?
Những yếu tố cấu thành Quốc-Gia.
Quá trình thành lập Quốc-Gia.
Sự liên quan giữa Quốc-Gia và con người.

(Tiếp theo B.D. số 8)



Ừ A đặt tách nước xuống bàn, bác Hai bị búa cắt giọng :

— Nè, cháu Việt ! Về hai tiếng Quốc Gia, cháu giải nghĩa tui sơ lược mà nghe cũng khá đến. Quả thật hai tiếng Quốc Gia chứa đựng nhiều ý nghĩa lắm chứ phải chơi đâu. Quốc Gia là Quê Hương, Đất Nước, là nơi chôn nhau cắt rún của mình. Già này mừng tượng Quốc Gia như bà mẹ hiền, từng banh da xẻ thịt sanh ra con dân, cho bú mớm, nuôi nấng cho lớn khôn, chăm sóc khi ốm yếu bệnh hoạn, che chở lúc hoạn nạn. Cho nên, sống trên giải đất chữ S này, bất cứ lúc nào và bất cứ đi đến đâu, già này cũng nhìn thấy hình ảnh mến yêu của Quốc Gia cả. Miền Nam với những đồng ruộng phì nhiêu lúa xanh um, bát ngát hay nặng trĩu những hạt vàng chạy thẳng tắp tận chân trời, miền Trung với dãy Trường Sơn uốn khúc nhìn thẳng ra Thái Bình Dương bao la, vùng Cao Nguyên đất đỏ, núi rừng trùng điệp, miền Bắc với Vịnh Hạ-Long thơ mộng..., đâu đâu đề chân đến, bác cũng thấy mình được nâng niu trong đôi tay dịu hiền, ấp ủ trong lòng cao cả của đấng từ mẫu Việt-Nam.

Anh Bảy tắc xi liền thoáng xía vào :

— Mèn đét ơi, bác Hai là văn sĩ một cây mà mình không dè ta ! Nói nữa đi bác, nguồn văn đang ngon ngọt, bác cho tuôn ra để tụi cháu thưởng thức với bác.

Hớp xong ngụm nước thăm giọng, bác Hai bị búa tiếp :

— Già này không phải là văn sĩ hay thi sĩ gì ráo trội, nhưng già cảm được cái cao cả tuyệt diệu của mỗi tình Đất Nước.

Đã hơn 60 tuổi đầu, thân kề miệng lỗ, nên bác đã qua bao phen thồn thức sướng vui vì hai tiếng Quốc Gia. Bác còn nhớ rõ hồi chiến tranh Pháp Đức 1914 1918, bác bắt thăm trúng phải đi Tây đánh giặc, lúc tàu rời khỏi Ô Cấp, đất liền, chợ búa, nhà cửa, núi non của quê hương nhỏ lẫn, nhỏ lẫn rồi mất hẳn sau lớp sương chiều. Giữa trời biển bao la xanh biếc một màu, ôi thôi lòng mình thồn thức, nước mắt tuôn trào...

Anh Bảy tắc xi lại cà khịa :

— Thi « bước chân xuống tàu nước mắt như mưa » là đúng « điệu » của người lính lắm rồi ! Mà lúc đó, đi Tây bác nhớ con, nhớ bác gái, nhớ nhà nên mới « dòng châu lả chả » chứ chuyện đó có ăn nhập gì với Quốc Gia mà kể lại, bác ?

— Thằng Bảy mày không hiểu nên nói vậy. Có trong cảnh biệt ly, xa quê hương xứ sở mới thấy rõ lúc cất bước ra đi, lìa quê cha đất Tổ thì tự nhiên lòng dạ mình nao nao, thồn thức. Chẳng những nhớ vợ nhớ con, nhớ cha, nhớ mẹ mà nhớ cả hàng cau, ao cá, nhớ cặp trâu, luống cày, nhớ cái đình làng cũ kỹ, nhớ cả cây cầu khỉ bắc ngang vòm rạch. Nhớ, trời ơi, nhớ đủ thứ, nghĩa là nhớ nước, nhớ nhà, nhớ đứt ruột đi lặn, cháu ơi !

LÝ TƯỞNG

QUỐC-GIA

Đó, chỉ mới xa quê hương mà còn như thế, chứ trong tình cảnh mất quê hương, cái thương, cái nhớ, cái khổ lại còn « đậm » hơn nhiều.

*Nhớ nước đau lòng con quốc quốc
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia*

Cháu có biết tích Vua Thục Đế bị mất nước, rầu buồn đến chết, rồi đầu thai thành con quốc vì nhớ nước nên tiếng kêu « quốc...quốc...quốc » rất thảm thiết không ?

Nước và nhà là một và Nước, Nhà cùng với mình cũng là một, hôm nọ cháu Việt nói rất đúng. Trong « Giác quần thư » của cụ Phan Bội Châu có những câu nghĩa rất rõ ràng :

*Góp nghìn ức nhà mới gây nên nước
Nước có quyền nước, mới giữ được nhà.
Nước tức là nhà, nhà tức là nước
Vậy nên nhà nước, hai chữ liền nhau
Nước là nhà to, nhà là nước nhỏ.
Cơ đồ tiến tổ, thành quách non sông,
Xương trắng máu hồng, gây nên gấm vóc
Con Hồng cháu Lạc, nòi nghiệp đời đời.*

Cháu có thấy không, Nước chính là Nhà mà Nhà lại chính là mình, là dân là con người có con tim, khối óc, biết cảm, biết nghĩ. Đến như con ngựa đá ở Chiêu lăng đời vua Trần Thánh Tông, lúc quân ta đánh quân Nguyên còn biết ra trận vì tình Đất Nước hưởng chi là người há lại không có tình thiêng liêng ấy sao ?

*Xã tắc hai phen bon ngựa đá
Non sông thiên cổ vững âu vàng.*

Nghe đến đây, anh Bảy tắc xi như chợt dạ nên nói hơi sáng giọng :

— Cháu có chối cãi « con người ai cũng có tình Đất Nước » đâu mà bác chửi xéo ?

Nguyễn-Việt tươi cười đỡ lời :

— Anh Bảy đừng hiểu lầm... Bác Hai không có ý « móc » anh đâu. Chẳng qua trong lúc say sưa với nguồn tư tưởng bất tận : « Nước-Nhà, Nhà-Nước », bác Hai nói như thế đó thôi.

Thật đúng như bác Hai nói, mối tình giữa Quốc-Gia và con Người thật là thiêng liêng bất diệt. Dân Do Thái bị mất Nước hàng bao thế kỷ, phải sống lang thang nơi quê người như chim ngàng bạt gió, mà rồi rốt cuộc họ cũng phải quyết liệt đấu tranh để trở về Đất cũ, dựng Nước trở lại.

Bác Hai bị bún nói tiếp :

— Phải có sống nhiều mới cảm thấy thân mình dính liền với đất nước và mỗi lần đất nước có « chuyện » là tự nhiên lòng dạ mình bị chạm như điện giật. Như hồi 1945, lúc Nhật Bồn đảo chánh Thực dân, các đoàn thể Quốc Gia kêu gọi « hồn nước » thì tự nhiên khắp nơi, toàn dân nổi dậy chống đế quốc. Lúc đó, bác bị xúc động quá nên không cần suy nghĩ gì hết, cứ lăn xả vào cuộc đấu tranh. Giữa những tiếng hô hào « đả đảo thực dân », thân thể bác nóng ran lên, bác cảm thấy như dòng máu đang chảy trong gân thịt bác bắt nguồn từ lòng đất Việt-Nam, từ đường gân thớ thịt, con tim của Tổ Tiên mình...

Anh Bảy tắc xi nghe đến đây có lẽ thấy tâm hồn nao nao nên với giọng rề rề, anh mơ màng ngâm :

*Trong ánh sáng tung bành, trời đất Việt
Đây tiếng mừng điệu tha thiết chờ mong :
Buổi bình minh mà chẳng tợ Tiên Rồng
Cùng ngắm đợi suốt đêm đông lạnh lẽo
Đã nhuộm thắm chân trời xuân trong tẻo.
Dưới nắng hồng dịu dịu phù ngàn cây
Mắm tự do vun đắp tự bao ngày
Bằng xương thịt của bao trang tuấn kiệt*

(xem tiếp trang 57)

CHUNG
QUANH

VẤN-ĐỀ CHỐNG CỘNG

★ Trung - Đạo

Nhìn thẳng vào vấn đề



TRONG một bài trước chúng tôi đã có nhấn mạnh ở tánh cách cần thiết và cấp bách của công cuộc võ trang tinh thần chống Cộng trong giai đoạn quan trọng hiện tại. Mà về phương diện này, chúng ta rất cần hiểu rõ chiến thuật tuyên truyền của Cộng sản ở từng giai đoạn để có thể đối phó có hiệu quả.

Đối với người dân thường, một người nông dân Việt Nam ở miền Nam, ý thức của họ về Cộng sản rất lơ mờ. Vì ở miền Nam, Việt Cộng chưa đỡ trò « phóng tay phát động quần chúng đấu tranh », chưa có cái cách ruộng đất một cách « trời long đất lở » như ở miền Bắc. Và do đó cái hình ảnh đau thương của người miền Bắc hiện giờ, đối với một anh nông dân ở miền Nam thiết là một điều khó tưởng tượng được, khi hình dung ra được. Đó là một điểm mà ta cần phải chú trọng khi nói đến vấn đề chống Cộng.

Sự kiện trên thật không có gì là khó hiểu. Từ 1945 đến nay, ở miền Nam này, Việt Cộng lúc tụt lùi đi, lúc hiện ra lại, nhưng trước sau gì bọn chúng cũng vẫn còn ở trong tình trạng du kích. Mà hễ còn sống trong tình trạng du kích là vẫn còn cần phải ve vãn dân (mặc dầu trong nhiều trường hợp chúng không đấu khởi những hành động tàn ác), vẫn còn cần phải dấu hẩn đi, hoặc che đậy bớt cái đuôi Cộng sản trắng trợn của chúng.

Và do đó luận điệu tuyên truyền của chúng cũng phải căn cứ vào hoàn cảnh mới có thể có cái tác dụng « đầu độc » được. Vì vậy nếu ta đặt vấn đề « vì sao tôi chống Cộng » đối với một đàn quê miền Nam

mà ta thao thao bất tuyệt về ý thức hệ, nhân sinh quan Cộng sản, về biện chứng pháp, duy vật sử quan v.v... thì chắc chắn họ sẽ không hiểu gì cả và cố nhiên không tin gì cả. Đó là một vấn đề xây dựng lâu dài, một vấn đề riêng dành cho cán bộ. Vấn đề cấp bách thì nó lại giản dị hơn nhiều, nhưng không phải vì vậy mà dễ dàng.

Như chúng tôi đã nói, anh nông dân miền Nam sẽ không hiểu gì cả và cố nhiên không tin gì cả vì một lẽ giản dị là bọn Việt Cộng, bọn cán bộ nằm vùng phá hoại nông thôn có bao giờ nói với họ những điều đó đâu.

Vì vậy ta cần phải đánh thẳng, đánh mạnh vào luận điệu tuyên truyền xảo quyệt của bọn Cộng phi, trước nhất bằng cách đặt cho đúng chỗ vấn đề « vì sao tôi chống Cộng » cho anh nông dân miền Nam.

Anh nông dân miền Nam chỉ cần được hiểu biết bấy nhiêu đó và ngoài ra, chỉ cần có điều kiện an ninh để tránh được mọi phá hoại, khủng bố, mọi lũng đoạn của Cộng sản, nói một cách giản dị hơn, cần được « ở yên làm ăn » — đây lại là cả một vấn đề khác ngoài phạm vi bài này.

Thì chúng ta đã thấy : sau ngày hiệp định Genève ký kết hồi năm 1954 trước những sự phản bội quá rõ rệt của Việt Cộng, với sự an ninh trở lại, người dân quê bịt lỗ tai trước mọi lời của Cộng sản và bọn chúng đã phải chịu bó tay.

Cho mãi đến nay bọn chúng mới đỡ trò phá rối lại. Ta phải can đảm nhìn thẳng vào vấn đề. Và ta sẽ thấy : trước sau gì cũng vậy, Việt-Cộng vẫn tái diễn tấn tuồng cũ tuy có bôi son vẽ phấn khác đôi chút.

Vấn chiêu bài « giải phóng »

Đó là một nhãn hiệu « dễ xài » nhưt mà Cộng sản thường dùng. Dễ xài vì nó đánh vào mặt tình cảm của người ta, mà người dân quê thì hay thụ động, ít vận dụng về mặt lý trí... và bọn Cộng sản thì cứ làm bừa đi.

Sau mấy năm xuống dốc vì đã trắng trợn chia xẻ đất nước, phản bội kháng chiến, phản bội dân tộc, Việt cộng lại ngo ngoe phá rối lại và lần này vẫn dưới chiêu bài « giải phóng », « giải phóng » miền Nam, đuổi « Đế quốc »... Ta đã thấy từ hồi 1945, Việt cộng vẫn bô bô tự xưng như là những nhà « ái quốc » chống Thực dân. Ngày nay, sau khi chờ cho mọi xúc động mọi cảm hờn của dân chúng miền Nam về thỏa hiệp Genève lắng xuống, bọn chúng lại xuất hiện và tự trình bày như những nhà « ái quốc » chống Đế quốc. Vì thế không đời nào ta thấy chúng hô hào hay đi sâu vào chủ nghĩa Cộng sản, vào những lý thuyết rắc rối đối với người dân quê. Cả đến những vấn đề dân sinh như cải cách điền địa cũng không. Vì nói những điều đó dân sẽ không đời nào để lọt vào tai được. Người dân quê thừa biết bọn chúng không đời nào thực hiện được một cuộc cải cách điền địa như Chánh phủ Việt-Nam Cộng-Hòa đã làm. Bọn Cộng sản cũng thừa biết vậy. Bọn chúng đã tránh không được đả động về các vấn đề thuộc « loại » đó và một mặt bọn chúng ra sức phá hoại mọi công cuộc cải tiến dân sinh của chính phủ ta, (chúng làm cho người dân phải chịu lầm than khổ cực, mất an ninh) một mặt khác, bọn chúng cứ hô hào bừa đi dưới chiêu bài « giải phóng » (để dựng lên trước mắt người dân một ảo tưởng khác hầu có thể lôi cuốn được).

« Vì sao tôi chống Cộng », người dân quê sẽ trả lời được khi tấm chiêu bài « giải phóng » của Cộng sản bị đánh đổ gục xuống, khi những luận điệu tuyên truyền xảo quyệt của Cộng sản bị rũ rời như hòn đất khô gặp mưa rào. Vấn đề này chúng ta sẽ lần lượt nói đến.

Hạng người chuyên phản bội

Tuy luôn luôn núp dưới chiêu bài « giải phóng » để hoạt động, nhưng mĩa mai thay bọn Cộng sản lại chính là bọn luôn luôn chuyên phản bội. Thời hồi năm 1945 cho đến ngày hiệp định Genève ra đời, chính bọn Việt cộng ở đây cũng luôn luôn lớn tiếng hô hào tranh đấu giải phóng đất nước, giành độc lập quốc gia, đòi thống nhất lãnh thổ... Nhưng biết bao phản bội đã phơi bày dưới những danh từ có vẻ thu hút ấy !

Thời gian cứ trôi qua mà lòng người dân cứ sôi nổi theo những biến cố mới của đất nước. Và người dân Việt ái quốc sau biết bao căm hờn, tủi nhục dưới ách Thực Phong, phần lớn chỉ chạy theo những sôi nổi của thời cuộc bằng tình cảm hơn là bằng lý trí. Đó là một chỗ yếu, một chỗ rất yếu mà bọn Cộng sản không ngớt lợi dụng. Đó cũng là một điểm rất tế nhị mà người chống Cộng phải chú trọng đặc biệt.

Từ năm 1945 đến nay, bao nhiêu thời gian trôi qua, nhưng chúng ta cũng cần nhắc lại một vài chuyện cũ trong bao nhiêu năm kháng chiến mà bọn Việt cộng hô hào như chúng đã giữ độc quyền « ái quốc », độc quyền « kháng chiến ». Và như vậy để chúng dễ bề phản bội, phản bội kháng chiến, phản bội công cuộc giải phóng quốc gia, phản bội sự thống nhất lãnh thổ, để chỉ biết có quyền lợi của đế quốc Nga-sô (cả quyền lợi của chính bọn Cộng-sản Việt cũng không được đếm xỉa đến nữa là quyền lợi của dân tộc Việt!).

Dưới nhãn hiệu « giải phóng » dân tộc, Việt cộng đã phản bội cuộc kháng chiến bắt đầu từ năm 1945. Chúng ta chỉ cần nêu ra một vài điểm, chứ kể hết và kể rõ những sự phản bội ấy phải viết cả một quyển sách dày:

— Việt cộng phản bội cuộc kháng chiến giành độc lập : lợi dụng kháng chiến giành độc lập của toàn dân ta để làm điều kiện thiết lập chính quyền Cộng sản mà không kể gì đến mục đích tranh đấu độc lập, hậu quả là làm cho Việt-Nam phải bị cô lập trên trường quốc tế và mặc cho Thực dân thao túng, trong lúc đó nhiều nước ở Á Châu theo đường lối quốc gia thu hồi được độc lập mà khỏi phải hao tổn xương máu và nhất là tránh được không làm ly tán lực lượng của dân tộc họ. Ngày nay chúng ta đã thấy rõ ràng là chính sự phản bội kháng chiến của Việt cộng ở buổi ban đầu đã đưa đến cuộc phiêu lưu bi đát của



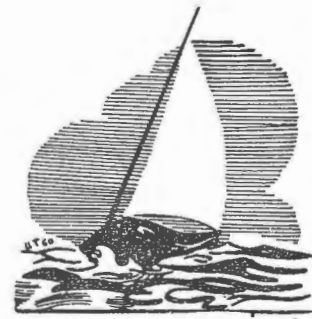
một nước Việt-Nam hai miền khác biệt như chưa từng thấy trong lịch sử. Người dân Việt yêu nước, tự vấn về tương lai của đất nước, phải nghĩ đến sự phản bội vô cùng tàn khốc ấy của Việt cộng.

— Việt-Cộng tìm mọi cách, mọi dịp để tiêu diệt các lực lượng quốc gia, làm yếu hẳn sức đấu tranh của dân tộc : chúng ta tự hỏi nếu trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc không có bọn vong nô Cộng sản thì lực lượng của Việt-Nam sẽ hùng hậu đến đâu, và làm gì phải tổn gần 10 năm xương máu và bao nhiêu năm nữa trong cảnh cốt nhục tương tàn mà đau đớn thay chúng ta không thể nào tránh được, nếu không muốn cho dân tộc ta bị tiêu diệt, để xây dựng nước Việt-Nam độc lập và thống nhất. Nếu không có bọn vong nô Cộng sản thì nước Việt-Nam đã có thêm bao nhiêu thời gian, có biết bao nhiêu sinh lực để dồn vào công cuộc kiến thiết và mở mang xứ sở, và nhất là nước Việt-Nam sẽ mặc tình vạch cho mình một đường lối quốc tế có lợi rất nhiều cho dân tộc (vi khỏi phải bị ảnh hưởng chặt chẽ vào cuộc phân tranh của hai khối trong thế giới hiện tại). Nhưng bọn Việt cộng lại không kể gì đến điều ấy. Chúng chỉ cốt làm sao xích hóa Việt-Nam, do đó, chúng bắt kể đến lực lượng dân tộc và thẳng tay tiêu diệt những người quốc gia. Ngay từ hồi bắt đầu kháng chiến Nam Bộ thì bọn Việt cộng cũng bắt đầu phản bội kháng chiến : thủ tiêu những người quốc gia, bí mật bắt tay với thực dân (ở đây Thực dân cũng có cái lợi là đặt chân lại được Việt-Nam, làm cho lộ màu sắc Cộng sản trong cuộc tranh đấu giành độc lập của Việt-Nam để tránh các cường quốc dân chủ can thiệp vào hất chân họ, đồng thời cũng mượn được tay Việt cộng tiêu diệt các lực lượng quốc gia) để rảnh tay đối phó với những người quốc gia và cũng để nhờ tay thực dân diệt bớt những đơn vị kháng chiến không Cộng sản. Rồi tiếp theo, Việt cộng không ngớt phản bội thêm nữa : hiệp ước sơ bộ 6-3-1946 công khai rước quân đội viễn chinh Pháp đổ bộ lên đất Bắc, chịu cắt Nam bộ ra nói rằng sẽ có một cuộc trưng cầu dân ý để thống nhất, nhưng như ta đã thấy chẳng có cuộc trưng cầu dân ý nào cả và hậu quả đưa đến sự ra đời của chính phủ Nam kỳ tự trị lúc bấy giờ — và tệ hại hơn nữa Việt cộng còn dắt dẫn quân đội viễn chinh Pháp đi tàn phá những chiến khu quốc gia ở Bắc-Việt. Chúng ta hãy còn nhớ các ban Liên kiểm Pháp Việt (Việt cộng) với đủ khí giới tối tân và xe tăng có nhiệm vụ giữ « an ninh », nghĩa là nhiệm vụ tấn công các chiến khu quốc gia nhất định chống Thực dân lúc bấy giờ. Rồi đến thỏa hiệp án 14-9-1946 mà Hồ-chí-Minh phải lạy lục không phải với Quốc Trưởng Pháp mà với ông Moutet, Bộ Trưởng Pháp quốc Hải ngoại (Bộ thuộc địa cũ) để ký với ông này vào lúc nửa đêm ở phòng ăn (vì Việt cộng sợ Pháp bỏ rơi ván bài Cộng

Trơ

Xương

Máu



*Phải chăng Việt-Cộng thế hay không ?
 Chẳng đạo Cha Con chẳng vợ chồng.
 Trai gái Tự-Do chẵn gối lẩn ;
 Trẻ già Bình-đẳng, áo cơm chung.
 Hô hào Độc-lập trơ xương máu ;
 Đẽ xương Tăng-gia, trụi cánh lông.
 Kỹ-Luật nào đâu ? đâu trật-tự ?
 Ai thẳng ? Ai đã nhầy lên ông ?*

Đạm-Nguyên

sản ở Việt-Nam, nhưng thật sự Pháp đời nào bỏ vi đi với Cộng sản có lợi hơn và chỉ bắt chẹt gắt với Hồ-chí-Minh thôi). Thỏa ước này « nhìn nhận » một cách mơ hồ rằng nước Việt Nam độc lập trong Liên Hiệp Pháp và trong Liên Bang Đông Dương, nhưng rốt cuộc rồi cũng chẳng thấy gì hết mà Pháp thì đã chiếm hết các vị trí quân sự then chốt ở Việt-Nam và cuộc chiến tranh toàn quốc bùng nổ cho đến ngày Hiệp định Genève ra đời, vạch thêm một sự phản bội ghê gớm nhất của Việt cộng đối với công cuộc giải phóng dân tộc, và đối với vận mạng của quốc gia.

Trong một bài tới, chúng ta sẽ bàn đến sự phản bội ghê gớm ấy và chúng ta sẽ thấy rằng : trước cũng như sau gì cũng thế, Việt cộng là một cái họa trầm trọng nhất cho công cuộc giải phóng đất nước, mặc dầu bọn chúng không ngớt kêu gào « giải phóng ».

(còn nữa)

Trung-Đạo



LỜI NGƯỜI DỊCH THUẬT

Ngạn ngữ có câu : « Xe trước gãy, xe sau phải tránh ». Dân tộc Trung-Hoa đã bị Cộng-sản thôn tính thì dân tộc Việt-Nam cũng nên lấy đó làm gương và nhất định sẽ không lâm lạc trước những âm mưu xáo trá của Cộng-sản dù dưới hình thức và nhãn hiệu nào.

(xem B.D. từ số 8)

THẬP VẠN THANH-NIÊN QUÂN

Căn cứ vào tình hình chiến sự lúc ấy, phe Đồng minh đã quật ngã Đức Quốc-xã của Hitler thì vấn đề Nhật Bản đầu hàng ở Á Châu chỉ là vấn đề thời gian mà thôi. Vì thế, chính phủ Trùng-Khánh đề ra chính sách « bồi thực cán bộ kiến quốc ».

Cuộc động viên mười vạn thanh niên trí thức nhập ngũ thi hành cấp bách. Tướng Chủ-tịch xem vấn đề ấy rất quan trọng nên đích thân ông nắm quyền Thống Soái Thanh niên quân, La trác Anh tướng quân làm Tổng giám đốc huấn luyện kiêm giáo dục trưởng đoàn huấn luyện quân. Dưới sự chỉ huy của Tổng giám đốc và huấn luyện đoàn còn tổ chức những lớp học cho bậc túơng, bậc tá, bậc úy tổng đội, tổng đội nữ tử và các tổ chức của chính trị bộ.

Chủ nhiệm lớp bậc Túơng là ông Hoàng-Dung, tôi làm Phó chủ nhiệm. Sau này ông Hoàng-Dung được

Tác-giả KIM ĐIỀN - NHUNG

dịch thuật : HOA-HÁN và PHƯƠNG-THÀNH

điều động sang giữ chức giáo dục trưởng đoàn huấn luyện Đông-Nam, tôi thế ông làm chủ nhiệm kiêm chủ nhiệm phòng cao cấp tham mưu trưởng của Tổng giám đốc huấn luyện. Chủ nhiệm bộ chính trị là ông Tướng Kinh-Quốc.

Khi ấy, công tác huấn luyện thanh niên quân là một công tác cấp bách và đặc biệt nhất là lớp Túơng, do tôi chủ tọa.

DƯ DỊCH-LÀN TIẾT LỘ...

Một buổi chiều, hoàng hôn nhẹ phủ lên vạn vật đô thành, ánh đèn điện hiện ngang nổi bật giữa bóng đêm. Tôi thong thả dạo bước trên sân nhà, lòng miên man nghĩ đến những viễn ảnh êm đẹp của ngày mai. . . Con đường Quang Phục-Hưng (Trùng-Khánh) thẳng tắp, san sát những dinh thự nguy nga, kiêu hùng trong ánh sáng điện hiện.

Nhìn quang cảnh rộn rịp, tôi nghĩ đến ngày Nhật Bản đầu hàng thì lòng sáng khoái vô cùng. Lúc ấy đến ngày Nhật đầu hàng chỉ vòn vẹn có 2 tháng.

Thế mà trong chính phủ ta có nhiều người đã thảo luận đến cuộc tiếp thu. Họ cũng náo nức đón chào khúc nhạc quân hành, say mùi chiến thắng. Còn phút nào thiêng liêng và trọng đại cho bằng !

Thình lình, có tiếng chân đi mà thính quan tôi dường như quên lửng ! Một bàn tay vỗ vai tôi. Tôi giật mình như vừa tỉnh một giấc mơ êm ! Ngoảnh lại thì Dur dịch-Lân, một đờ đệ trong lớp võ quan cấp Tướng của tôi đã sát cạnh tôi rồi ! Tay bắt, mặt mừng tôi mới nhớ thêm Lân là người tin cẩn của Trương trị Trung. Hấn đến để làm gì ? Tôi tự hỏi mình như vậy ! Chớ tôi có dè dặt, chính hấn đã chịu mệnh lệnh của Trương tiên sinh sang mời tôi đến cùng Trương quân hội ngộ, luận bàn kế hoạch tiếp thu Đông-Bắc. Hấn không để mất thì giờ bực lộ:

— Hôm qua, Trương tiên sinh từ nhà Trương chủ tịch ra về, mời mấy bạn thân bàn vấn đề Đông Bắc. Nay ông bảo tôi đến mời thầy qua nói chuyện.

— Thế à ! — Tôi buông lỏng hai tiếng cộc lốc của lòng mình !

Xuyên qua câu chuyện của Lân, tôi đoán chừng nhiệm vụ chủ nhiệm hành doanh Đông Bắc chắc chắn sẽ về tay Trương-trị-Trung rồi.

Nhưng Lân lại kể tai tôi nói nhỏ :

— Bây giờ chưa chính thức quyết định còn chờ nhà đương cuộc tối cao. Nhưng, do giới thạo tin cao cấp đã bảo Trương tiên sinh đã chuẩn bị kế hoạch tiếp thu. Vì thế mới mời thầy hôm nay !

Sau câu nói, hấn điếm nụ cười tin tưởng, tôi cũng cười theo !

Tôi hẹn với hấn 3 giờ chiều mai sẽ qua thăm Trương tiên sinh. Hấn từ giả tôi...

TRƯƠNG TRỊ-TRUNG CHUẨN BỊ LÀM CHỦ NHIỆM

Được tin ấy, tôi trở về với bao niềm cảm xúc hân hoan. Không phải được tin Trương-trị-Trung sắp làm chủ nhiệm làm tôi sung sướng. Chính công việc tiếp thu Đông Bắc mới gợi hứng lòng tôi !

Ngày vinh quang của tổ quốc gần kề. Sau 14 năm xa cách Trường-Xuân (Đông Bắc) nay bỗng nhiên tái ngộ trong giờ phút huy hoàng thì nỗi vui mừng sao khỏi tràn ngập tâm tư.

Từ đó, đã mấy lần hội kiến với Trương tiên sinh, đàm luận giúp ông ta kế hoạch tiếp thu Đông Bắc. Luôn dịp, Trương tiên sinh cũng mời ông Mạc-dức-Huệ

nguyên lão Đông Bắc nói chuyện. Khi ấy, tôi được Trương tiên sinh chỉ định giữ chức tham mưu trưởng hành doanh Đông Bắc sắp tới.

Nhưng trở trêu làm sao ! Khi Nhật bốn đầu hàng, nhà đương cuộc tối cao phát biểu sự vụ lệnh, bổ nhiệm ông Hùng-thức-Huy giữ chức chủ nhiệm hành doanh.

Thế là cái mộng « đế vương Đông Bắc » của Trương tiên sinh bỗng nhiên biến thành mây khói và kế hoạch tiếp thu cũng trở nên bọt nước đầu gành !

Riêng tôi lại được may mắn hơn như số kiếp đã định rồi. Ông Hùng-thức-Huy mời tôi và yêu cầu giữ chức Xứ Trưởng giao-thông trong hành doanh Đông Bắc. Tôi nào hiểu vân mông gì đâu ? Sau này tôi mới rõ chính ông Đổ-kiến-Thời chủ nhiệm viện nghiên cứu của Bộ quốc phòng đã giới thiệu tôi với ông Hùng-thức-Huy. Hơn nữa, lúc ấy ông Huy vừa thắng lợi nên rất cần người có năng lực giúp ông ta. Đó là lý do tôi được trọng dụng.

Tôi cũng biết rằng công tác giao thông rất nặng nề mà đối với tôi cũng rất xa lạ thì việc đảm nhiệm khiến tôi ngần ngại vô cùng. Tôi đã nhiều phen từ chối, xin đảm nhận chức vụ khác.

Ông Huy khẳng khẳng bảo tôi :

— Tôi rất mong ông giúp việc ấy cho tôi, trong thời gian ba tháng sẽ điều chỉnh lại.

Tôi hết phương từ chối, đành nhận cho xong !

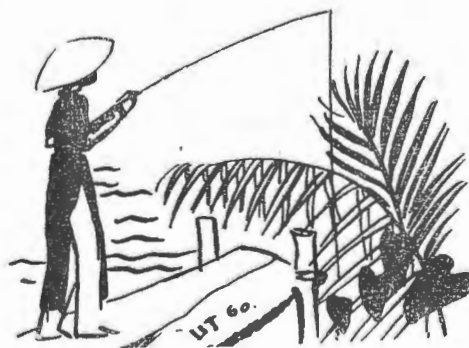
ÔNG HÀ QUỐC - TRỤ ĐUI HAI MẮT

Tổng số nhân viên phái đoàn tiếp thu Đông Bắc chia ra làm ba nhóm do ba chuyên phi cơ chánh phủ chở đi.

Nhóm thứ nhất gồm có Ông Trương kính-Quốc, Hà-quốc-Trụ, Mạc-dức-Huệ, Châu-tác-Hoa, Phùng-Dung, Đông-ngân-Bình, và số nhân viên trong tòa đặc phái ngoại giao.

Nhân viên nhóm hai gồm các đô thị Trưởng, Chủ tịch tỉnh và ông Hùng thức Huy.

(Xem tiếp trang 51)





MỘT điều tra viên thường hay vấp phải một việc khó khăn là đánh giá lời khai của các nhân chứng. Hai nhân chứng cùng mục kích một tai nạn hay một hành động phạm pháp nhưng lại đứng ở hai vị trí khác nhau sẽ nhìn thấy hành động hay tai nạn ấy dưới hai góc cạnh khác nhau và có những cảm tưởng khác nhau.

Một người đứng quan sát một tai nạn xảy ra ở cuối phố cách xa mình những roo thước sẽ không thể nói đúng như một người đứng ở ngay bên lề đường cách tai nạn có vài bước. Đồng thời một nhân chứng khi nhìn thấy các sự kiện báo hiệu sẽ có một tai nạn lưu thông xảy ra liền đó, sẽ kể lại câu chuyện khác hẳn với một nhân chứng khác chỉ nhìn thấy tai nạn sau khi nghe thấy tiếng động ầm của hai chiếc xe. Hơn thế nữa, một nhân chứng mà lại là bạn bè thân thiết của một trong hai bên đương sự nhất định sẽ có những lời khai khác biệt hẳn với một nhân chứng trung lập. Tuy nhiên, các nhân chứng ấy ai cũng nhất định là mình nói đúng nhất và xác thực nhất!

Điều tra viên chúng ta là những người đi tìm tin tức bằng mắt, bằng tai và bằng mọi giác quan khác của ta về những chi tiết các vụ đã xảy ra. Cách thức chúng ta lý luận và giải thích những tin tức ấy tùy thuộc không riêng ở những điều mà chính tai ta được nghe hay mắt ta được thấy mà còn ở chỗ các tin tức ấy phù hợp, ăn khớp với kinh nghiệm, thái độ và nhu cầu của ta như thế nào nữa. Muốn cho những cảm giác nhận được thành hữu ích, thì chúng ta trước hết phải kích động được ta đã. Nói một cách khác thì ta phải để ý đến chúng. Lẽ dĩ nhiên là mức độ chú ý của ta có thể đi từ chỗ không có gì đến chỗ phảng phất mơ hồ và chăm chú đặc biệt. Dầu sao đây cũng chỉ là một phần nhỏ trong sự nhận xét chung của ta mà thôi.

Để giải thích những cảm giác nhận được, chúng ta phải « tổ chức » những cảm giác đó, nghĩa là gán cho chúng một ý nghĩa. Đó mới

đúng nghĩa quan sát, và sự hiển nhiên là mỗi người đều có óc quan sát khác biệt về các sự vật và đồ vật, không ai giống ai.

Một nhân chứng không thạo về súng đạn tạt sẽ không phân biệt được tiếng nổ của một khẩu súng săn với một khẩu súng lục. Một nhân chứng sẵn có thành kiến về tuổi tác, màu da hay tôn giáo v.v... với một người khác sẽ nhận xét về người đó dưới một khía cạnh không mấy tốt đẹp.

Các nhân viên hành luật đứng ở một địa vị cần phải có một sự hiểu biết tường tận về bản tính con người. Phải biết một chút về khoa tâm lý, về các nguyên tắc căn bản về tính tình con người. Phải có thể đánh giá xác thực được thái độ của mỗi người, và biết giải thích hành động của họ một cách xác đáng. Phải biết phát triển khả năng tiên liệu được người khác có thể sẽ có hành động gì nhờ sự hiểu biết rõ về các nguyên tắc tâm lý của mình. Phải có thể nhận biết được một thái độ nào là bất thường, là không thích nghi hay có vẻ khả nghi. Mỗi khía cạnh của mỗi hành động của mọi người trên thực tế đều có một giới hạn khác nhau và điều tra viên phải biết nghi ngờ mọi hành động nào có vẻ đi quá giới hạn đó. Chẳng hạn như khi một nhân chứng cho biết quá tỉ mỉ về một điều nào đã xảy ra trong những điều kiện hay trường hợp mà sự quan sát của người ấy bị hạn chế thì có thể là người ấy đã bịa đặt thêm ra một cách vô tình hay hữu ý.

Vấn đề tâm lý có một phạm vi rất rộng. Trong bài này chúng tôi chỉ giới hạn để tài thảo luận vào một lãnh vực đặc biệt là sự tìm hiểu vài yếu tố tâm lý liên quan

VÀI VẤN ĐỀ

TÂM LÝ

trong

KHOA

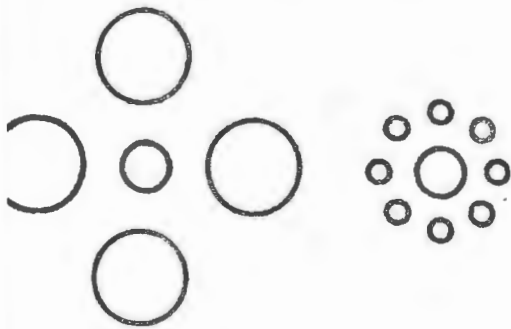
QUAN

SÁT

Sưu tầm của X. Y. Z.

đều những nhận xét về thị giác của một điều tra viên.

Chúng ta ai nấy đều biết rằng những sự vật thực ra có thể khác với con mắt ta nhìn thấy chúng. Ảo giác chính là những nhận thức sai lầm về thị giác của chúng ta. Để giải thích điều này, chúng tôi xin lấy thí dụ về hình thể của một vật được đề chung với các vật khác. Trong hình I, hai cái vòng tròn bị các vòng tròn khác bao vây rất bằng cỡ nhau nhưng khi nhìn vào, bạn sẽ thấy hình như cái to cái nhỏ. Đó chỉ vì những vòng tròn ở ngoài đã gây cho bạn có cái ảo giác như vậy.



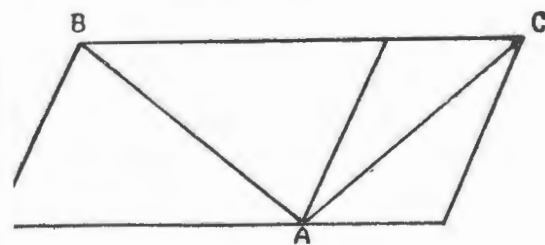
Hình I

Vị trí của một vật được ta quan sát cũng có ảnh hưởng đến sự nhận xét của ta về cỡ to nhỏ của vật ấy. Nguyên tắc Muller-Lyer (hình II) rất quen thuộc về khoa ảo giác đã cắt nghĩa điều đó. Theo nguyên tắc này thì trong hình II, nếu bạn bảo rằng hai dòng kẻ nằm ngang ở giữa không dài bằng nhau là bạn lầm to rồi.



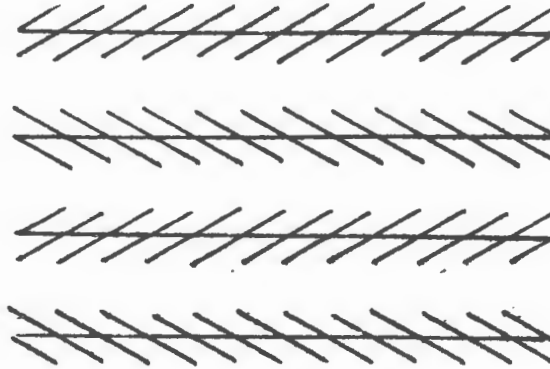
Hình II

Hình bình hành của Sander (hình III) cũng chứng tỏ một nguyên tắc đó. Những đường thẳng AB và AC dài bằng nhau đây chứ không phải là cái dài cái ngắn đâu bạn nhé.



Hình III

Lại nữa, cũng trong hình IV, ảo giác về góc độ của những đường kẻ song hành đã làm cho bạn tưởng lầm là những dòng kẻ nằm ngang ấy không song hành với nhau. Nhưng mời bạn hãy thử nhìn kỹ lại xem.



Hình IV

Cho nên sự tương quan giữa các đồ vật với nhau hay vị trí trong đó chúng ta nhìn thấy các đồ vật rất có ảnh hưởng đến nhận thức của ta về các đồ vật ấy. Điều này rất có ý nghĩa đối với các tai nạn lưu thông thường xảy ra. Hiện trạng của các vật trong con mắt nhìn của người lái xe có thể gây nên một ảo giác làm cho người lái xe có phản ứng lầm và gây ra đụng xe.

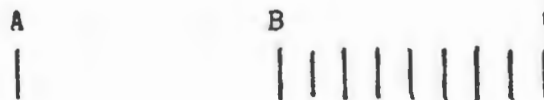
Những đường thẳng đứng trông cũng có vẻ dài hơn đường thẳng nằm ngang (hình V) và vì vậy nên những nhân chứng có khi đã ước lượng sai lầm về chiều cao và chiều rộng.



Hình V

Những quãng đường nào có cây cối hay nhà cửa trông đều có vẻ dài hơn là những quãng đường trông, tuy cả hai đều cùng một chiều dài như nhau.

Trong hình VI khoảng cách từ A tới B bằng từ B tới C, nhưng khoảng BC trông lại thành ra dài hơn chỉ vì có những vạch ngắn làm ngắt quãng.

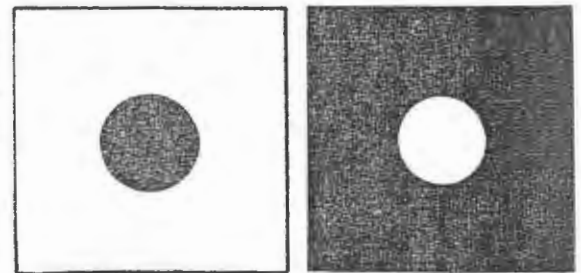


Hình VI

Như thế đủ chứng tỏ rằng một nhân chứng có thể sẽ ước lượng sai lầm về chiều dài của một con đường nếu là ở trong phố có những nhà cửa, cây cối hay xe đậu. v.v...

Một điểm quan trọng khác cần phải nhớ và được rút trong những điều trình bày trên đây là khi có nhiều người cùng ước lượng về một vật gì thì con số trung bình của những ước lượng đó thường đáng tin cậy hơn là của một người. Ví dụ ta có 6 nhân chứng cùng khai về một quãng đường dài 40 thước. Cả 6 người có thể có những ước

lượng khác nhau như 20, 40, 25, 50, 60 và 35 thước chẳng hạn. Tính trung bình thì ta sẽ có con số 38 thước 50 tức là gần đúng nhất với bề dài thực sự của con đường hơn là nếu chỉ nghe theo một người ước lượng.



Hình VII

Về màu sắc cũng vậy. Khi một vật có một màu sắc sáng sủa hơn thì bao giờ trông cũng có vẻ to lớn rộng rãi hơn là một vật cùng một cỡ nhưng có một màu sắc đen tối hơn. Xem hình VII các bạn sẽ thấy chiếc vòng tròn để trắng trông có vẻ lớn hơn hình tròn đánh đen, mặc dầu cả hai đều cùng một cỡ.

Trên đây là lược bày những sự sai lầm về thị giác. Các bạn chớ tưởng lầm rằng chỉ có thị giác mới có những sai lầm, mà thực ra chúng ta đều

(xem tiếp trang 48)



★ Phan Bắc-Hà

Liệt-Tử nghèo khổ, gia đình có hôm phải nhịn đói. Có người biết thế, tâu với vua Tử Dương nước Trịnh rằng : Liệt-Tử là một bậc hiền nhân tài giỏi, nay ở nước bệ hạ mà phải bữa cùng, thì hóa ra bệ hạ không biết quý chuộng những bậc hiền nhân quân tử sao ?

Vua Tử-Dương nghe nói phải, không cần suy nghĩ, sai quan đem đến biếu Liệt-Tử mấy mơi xe thóc gạo vãi vóc.

Liệt-Tử ra yết kiến sứ giả, vái hai vái, xin từ không nhận.

Sứ giả đi rồi, vợ Liệt-Tử bực tức tự đập đầu đâm ngực mà than rằng :

— Vợ con tiên sinh đói rét, nhà vua sai đem vãi thóc gạo cho tiên sinh mà không ép buộc một điều gì cả mà tiên sinh cũng không nhận : không biết cái số kiếp gì của vợ con tiên sinh mà cực khổ như thế này!

Liệt-Tử cười bảo vợ rằng :

— Vua không biết ta, chỉ nghe người nói lại mà sai đem vãi thóc gạo cho ta, thì tất cũng có thể nhà vua không biết ta, chỉ nghe người nói lại mà bắt tội ta. Vì muốn phớt đời hành động đó của nhà vua mà ta không nhận.

BẢN ÁN

VỢ

CHÀNG TRƯƠNG

NẾ U không có lời dẫn giải của Liệt-Tử thì đa số chúng ta đều cho hành động trên của vua Tử Dương là hành động sáng suốt đáng kính.

Nghiệm xét lời giải của Liệt-Tử, chúng ta, những người Cảnh-sát Công-an, càng thêm thấy rằng trước khi quyết định một việc gì cần phải cân nhắc cẩn thận.

Một hành động, một quyết định thiếu suy xét nhiều khi làm cho chúng ta ân hận suốt đời.

★

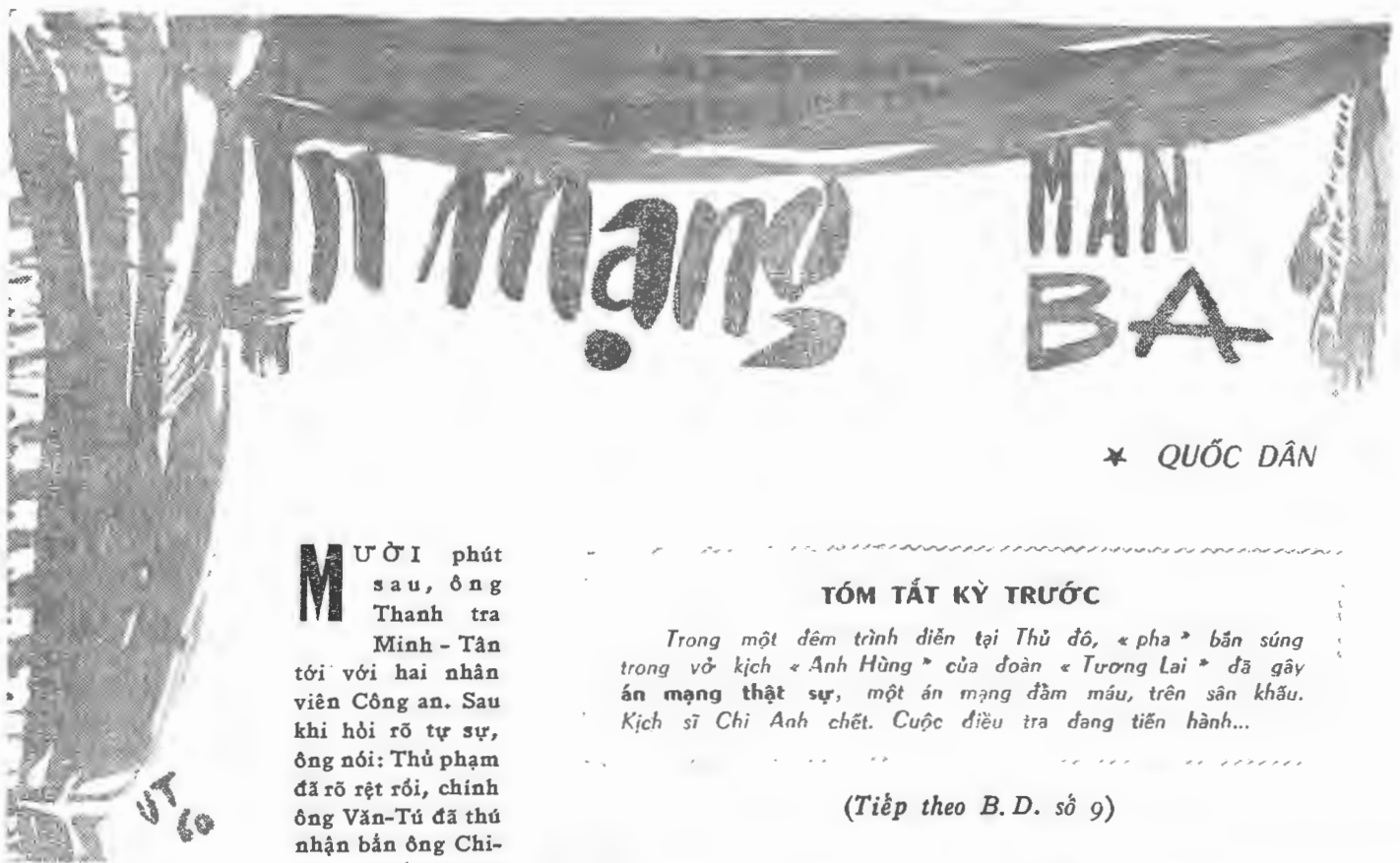
Chàng Trương vì một phút nóng nổi mà mất một người vợ hiền, để rồi phải lập đàn giải oan, mà niềm ân hận vẫn cứ canh cánh bên lòng, gây nên một trạng tình sử đầy nước mắt mà ai nghe đến cũng bùi ngùi thương tiếc :

Vào cuối đời nhà Trần, bao lần vua Chế Bồng Nga của Chiêm Thành dẫn binh lính vào đánh phá thành Thăng Long, giết người cướp của bắt đàn bà con gái, như vào chỗ không người. Mỗi lần Chế Bồng Nga đến là mỗi lần vua tôi nhà Trần bỏ kinh thành mà chạy.

Sau khi Chế Bồng Nga bị tướng Trần Khát Chân phục kích bắn tử thương, vua tôi nhà Trần mới quyết định tiến quân đến tận Đồi Bàn là kinh đô của Chiêm Thành chinh phạt để báo thù.

Bây giờ, theo kế hoạch của Hồ Quý Ly, tất cả các trai tráng khỏe mạnh phải sung vào bộ đội viễn chinh.

(xem tiếp trang 46)



★ QUỐC DÂN

MƯỜI phút sau, ông Thanh tra Minh - Tân tới với hai nhân viên Công an. Sau khi hỏi rõ tự sự, ông nói: Thủ phạm đã rõ rệt rồi, chính ông Văn-Tú đã thú nhận bắn ông Chi-Anh, và tất cả các ông ở đây đều thấy

rõ sự đó. Hơn nữa trên tám trăm khán giả là nhân chứng trong vụ này. Vậy thì không còn có gì uẩn khúc nữa. Tôi hạ lệnh bắt kẻ sát nhân. Tôi hỏi :

— Thưa ông Thanh tra, xin ông cho tôi biết rõ là ông nhất định bắt tôi hay sao.

— Tất nhiên rồi vì sự việc rõ ràng như ban ngày.

— Nhưng, thưa ông Thanh tra, thật là oan tôi quá. Việc ngắm bắn bằng súng chỉ là một hành động « kịch » trong một màn bị kịch, cũng như những buổi diễn khác. Tôi không hiểu sao trong súng lại có viên đạn thật mà đáng lý ra phải một viên đã tháo đầu đạn.

— Ông có nhận là đã giờ súng ngắm bắn Chi Anh không ?

— Dạ có, nhưng . . .

Ông Thanh tra ngắm nhìn tôi rồi nói với một giọng mơ màng :

Tôi không nói ông cố sát. Phần đông những bạn đồng nghiệp của ông đều cho rằng ông không cố ý

TÓM TẮT KỶ TRƯỚC

Trong một đêm trình diễn tại Thủ đô, « pha » bắn súng trong vở kịch « Anh Hùng » của đoàn « Tương Lai » đã gây án mạng thật sự, một án mạng đẫm máu, trên sân khấu. Kịch sĩ Chi Anh chết. Cuộc điều tra đang tiến hành...

(Tiếp theo B. D. số 9)

giết Chi Anh, trừ phi chính ông đã cho đạn thật vào súng.

— Thưa ông, không phải tôi; và lại tôi với Chi Anh không có gì hiểm khích cả.

— Đúng, nhưng viên đạn đó không phải dành cho Chi Anh mà cho Vi Hùng; ông đã chẳng nói cho tôi biết là cho đèn hết màn đầu, không một ai có cảm tưởng là Vi Hùng sẽ bỏ dở cuộc trình diễn vì quá say đó sao? Vậy thì có thể viên đạn đó đã được nạp sẵn trong súng trước khi Chi-Anh được lệnh thề Vi-Hùng và nếu Vi-Hùng vẫn tiếp tục thì chính Vi-Hùng sẽ là nạn nhân.

— Thưa ông, nếu tôi chủ tâm giết Vi-Hùng thì không bao giờ tôi lại để xảy ra vụ ẩu đã với anh ta để đèn nổi anh ta bị thề chân một cách bất ngờ.

— Lý luận của ông không vững chút nào cả — ông Thanh tra nhún vai trả lời — và tin rằng ngay đèn luật sư của ông cũng không đủ lý lẽ để bào chữa cho ông.

Tôi tức sôi lên, nhưng đành phải nhịn, miệng cảm như hèn trong khi

ông Thanh tra điều tra những người khác có mặt trên sân khấu lúc xảy ra án mạng.

Một lúc sau, nhân viên Sở Giáo Nghiệm đèn chụp hình án trường và y sĩ lý khán tới khám nghiệm tử thi Chi-Anh. Sau đó, chúng tôi vào với Vi-Hùng. Hoa Linh ngồi cạnh tôi. Tôi nhìn nàng, đoạn nhìn Lệ Hồng lúc đó đang cúi xuống nhìn mặt sân. Vi Hùng đứng đằng sau vợ, vẻ mặt trầm ngâm. Sau khi tỉnh rượu Vi-Hùng trở lại với dáng điệu đúng đắn thường nhật, và tôi đoán chừng Hùng đang suy nghĩ về việc vừa xảy ra. Có lẽ anh đã mừng thầm vì sự ngẫu nhiên đã cứu anh khỏi tử thần. Còn ông Thanh tra thì đang nghiêm nghị nhìn hết mọi người như dò xét. Đoạn ông bắt đầu hỏi Tư-Bê :

— Có phải chính anh có phận sự lắp đạn thuộc vào súng không ?

— Dạ phải — Tư-Bê trả lời giọng run run, lo sợ.

— Anh có xác nhận lời khai lúc này là anh cho viên đạn thuộc vào súng không ?

— Dạ, tôi xác nhận việc đó.

— Anh lấp đạn hồi 5 giờ 15 phút có phải không ?

— Dạ, phải.

— Sau đó anh có soát lại súng không ?

— Thưa không,

— Vậy thì trong khoảng 5 giờ 15 tới 11 giờ 40 đã có người lên vào phòng để đánh tráo đạn ?

— Tôi chắc phải là vậy mới xảy ra có sự này.

— Trong khoảng thời gian đó, khẩu súng để ở đâu ?

— Để trong ngăn kéo; khi màn chót sắp diễn thì ông Văn-Tú ở trong phòng một mình. Ông ta chỉ việc lấy súng ra và đút ngay vào túi.

Tư-Bê nhìn tôi rồi tiếp :

— Và mọi ngày, sau khi bề mặt, ông Văn-Tú lại trao cho tôi để chính tay tôi cắt vào ngăn kéo.

Ông Thanh Tra nhìn soạn giả Lôi Sinh đoạn hỏi :

— Ông làm gì ở đây chiều nay.

— Tôi theo dõi cuộc trình diễn vì đây là tác phẩm đầu tay của tôi được đem lên sân khấu. Việc xảy ra hôm nay làm tôi đau khổ vô cùng.

— Từ ba bốn tháng nay, ông vẫn theo dõi cuộc trình diễn như vậy sao ?

— Vâng, nhưng có một vài xuất tôi không đèn vì bận việc.

— Trưa nay ông có ở đây không ?

— Dạ có, nhưng tới 4 giờ thì tôi ra đi có việc.

— Ông trở lại hồi mấy giờ ?

— Vào khoảng 8 giờ 15.

— Khi trở lại ông không thấy gì khác thường sao ?

— Dạ, không.

Quay lại phía Hoa-Linh, ông Thanh-Tra hỏi :

— Nếu tôi không làm thì cô không phải là nhân viên trong đoàn.

— Dạ, đúng. Tôi tới đây hồi 8 giờ hơn để thảo luận với Văn-Tú một việc.

— Thề rồi cô ở lại luôn ?

— Vâng, vì tò mò tôi ở lại. Tôi muốn xem tài nghệ của Chi-Anh.

Vừa lúc đó thì một nhân viên Công-an vào. Ông Thanh Tra đưa mắt ra hiệu hỏi, người đó lắc đầu.

Ông Thanh-Tra giải thích :

— Người được đặt ở lối cửa ra vào của nghệ sĩ đoàn quyết rằng từ chập tôi không có ai lạ vào trong rạp cả, ngoại trừ những nghệ sĩ, ông Lôi-Sinh và cô Hoa-Linh.

Ông hỏi Ba Bê :

— Ông đợi ông Hòa-Tinh ?

— Ông bầu chắc cũng sắp tới. Tôi đã gọi ra tiệm ăn và được biết là ông ấy rời khỏi tiệm hồi 11 giờ. Tôi gọi về nhà, nhưng ông không có ở đó.

— Ông Hòa-Tinh có mặt tại rạp trưa nay phải không ?

— Dạ, ông ở rạp cho tới 5 giờ 30 thì đi.

Ông Thanh tra trầm ngâm, đoạn nhìn Lệ-Hồng và Vi-Hùng. Tôi có cảm tưởng rằng khi hỏi tới hai « cây gao cội » này của đoàn thì tất cả đời tư của chúng tôi sẽ bị phanh phui. Ông Thanh tra đã biết rằng Vi-Hùng nghi ngờ vợ đã phụ tình và đã nhờ một thám tử tư để theo dõi, tất nhiên ông cũng sẽ biết việc Lệ-Hồng tới nhà tôi vào những buổi trưa vừa qua. Như vậy, việc giao thiệp giữa chúng tôi sẽ được tán rộng ra trên mặt báo chí; si diện của chúng tôi còn gì nữa.

Ông Thanh tra hỏi Vi-Hùng :

— Tôi xin lỗi ông để hỏi lại ông câu này :

« Ông có chắc chắn là còn tiếp tục trình diễn được trước khi có lệnh thay thế không ? »

— Dạ, chắc chắn.

— Ông cũng vẫn chắc chắn không bị thay thế mặc dầu ông say rượu ?

— Thưa ông Thanh-tra, điều này rõ rệt vì hệt thấy anh chị em ở đây

đều biết là dù có quá chén tôi cũng vẫn hoàn tất mỹ mãn vai trò của tôi. Nếu tôi không bị cái khung ảnh làm say sất má thì tôi vẫn tiếp tục được như thường.

— Bây giờ ta nói tới việc đó. Ông cho biết tại sao ông lại đèn gây sự và đánh ông Văn-Tú ?

Tôi rút thuốc ra hút để che lấp sự ngượng ngập. Điều tôi lo sợ đã tới.

Vi-Hùng đáp :

— Thưa ông Thanh-tra, tôi cũng không còn nhớ việc xảy ra như thế nào và vì đâu nữa.

— Khi các ông gây sự ẩu đả, cả hai đều không để phòng cái khung ảnh có thể rớt hay sao ?

— Dạ, không.

Ông Thanh-tra thoáng nghĩ : « Nếu như vậy thì viên đạn được nạp vào súng trước khi đó chắc chắn là để dành tặng Vi-Hùng chứ không phải cho Chi-Anh ».

Ông hỏi tiếp :

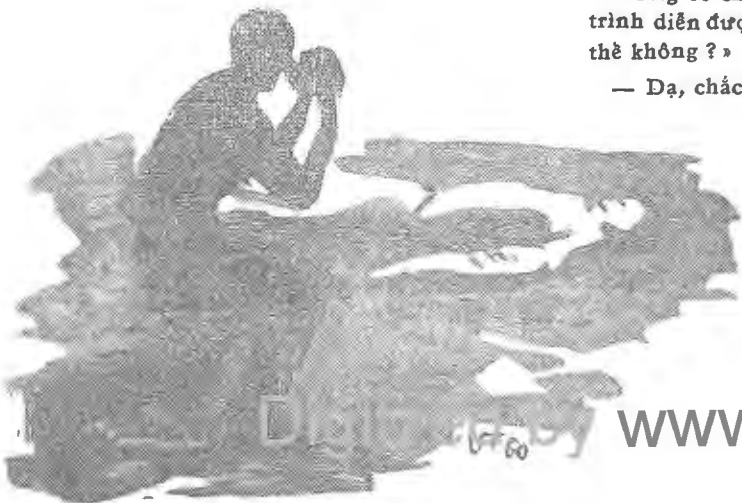
— Ông cho biết thêm rằng ông có ngờ cho ai ở đây có tư thù muốn giết ông không ?

— Thưa ông Thanh-tra, đó cũng là điều tôi đang tự hỏi. Tôi tự xét tôi không hề làm điều gì đèn nổi có một kẻ tử thù. Khi được tin việc đáng tiếc xảy ra mà Chi-Anh không may bị thiệt mạng, tôi vẫn không tin. Một đôi khi thấy tôi quá say và có những cử chỉ thiếu lễ độ thì ông Hòa-Tinh có tỏ vẻ khó chịu nhưng không đèn nổi ghét đèn phải giết tôi. Còn những người như ông quản lý hay bác lao công thì không có gì phiền tôi cả ; Như vậy chỉ còn Văn-Tú và Lệ-Hồng, vợ tôi. Theo ông, thì ông đã loại Văn-Tú trong danh sách thủ phạm và chính anh cũng đã khai rằng nếu anh muốn hại tôi thì anh không cần phải giết Chi-Anh. Còn vợ tôi thì...

Nói tới đây, Vi-Hùng ngừng, miệng mỉm cười, hai tay để lên vai Lệ-Hồng, dịu dàng hỏi : « Em ! em có thể ghét anh đèn độ muốn giết anh không ? »

Lệ-Hồng không buồn trả lời. Ngược mắt nhìn ông Thanh-tra, nàng nói :

— Thưa ông Thanh-tra, có lẽ chúng ta đã quên một điểm chính yếu : Chi-Anh chỉ bị giết vào khoảng 11 giờ. Ta giả thiết rằng có kẻ tìm cách tráo đạn để hại chúng tôi thì hẳn lại không đủ thì giờ để trả lại viên đạn thuốc



khi biết chống tôi không ra sân khấu được. Sao lại không có thể được như vậy, thưa ông Thanh-tra ?

Ông Thanh-tra :

— Cám ơn cô, tôi đã có nghĩ đến. Nhưng trong lúc đó không có ai ở trong phòng cả. Và lại theo sự xét đoán của tôi thì sự việc xảy ra như sau : khi kẻ kia đã tráo viên đạn rồi thì hẳn ta rời khỏi rạp và không có mặt luôn trong xuất hát chiều nay, vì thế hẳn không hay có sự thay đổi diễn viên.

Dựa theo lời xét đoán này, tất cả mọi người đều có cảm tưởng là ông Thanh-tra đã ám chỉ Hòa-Tinh. Thoạt tiên, tôi thấy giả thuyết đó mơ hồ quá. Trong đoàn, Hòa-Tinh là người rất hiền lành. Cũng có thể vì cao niên — ông ta năm nay 63 tuổi — mà đôi khi ông bần tính, nhưng tựu chung ông rất tốt. Và lại, ông không đại gì, trừ phi là điên, mà chủ mưu giết một kịch sĩ tên tuổi được liệt vào hạng « cây làm tiền » của đoàn.

Vừa lúc đó thì ông Hòa-Tinh tới. Mọi người báo tin không lành cho ông. Ông sừng sốt :

— Tại sao lại có xảy ra như thế ? Trời đất ơi ! Tại sao vậy ? Tại sao vậy ?

— Chúng tôi đang cố gắng tìm ra thủ phạm, — ông Thanh-tra trả lời —, tôi mong ông sẽ giúp đỡ chúng tôi để chống mang lại kết quả.

— Tôi giúp đỡ các ông ? Tất cả sự việc xảy ra thật quá đột ngột và quá sức tưởng tượng của tôi. Và lại tôi có biết gì đâu mà giúp.

— Cám ơn ông. Nhưng nếu có tin tức gì lạ xin ông cấp báo cho chúng tôi ngay.

— Dạ đó là bản phận của chúng tôi.

Ông Thanh-tra ra lệnh cho nhân viên về Ty và mời luôn Văn-Tú.

★

Tôi thứ hai, ông Hòa-Tinh mượn trạng sư bào chữa cho tôi. Sau khi hỏi tỉ mỉ những người có mặt trên sân khấu lúc xảy ra án mạng, trạng-sư đến gặp ông Thanh-tra. Mặc dù hồ sơ chưa kết thúc, ông Thanh-tra vẫn niềm nở tiếp trạng sư. Qua một hồi dẫn do cần nhắc, phân tách, ông Thanh-tra cho biết ý kiến sơ khởi như sau : « ông Văn-Tú chưa chắc đã là thủ phạm. Tôi có ý nghĩ ấy là

vì có thể là... trong lúc ông này làm phận sự của một diễn viên thì trong hành lang có một người khác đã dùng súng có đạn thật bắn ông Chi-Anh theo đúng động tác mà ông Văn-Tú thường lặp lại mỗi lần trình diễn ; do đó mà có thể hai tiếng súng cùng nổ một lúc nên không ai để ý. Từ ba tháng nay, mỗi tuần tám lần, ông Văn-Tú phải bắn « kẻ thù » ở màn thứ ba. Công việc đó đã trở thành thói quen thì làm sao ông ấy có thể linh cảm trong đêm xảy ra tai nạn là đạn ở súng là đạn thật được ? »

Hai giờ chiều hôm đó tôi được tự do ra về và chính ông Hòa-Tinh và ông Lôi-Sinh đưa xe tới đón tôi.

— Ông Văn Tú ạ ! Thật là khủng khiếp, và hiện giờ tôi không biết chúng ta phải làm thế nào ?

Ông Lôi-Sinh nói lời :

— Có một vài chi tiết trong vụ án mạng vượt quá quyền hạn của nhà chức trách. Tỉ dụ như hiện nay Chi-Anh còn mẹ già và người em gái nhỏ phải cấp dưỡng, vì thế ngay sau khi xảy ra tai nạn, tôi đã gửi một số tiền đến giúp đỡ rồi, nhưng tôi nghĩ vẫn chưa đủ. Ta cần phải diễn vài buổi lấy tiền giúp họ thêm để an ủi họ.

Tôi nhìn ông ngạc nhiên :

— Như thế có nghĩa là ông vẫn tiếp tục diễn vở « Anh Hùng » ?

— Dĩ nhiên. Tại sao ta lại phải bỏ chứ ?

Ông bầu nhìn tôi e ngại :

— Ông Văn Tú-à, ông định bỏ chúng tôi hay sao ?

— Sau cái chết của Chi-Anh, tôi bần loạn tinh thần, do đó vai trò của tôi sẽ không còn tự nhiên nữa. Bây giờ cứ mỗi lần tôi phải giờ súng ngắm bắn Vi-Hùng là tôi sẽ lại sợ hãi vì hình ảnh cái chết của Chi-Anh sẽ mãi mãi in sâu trong trí óc tôi. Trời ơi ! Tôi làm sao quên được cái giây phút hãi hùng ấy.

— Thật là lạ lùng. Tôi không tin rằng chúng ta sẽ không có kết quả. Không, ông Văn Tú-à, chúng ta phải tiếp tục. Hơn nữa nhà chức trách cũng muốn chúng ta tiếp tục, ông-à.

— Tại sao vậy ? Sự tiếp tục của chúng ta có lợi gì cho nhà chức trách ?

— Công việc của nhà chức trách sẽ được dễ dàng nếu chúng ta vẫn

tiếp tục. Muốn giúp họ thành công để chống lỗi thủ phạm ra ánh sáng thì chúng ta đừng phân tán. Bản phận của ông là phải ở lại cộng tác với chúng tôi. Tôi đã thảo luận với Vi Hùng và Lê-Hồng và cả hai cùng đồng ý như vậy.

Tôi suy nghĩ một lúc và nhận lời.

— Còn một điều này nữa, — ông bầu nói, — tôi mong ông đừng phật ý, tôi thành thực khuyên ông về việc có Lê-Hồng...

Nghe tới đó, tự nhiên tôi sụ mặt Ông bầu tiếp :

— Ông đừng cho là tôi trách ông. Có Lê-Hồng đẹp lắm. Nếu tôi còn trẻ thì nhất định tôi cũng bị quyến rũ vì sắc đẹp mê hồn của cô ta. Nhưng dù sao, vì quyền lợi của ông tôi cũng khuyên ông nên đối xử với họ một cách biệt điều hơn.

— Tại sao ông lại có ý nghĩ như thế ?

— Vì Vi-Hùng nói với tôi...

— Vì Hùng đã nói gì ?

— Ông nên nhớ rằng, sau khi xảy ra án mạng, nhà chức trách đã ráo riết điều tra nên cũng đã biết rõ mọi uẩn khúc.

— Như vậy thì hồ sơ về tôi, đã đầy đủ mọi chi tiết ? Nhưng ông Hòa-Tinh-à, ông đừng quan tâm đến việc đó. Tôi giao thiệp thân mật với Lê-Hồng chỉ vì cảm tình và vì biết Lê-Hồng không có hạnh phúc, thế thôi. Trước khi tôi lui thân mật với tôi, Lê-Hồng đã cương quyết ly dị Vi-Hùng rồi.

— Có, tôi có biết. Chính nàng cũng đã tâm sự với Lôi-Sinh cũng giọng điệu đó. Như thế ông đủ rõ ông không phải là người đầu tiên và độc nhất được nàng thổ lộ tâm can và tỏ ra thân mật.

Tôi ngạc nhiên nhìn ông bầu trong khi ông tiếp :

— Chỉ khác ông là Lôi-Sinh không điên. Có phải hẳn sợ Vi-Hùng không ? Tôi không chắc, nhưng hẳn đứng đắn lại sáng suốt nên không bị cạm bẫy. Văn Tú-à, tôi nói thật, Lê-Hồng là người đàn bà lẳng mạn, quá tự do phóng túng. Một đôi khi tôi tự hỏi không biết Chi-Anh có... ; ông không nên quá thân mật, e có ngày...

— Ông Hòa-Tinh ! Kẻ nào nói cái giọng đó trước mặt tôi thì tôi đã cho



hắn một bài học rồi. Riêng với ông, tôi kính trọng vì tuổi tác, xin ông đừng nói nữa.

Ông Hòa-Tinh mỉm cười :

— Thật là may cho tôi quá ! Việc ông nề tôi là một điều hay, tỏ ra ông muốn « kính lão đắc thọ ».

Xe đã tới nhà. Tôi bắt tay cảm ơn ông Hòa-Tinh. Vào nhà, chưa kịp thay đồ thì tiếng chuông điện thoại đã réo vang.

— Văn Tú đó hả ? — Tiếng Lê-Hồng hỏi.

— Anh đây Lê-Hồng.

— Em vừa đến Sở Công-an thì được biết anh đã được tự do. Anh Văn Tú à, — nàng ngập ngừng một chút, — hiện giờ em ở khách sạn Bùng-Binh. Em đã từ giả Vi-Hùng từ chiều hôm qua.

Câu đó có hiệu lực như một liều thuốc hồi sinh khiến tôi khoan khoái lạ thường. Nhưng chỉ một thoáng, tôi lại có một cảm nghĩ trái ngược.

Nàng tiếp :

— Anh có thể đến với em được không.

— Được chứ. Để anh tắm rửa, thay quần áo đã nhé.

— Anh ạ ! Em không thể làm khác hơn được. Vi-Hùng đã kể cho ông Thanh tra biết sự giao thiệp thân mật giữa em với anh. Cũng vì thế mà em không thể chịu đựng hẳn được nữa.

— Như thế là xâm phạm đến danh dự và lòng tự ái của em ! nhưng em

nên suy nghĩ lại. Thôi nhé, trong một tiếng nữa là anh tới.

Tuy nói vậy mà tôi cũng không vội vàng. Tôi ngồi phịch xuống ghế và cảm thấy mệt hơn lúc nào hết. Nhiều ý tưởng trái ngược quay lộn trong đầu óc tôi: « Mày đã giết một người bằng một viên đạn xuyên qua tim. Hình ảnh một người hiền lành như Chi Anh bị chết bởi tay mày sẽ còn theo dõi mày mãi mãi ».

Tôi rùng mình : « liệu tôi có đủ can đảm để tiếp

diễn hành động giờ súng bắn người tám lần trong một tuần lễ nữa hay không ? Hành động « kịch » này sẽ làm xáo động lòng tôi mà mục đích chỉ là phụng sự quyền lợi Hòa-Tinh và giúp nhà chức trách mà thôi.

Tiếng chuông điện thoại lại kêu :

— Chào anh Văn-Tú. Ông Hòa-Tinh vừa cho tôi hay là anh đã được về. Tôi gọi anh để tỏ sự vui mừng của tôi và mong rằng việc vừa qua trôi với anh không đến nỗi quá cực khổ.

Đó là giọng của cô Hoa-Linh. Từ hai ngày nay, hình ảnh viên đạn cỡ 6,35 ly nằm trong cái lồng của cô ta vẫn làm bận trí tôi.

— Cô Hoa-Linh à ! Nghe cô gọi, tôi mừng lắm. Cô có thể đến tôi ngay bây giờ được không ?

Nàng ngập ngừng một chút rồi để nghị ngược lại. Nàng mời tôi tới bàn giấy của nàng :

— Công việc tôi đang bế bộn, anh Văn-Tú ạ.

— Việc mà tôi định nói với cô không thể trình bày ở bàn giấy được.

— Vậy thì tôi sẽ tới nhà anh.

Khi Hoa-Linh tới, việc đầu tiên của tôi là để ý đến cái lồng nàng cầm ở tay ; nhưng cái lồng này lại là cái khác.

— Cô Hoa-Linh ạ, Tôi thú thực với cô rằng sự hiện diện của cô hôm nay tràn trề tinh thần tôi rất nhiều.

— Anh khéo nói quá. Xin cảm ơn anh. Riêng tôi, tôi nghĩ trong mấy ngày qua, tôi đã làm anh buồn.

— Mấy ngày qua là chuyện khác.

— Anh có thể cho biết tại sao anh lại muốn gặp tôi ngày hôm nay ?

— Cô Hoa-Linh, chúng ta nên nói thật với nhau thì hơn. Tôi nóng lòng muốn biết tại sao hôm đó trong lồng của cô lại có cái vỏ đạn.

Câu hỏi đột ngột của tôi làm cho bầu không khí trở nên căng thẳng.

— Tại sao anh biết ?

— Tình cờ thôi.

— Và... anh không nói gì với ông Thanh-tra, tại sao vậy ?

— Tại vì tôi không muốn cô bị dính líu vào chuyện đó.

Nàng từ từ đứng dậy và chậm rãi nói :

— Anh không muốn tôi dính líu vào câu chuyện ? Vậy mà viên đạn đó có thể là viên đạn mà kẻ sát nhân đã lấy ra để thay vào súng một viên đạn thật.

— Nhưng tại sao cô lại có viên đạn đó trong lồng chiếu thứ bảy ?

— Có gì lạ đâu. Chiều hôm đó, trước khi mọi người hội họp ở chỗ Vi Hùng thì tôi đã tọc mạch hỏi Ông Thanh tra xem có cách nào để kiếm được cái hiệu đã bán cho một người trong rạp viên đạn cỡ 6,35 ly. Ông Thanh tra chỉ mỉm cười. Tuy vậy tôi vẫn cố gắng tự điều tra. Sau rốt tôi đã khám phá ra viên đạn thuộc ở dưới học tù của Tư-Bê. Sáng nay tôi đã chạy khắp các hiệu để kiếm cái hiệu....

— Cô Hoa-Linh, việc làm của cô an ủi tôi rất nhiều.

— Sau khi hỏi vợ chồng Vi Hùng suốt một ngày trời Ông Thanh tra đã tới nhà tôi.

— Chắc ông đã có ý kiến về vụ án mạng. Theo ông thì ai đã lắp viên đạn thật vào súng ?

— Ai à ? Chính anh chứ còn ai vào đó nữa ?

— Tôi ?

— Ông Thanh tra không còn lạ gì việc đan diu của anh và Lê Hồng. Vi Hùng phản đối việc ly dị và vì thế mà anh tìm cách để loại trừ hẳn để đem lại tự do cho người yêu và... cho anh.

— Tôi đan diu với Lê Hồng à ? Tôi yêu Lê Hồng à ? Không ! giữa tôi và Lê Hồng chỉ có tình bạn thân mật

thời. Nhưng tôi đã nói với ông Thanh tra là tôi không có lợi gì mà giết Chi Anh.

— Anh giết Chi Anh vì lý do khác. Anh căm thù Chi Anh cũng như căm thù Vi Hùng vì Chi Anh đã thân mật với Lê Hồng. Anh có bao giờ nghĩ như vậy không ?

— Không, tôi không tin. Chính ông Hòa Tinh sáng nay cũng cho tôi biết về tư cách của Lê Hồng, nhưng tôi không tin. Mà đầu Chi Anh có danh dít thật với Lê Hồng đi nữa cũng không ăn thua gì đến tôi kia mà !

— Ông Thanh tra đã cho tôi xem hồ sơ của anh do thám tử tư của Vi Hùng đệ trình và anh nên tin rằng anh hoàn toàn bất lợi trong vụ này. Anh có biết chiêu thứ bảy đó Lê Hồng đi đâu không ? Đến nhà Chi Anh.

— Theo cô thì ai là thủ phạm ?

— Tôi không biết.

— Cô không có một giả thuyết nào à ?

— Có, nhiều lắm, nhưng những giả thuyết đó đều bất lợi cho anh, người mà tôi có cảm tình ; vì thế mà tôi khổ tâm vô cùng.

Giữa lúc đó, tiếng chuông ngoài cửa réo. Tôi ra mở cửa trong lúc Hoa Linh đoán : « có lẽ ông Thanh tra tới vì ông muốn nói chuyện riêng với anh ».

Nhưng nàng lẩm. Tôi ra mở cửa, thì thấy Vi Hùng đang đứng chờ. Vi Hùng đứng im trước cửa, tay cầm mũ. Chúng tôi nhìn nhau một lúc lâu không ai nói với ai. Về mặt Vi Hùng có đầy sát khí. Tôi nói.

— Nếu có phải anh định đánh tôi thì xin cứ tự tiện, chúng ta giải quyết với nhau một lần chót cho xong.

— Không. Tôi chỉ muốn nói với anh một câu thôi.

Vi Hùng vào. Trông thầy Hoa Linh hẳn ta chào. Hẳn ta lưu Hoa Linh ở lại khi thầy nàng đứng dậy cáo từ ra về : « Cô cứ ở lại. Từ giờ trở đi tôi không còn có gì bí mật cả ». Đoạn Vi Hùng nói với tôi.

— Văn Tú, tôi sẽ thành thật trong câu chuyện sắp sửa nói với anh. Anh đã biết rằng tôi không có tình xen vào câu chuyện của người khác.

— Anh muốn gì, xin cho biết.

— Anh có muốn lấy Lê Hồng không ?

Câu hỏi của Vi Hùng không khác chi một quả dấm thối sơn giáng vào mặt tôi. Anh tiếp :

Nếu anh muốn, tôi sẽ nhường. Nhưng ngược lại nếu một hai người có ý định làm trò hề thì....

— Thì sao ?

Vi Hùng nhún vai :

Tôi không nói trước được. Nhưng nếu như vậy thì tốt hơn tôi sẽ đem Lê Hồng về nhà.

Lời nói của Vi Hùng khiến tôi thương hại vô cùng, nhưng đồng thời cũng pha lẫn khinh rẻ vì tôi thấy ở Vi Hùng một sự ghen tương vô lối, mù quáng, không hiểu rõ lối giao thiệp tự do, lãng mạng của vợ mà lại nghĩ vợ không chung tình để đến nỗi hạnh phúc gia đình bị rạn rức.

— Tôi cũng sẽ trả lời thành thật cho anh biết. Tôi không bao giờ có ý nghĩ như anh tưởng.

(Xem tiếp trang 56)

Bản án vợ Chàng Trương

(Tiếp theo trang 41)

Thuở ấy, tại làng Nam Xương thuộc tỉnh Hà-Nam có một đôi vợ chồng trẻ cưới nhau được 6 tháng. Chàng không biết họ gì, 21 tuổi, người ta thường gọi là chàng Trương, chỉ còn một mẹ già ; nàng là Vũ thị-Thiết, 18 tuổi một người có nhan sắc. Cũng vì nàng có nhan sắc mà chàng thường lo sợ vẩn vơ.

Theo lệnh vua, chàng Trương phải đầu quân.

Dù hương lửa đương nồng, không muốn cách nhau nửa bước, mà vì phép công nghiêm ngặt nên chàng cũng phải gạt lệ lên đường trả nợ núi sông.

Không bút mực nào tả cho xiết cái cảnh lâm ly quyến luyến trong giờ phút chia tay, khi chàng đã hàng ngũ chỉnh tề, sắp sửa cất bước theo nhịp trống quân hành :

Sứ trời sớm giục đường mây
Phép công là trọng, niềm tây sá nào
Đường giông ruổi lừng đeo cung tiễn
Buổi tiễn đưa lòng luyến thê noa
Bóng cờ tiêng trông xa xa
Sầu lên ngọn đài, oán ra cửa phòng

.....
Khi ấy nàng vừa có thai được ba tháng.

Nhìn theo cho đến khi bóng đoàn quân viễn chinh phục hận khuất sau dãy đồi núi chập trùng nàng mới sững sờ trở về nhà để rồi chiếc bóng lẻ loi, đêm ngày tháng mà lo âu cho người ngoài sương gió :

Quân đưa chàng ruổi lên đường
Liễu dương biết thiệp đoạn trường này chăng ?
Tiêng địch thổi nghe chừng đồng vọng
Hàng cờ bay trông bóng phất phơ
Dâu chàng theo lớp mây đưa
Thiếp nhìn rặng núi ngân ngoi nổi nhà

.....
Ngày tháng trôi qua, nàng hạ sinh được một trai, đặt tên là Đản.

Kể từ ngày có thằng bé Đản nàng cũng bớt được phần nào cô quạnh.

Ngày tháng cứ nặng nề trôi qua, trôi qua mãi, cho đến khi thằng bé Đản biết nói. Một hôm nó hỏi nàng :

— Tại sao thằng cu Tý, cu Tẹo có ba mà con không có ba ?

Khi ấy là ban đêm, nàng mới chỉ cái bóng mình in trên vách mà nói dối con :

— Ba con kia kia.

Từ đó nàng thường chỉ cái bóng giỡn với con, thằng bé Đản cũng in trí cái bóng đó là ba nó, và đêm đến ba nó mới về.

★

THỜI gian chia cách đã được hai năm, hai năm lo âu chờ đợi. Mẹ chàng Trương phần tuổi già, phần nhớ con nên đã từ trần cách đây mấy tháng ; bấy giờ trong nhà chỉ còn nàng và bé Đản.

Hôm nay trời chưa sáng đã có tiếng loa vang : Đoàn quân viễn chinh chiến thắng sắp sửa trở về.

Nghe tiếng loa vang, nàng hối hả bế con theo đám dân làng ra tận cổng đón đoàn quân trở về mà nửa mừng, nửa sợ. Mừng vì sắp được đoàn tụ cho bố nỗi nhớ nhung xa cách, sợ vì không biết chàng có được bình yên mà trở về hay không.

Khi đoàn quân về đến cổng làng, chàng nhận được nàng ngay.

Nửa mừng, nửa tủi, không biết bao nhiêu chuyện phải nói cùng nhau. Nàng thì kể cho chàng nghe nỗi nhớ nhung xa cách, chàng thì kể cho nàng nghe những nỗi nguy hiểm gian truân trên đường chinh phạt.

Mãi nói chuyện, khi về đến nhà nàng mới nhớ là sáng đến giờ chàng chưa ăn gì, đưa bé Đản cho chàng ăn, vội vàng chạy ra chợ mua thức ăn.

Khi nàng đi rồi, chàng hôn con và hỏi :

— Sao bé Đản không hôn ba ?

Bé Đản trả lời :

— Ông không phải ba tôi.

— Đừng nói bậy, ba là ba của con đây, mấy lúc rồi ba mắc đi đánh giặc, bữa nay mới về.



— Không ! không ! Ông không phải ba tôi, ba tôi tối mới đến.

Nghe con nói thế chàng bắt đầu nghi lòng chung thủy của vợ, hỏi :

— Con nói sao ?

— Ba con tối mới đến.

— Có thật không ?

— Thật chứ, ba tôi tối nào cũng đến cả ; hồi nào gần đi ngủ, tôi và mẹ và ba cũng có đùa giỡn vui lắm.

Máu ghen dâng lên tận cổ. Trời đất như quay cuồng, như sụp đổ trước mắt chàng. Chàng nguyên rủa không tiếc lời con người một mặt hai lòng, con người mà mấy lâu nay chàng thương nhớ. Chàng đi đi, lại lại trong nhà như con hổ điên, bé Đản thấy thế cũng nín thin thít.

Nàng đang vui vẻ mang thức ăn về thì bị chàng tấn công ngay bằng những câu nhử móc thậm tệ. Nàng bỡ ngỡ, rồi nàng hỏi chàng ai là người đã nói câu chuyện ác nghiệt đó với chàng. Chàng thì cứ luôn mồm chưởi mắng đánh đập ; nàng lạy lục van xin chàng nói rõ ngọn ngành, chàng cũng không nói. Hàng xóm hiểu kỳ chạy đến xem đông kín, người nói vào, kẻ nói ra.

Cuối cùng được một lão già đến can ngăn, chàng mới dừng tay đánh đập.

Tưởng là bao năm chờ đợi, bây giờ đã đến lúc sống hạnh phúc bên nhau cho đến mãn đời !

Nàng thăm oán trách ai đã gieo điều ác nghiệt, oán trách ông tạo khéo đa đoan !

Nỗi oan khiên này biết tỏ cùng ai !

Một ý nghĩ chợt hiện ra trong trí. Nàng lau nước mắt, bình tĩnh đứng dậy, bế con ghì chặt vào lòng hôn, lắc đầu chán nản rồi đặt con xuống, đi ra phía bờ sông Hoàng Giang ; thừa lúc không ai để ý, nàng gieo mình xuống dòng sông tự tử.

Có người thấy tri hô lên, chàng Trương và hàng xóm liền tổ chức ngay cuộc tìm kiếm cứu cấp, nhưng vô hiệu. Xác nàng đã theo dòng nước bạc trôi đến tận đầu, cũng như nỗi oan khiên của nàng, không ai biết đến.

Chàng Trương có ngờ đâu, ngày về chiến thắng vinh quang của chàng, cái ngày mà bấy lâu chàng hằng mong đợi, lại là ngày tan tác của gia đình.

BÓNG đêm buông xuống dần, căn nhà nhỏ lại càng thêm tẻ lạnh chàng lên đèn để xua đuổi cái màn đen tối tang tóc đang bao phủ căn nhà, thì bỗng bé Đản mừng rỡ chỉ cái bóng của chàng chập chờn trên vách reo lên: «kìa cha tôi đã đến kìa kìa».

Một lần nữa, trời đất như quay cuồng sập đổ trước mắt chàng. Chàng đã hiểu tất cả sự thật phủ phàng, hiểu nỗi oan khiên của vợ. Chàng kêu khóc thảm thiết, một hai đôi giec mình xuống dòng sông chết theo nàng cho vẹn tình vẹn nghĩa.

Hàng xóm khuyên can mãi chàng mới nguôi, và để giải oan cho người bạc phước, chàng đã mời thầy về lập đàn cầu nguyện suốt 3 ngày 3 đêm liền tại bờ sông, nơi vợ chàng đã giec mình tự vận.

Dân làng cũng kẻ ít người nhiều, góp nhau xây một ngôi miếu tại đó để thờ nàng, mà cho mãi đến sau, quanh năm vẫn khói nhang nghi ngút.

Không biết oan hồn của vợ chàng Trương có được ngậm cười nơi chín suối? Còn ở dương thế thì thiên tình sử này đã làm cho bao con tim-se lại. Mãi về sau, vua Lê Thánh Tôn khi đi ngang qua đó cũng bùi ngùi cảm động, thương cho ai mà giận cho ai qua mấy vần thơ:

Nghi ngút đầu ghềnh tỏa khói hương.

Miêu ai như miêu vợ chàng Trương.

Ngon đèn dầu tắt đừng nghe trẻ,

Làng nước chỉ cho lụy đèn nàng.

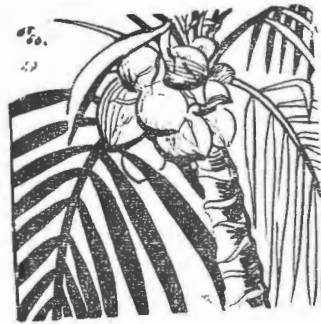
Chứng tỏ có đôi vầng nhật nguyệt,

Giải oan chỉ mượn đèn đàn tràng.

Qua đây mới biết nguồn cơn ấy,

Dám trách chàng Trương khá phũ phàng.

PHAN BẮC-HÀ



có những sự lăm lăm khi nghe thầy các tiếng động, khi ngửi các mùi vị, khi sờ mó các đồ vật hoặc khi phải ước lượng về thì giờ v. v... Thời gian mà chúng ta bận rộn vào một công việc theo dõi lý thú một kẻ phạm pháp so với thời gian mà ta đứng đợi xếp hàng để lấy vé vào xem hát khác nhau rất nhiều. Ngay cả những lúc bình thường, phần nhiều chúng ta có ai thấy gì khác lạ nếu có một người đi ở ngoài phố, trong đám đông, với chiếc áo mưa khoác trên cánh tay và một cuốn sách cầm nơi tay đi đường đứng lăm lăm một người khác? Nhưng trong con mắt của một nhân viên cảnh sát lão luyện có kinh nghiệm, thì đó có thể là một tên bộm móc túi đang hành nghề đây.

Muốn cho một người quan sát và nhận thấy một vật hay một tình trạng nào thì vật ấy hay tình trạng ấy phải thu hút sự chú ý của người ấy. Nói rộng ra thì đây là một vấn đề lựa chọn: Chúng ta lựa chọn những vật mà ta lưu ý tới. Nói một cách khác nữa thì ta hay lưu ý đến vật nào ta thích, và vì mỗi người có một ý thích khác nhau nên quan sát khác nhau dầu rằng họ đứng ở cùng một nơi. Cho nên sự hỏi han cẩn thận nhiều nhân chứng khác nhau thường hay khám phá được nhiều điều nhận xét khác nhau của họ. Người thì nhận xét tỉ mỉ về giọng nói, người thì nhận xét về xe hơi v.v.

Ngoài ra lại còn vấn đề thời gian ta lưu ý đến một vật nữa. Không có thể lúc nào cũng lưu ý đến tất cả mọi vật ở quanh mình được. Không ai có thể ghi lại và nhớ được tất cả mọi sự xảy ra. Hơn nữa sự chú ý của ta luôn luôn nhảy từ vật này sang vật khác và do đó có nhiều sự vật bị bỏ sót. Sự nhận xét càng thoáng qua bao nhiêu thì lời thuật lại càng không thể tin chắc được bấy nhiêu.

Một điều tra viên được huấn luyện

Vấn đề tâm lý...

(Tiếp theo trang 40)

kỹ lưỡng hiểu rằng sự nhận xét của một người phải đi đôi với sức nhìn xác thực tới bao nhiêu của họ, vì rất có thể có những sự nhận thức lầm vì:

- 1) Một sự kích thích bất thường nào của ngoại vật.
- 2) sự bận rộn trước đó và do đó không chú ý đến sự vật chính xảy ra.
- 3) Người chứng có tật về các giác quan của họ.
- 4) Người chứng có thói quen và nhận xét theo thói quen của họ.
- 5) Người chứng có thành kiến sẵn.
- 6) Người chứng không có kinh nghiệm về sự vật quan sát.
- 7) Người chứng không quan sát các chi tiết vì không thích hay vì lý do nào khác.

Trong dân chúng, rất ít người được hiểu rõ về khoa quan sát. Các điều tra viên phải biết rằng đôi khi các sự ước lượng của nhân chứng về khoảng cách, về chiều cao, sức nặng, thời gian v.v... chỉ là sự đoán phỏng và thường không đúng. Nhưng một khi đã biết các điều đó rồi và lại biết cách đặt câu hỏi khéo léo thì điều tra viên có thể đi sát được với sự thực. Như thế nghĩa là điều tra viên phải biết cách đặt những câu hỏi của mình làm sao để cho nhân chứng trả lời được xác thực với những gì đã nhìn thấy. Sau đó sẽ hỏi kỹ tới những trường hợp hay tình trạng mà họ quan sát được. Nên tránh những câu hỏi có tính cách nhắc nhở hay giúp thêm ý kiến cho người chứng. Ví dụ như đáng lý hỏi «tên cướp có súng không» thì nên đặt câu hỏi như: «Người ấy có cầm gì ở tay?» v.v..

Điều quan trọng trong công việc của điều tra viên là phải biết nhận xét người chứng thuộc hạng nào, biết đánh giá những lời cung khai của họ, biết lợi dụng những ưu khuyết điểm của họ nữa. Mục đích tối hậu là để tìm ra sự thực, và điểm lăm lăm có thể có như vừa trình bày ở trên sẽ giúp cho điều tra viên đạt tới mục đích dễ dàng.

X. Y. Z.

Theo Nguyệt san của
Sở Công-An Liên Bang Mỹ
tháng 11-1959

Điện báo Đức Quốc-xã...

(Tiếp theo trang 27)

rồi gửi qua các Sứ quán Đức đưa về hay đánh điện tin mật về cơ quan. Các văn thư mật lệnh liên lạc trao đổi của Hamburg được thu nhỏ, từ một trang giấy thành một dấu chấm câu, bé hơn đầu cây kim gút. Mật văn đó được diêm nhẹ lên một trang giấy vô nghĩa là gián điệp Đức có thể di chuyển tài liệu ngay trước mắt các nhân viên công lực và gián điệp đối phương mà không chút trở ngại.

Vi có ai biết đâu mà khám, có ai dám tin rằng về kỹ thuật ống kính máy hình Đức đã tiến tới một bước kinh khủng đến độ có thể làm được việc đồng trời như thế!

Điều này các tổ chức Tình báo phản gián Đồng minh phải hết sức kinh ngạc và thần phục cho đó là một việc khéo léo nhất trong chiến tranh gián điệp vừa qua, sau khi đã nhìn tài liệu ấy tận mắt.

Khi được biết như vậy, những Sở phản gián Đồng minh liền chỉ thị cho các Điện viên của mình phải điều tra và cố đoạt bằng được tài liệu đó bằng bất cứ giá nào, hầu chạy thi với địch trong lãnh vực này.

Sở phản gián Mỹ cũng phái nhân viên lọt vào tổ chức địch và được đưa vào huấn luyện tại trường đào tạo Gián điệp Klopstock ở Hamburg và được Bác sĩ Giám đốc Hugo Sebold giải thích về loại máy hình tối tân và những công dụng của nó, sau đó được xem cách phóng đại mật văn để ghi chép chỉ thị. «Gián điệp hàng đôi» đó chỉ biết được có thể, chứ không biết gì hơn nữa.

Những máy đó chỉ do các chuyên viên kiêm điệp viên tía cần sử dụng tại cơ quan và một vài nơi thật an toàn khác mà thôi.

Các gián điệp Đức hoạt động ở Bắc, Trung và Nam Mỹ có mục đích báo cáo về mọi sự sản xuất các loại vũ khí mới của Mỹ, sự viện trợ quân trang, quân dụng, vũ khí cho các nước Đồng minh, các căn cứ quân sự, các sự di chuyển binh lực về thủy lục, không quân v.v..., cũng thường nhận được những tài liệu này.

Thế rồi một gián điệp đôi của sở phản gián Mỹ lấy được tài liệu mật lệnh đó của Bộ chỉ huy Điện báo Đức gửi cho các điệp viên hoạt động tại Mỹ, trao cho sở phản gián Mỹ khai thác. Không chậm trễ một giây, Sở phản gián Mỹ lập tức đem phóng đại một trăm lần, tài liệu nhỏ hơn kim gút cứ to mãi ra cho tới



khí dưới ống kính hiển vi (microscopa), Sở phản gián đọc được Mật lệnh sau :

« Có nhiều triệu chứng xác nhận công việc chế tạo «bằng nguyên tử năng đang được tiến hành tại Mỹ. Xin điều tra về những cuộc thí nghiệm nguyên tử đó nhất là về :

« 1.— Những cách thức di chuyển vào Mỹ các chất « Uranium nặng bằng cách nào?

« 2.— Những cuộc thí nghiệm Uranium diễn ra ở « đâu? trong các trường đại học, các xưởng kỹ « nghệ, các phòng thí nghiệm v.v.?

« 3.— Những nguyên liệu thiên nhiên nào đang « được sử dụng vào các cuộc thử vũ khí đó?

Sở Tình báo phản gián Mỹ xem xong cũng toát mồ hôi lạnh. Té ra đối phương đã dò xét được công cuộc thí nghiệm chế tạo vũ khí nguyên tử của mình rồi! Ấy là đã phải giữ hết sức bí mật đấy.

Lập tức những nơi thí nghiệm chế tạo vũ khí nguyên tử ở Los Alamos gần Santa Fé thuộc tiểu bang Tân Mễ Tây Cơ (New Mexico) được canh phòng và kiểm soát chặt chẽ hơn nữa, với hy vọng con kiến chui vào cũng không lọt để khỏi bị tiết lộ bí mật và để giữ độc quyền về vũ khí nguyên tử.

Cũng nhờ một tài liệu tương tự đó cũng do gián điệp đôi trao cho, mà Sở phản gián Mỹ lần được đầu mối tổ chức Điện báo Đức hoạt động tại châu Mỹ suốt từ Bắc Mỹ tới Nam Mỹ. Các điệp viên Đức bị sa lưới cơ quan công lực địa phương hoặc bị động, phải lần trốn.

Chiến tranh ngày càng thấy bất lợi cho Đức quốc xã. Quân đội Đức liên tiếp bị thua trên khắp các chiến trường ở Âu châu. Trước kia quân Đức tiến mau bao nhiêu thì bây giờ rút lui mau bấy nhiêu. Các căn cứ, phòng tuyến được coi là kiên cố nhất cũng bị quân lực Đồng minh chọc thủng và phá vỡ. Nội địa

Đức sắp bị tấn công đến nơi, viễn tượng cảnh Nước Đức bị tàn phá hải hùng, nhân dân Đức bị chết chóc thể thảm luôn luôn lớn vồn trong đầu óc Đô đốc Canaris, tay tổ Diệp báo Đức quốc xã, nếu Đức quốc xã còn tiếp tục theo đuổi chiến tranh.

Thời gian gấp rút lắm rồi, nhiều tướng lãnh cao cấp quân đội Đức cũng đều đồng ý với Đô đốc Canaris, vậy phải bắt tay vào việc thật gấp mới được. Cuối cùng, Đô đốc Canaris dự vào cuộc chống lại Hitler ngày 20-7-44 cùng với nhiều tướng lãnh khác như Thống chế Rommel, Trung Tướng Hans Speidel v.v.

Sau đó người ta khám phá thấy rằng Đô đốc Canaris đã cùng nhiều tướng lãnh Đức khác cũng đồng ý là nước Đức đang bị thua trận, và sẽ thua đến phải đầu hàng, vậy phải dùng những lực lượng hùng hậu còn lại chống giữ để xin mở cuộc điều đình Đình

chiến với Đồng minh. Muốn được vậy phải truất phế Hitler đi đã, và đưa một nhân vật khác lên thay thế thì mới dễ nói chuyện với Đồng minh vì Đồng minh không muốn nói chuyện với Hitler, người đã gây ra nhiều tội ác với cường vọng làm bá chủ hoàn cầu.

Trùm Diệp báo phản giầu Đức Canaris bị Hitler coi là đã dự một phần lớn trong việc làm hồng kế hoạch của mình nên trước khi bị thất trận hẳn, Hitler đã ra lệnh thanh toán Đô đốc Canaris ngày 9-4-45 tại Flossenbourg. Thống chế Rommel bị buộc phải uống thuốc độc chết. Còn Trung-tướng Hans Speidel may mắn hơn đang bị Hitler cầm tù thì được Đồng-Minh giải phóng, hiện nay ông là một tướng lãnh quan trọng trong tổ chức Minh Ước Bắc Đại Tây Dương của Thế giới tự do.

PHẠM - CÔNG - THÀNH

Loài cầm thú với...

(Tiếp theo trang 31)

Theo khẩu truyền, đời xưa vua nước ta có sai một vị tướng giả dạng sang Lào để giúp việc cho vua quan nước Lào (thời bây giờ ở miền Nam nước ta thường bị quân Chiêm-Thành, Chân Lạp và Lào sang cướp phá), sau người đó được vua quan nước Lào trọng dụng, và giao cho việc tập luyện voi ngựa xông trận. Khi công việc xong, ông ta xin nghỉ và trở về nước. Sau vua Lào xua quân sang xâm chiếm nước ta, ông mang quân ra nghênh chiến và dùng phép dạy xưa ra lệnh cho voi trận Lào quay đầu chạy. Đoàn voi đang hùng hổ tiến như vũ bão, thấy chủ cũ của mình đứng oai nghiêm ra lệnh, bọn chúng liền quay đầu chạy và đập chết quan quân Lào rất nhiều. Từ đó vua Lào không dám sang xâm chiếm nước ta nữa.

Nói đến các giống thú thì chó là loài giúp việc đắc lực nhất trong công tác gián điệp. Vì không đủ tài liệu nghiên cứu, nên chúng tôi không rõ người ta đã biết lợi dụng khả năng của loài chó trong thời đại nào. Nhưng cứ xét theo «bản năng» của nó, chắc là loài người biết dùng nó để săn đuổi các loài muông thú, cũng như tìm kiếm kẻ gian manh từ lâu.

Trong cuộc chiến-tranh Đông- Dương vừa qua, quân đội Pháp cũng đã dùng cả một đội quân chó để canh phòng các dinh trại và săn tìm các du kích quân kháng chiến.

Các nước tiền tiến, người ta cũng đào luyện chó rất nhiều để phụ lực cùng nhân viên an ninh lùng bắt hung thủ.

Mấy năm trước đây, ở Luân-Đôn có một tên cướp rất lợi hại, hẳn đã nhúng tay vào rất nhiều vụ giết người, cướp của các tư gia, cũng như các ngân hàng ở Anh,

thề mà hẳn vẫn sống tự do, mặc dù sở Cảnh-sát Anh đã mấy chục lần chằng lưới. Vì không có cách nào để theo dõi hành tung và bắt sống hẳn được, nên cuối cùng sở Cảnh-sát Anh đã phải dùng đến tài nghệ của chó để săn tìm dấu vết hung thủ, và chính chó đã bắt sống được hung thủ một cách dễ dàng tại một khách sạn ở trung tâm Luân Đôn.

Khi cánh cửa phòng của hung thủ mở bật, việc đầu tiên là chó nhảy ngay đến cướp giật khẩu súng ở nơi tay hung thủ để nhân viên Cảnh sát vào bắt sống y. Chính hung thủ là một tay lợi hại nên đã bao lần hẳn thoát thân với khẩu súng đó.

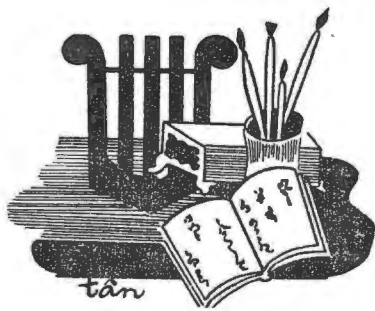
Và gần đây, ở Úc-châu, người ta cũng đã ca tụng con chó Tess của sở Trinh-sát miền Nam xứ Nouvelle Galles như một vị anh hùng. Chính nó đã khám phá ra cả một vụ thủ tiêu bí mật, và nạn nhân là một em gái nhỏ. Vụ thủ tiêu đã man đó đã làm xao động cả thành phố Sydney không phải ít.

Với công tác như vậy, chó Tess chỉ mất có 1 giờ là tìm ra được cả nạn nhân lẫn hung thủ, mà trước đó lực lượng Cảnh-sát thành phố Sydney đành phải bó tay, sau khi đã tốn nhiều công truy tìm.

Đôi với chó, cơ quan khứu giác rất quan trọng, chính nhờ cái đặc biệt của cơ quan khứu giác mà chó có thể truy tìm dấu vết của hung thủ một cách dễ dàng. Chó không những có khả năng săn kiếm địch thủ, mà cả công tác đưa tin nữa. Khi ra trận, nó cũng có thể bò như một quân nhân và nếu cần, người ta cũng có thể cho nó hạ một địch thủ như thường.

Thề mới biết : trên mặt địa cầu không có loài gì không dùng được, không giúp ích cho ta được, ngay những loài tầm thường mà lại có thể giúp cho ta những việc vô cùng trọng đại, vô cùng to tát.

Hoan-Châu



Một trang sử . . .

(Tiếp theo trang 38)

Nhân viên nhóm ba là nhân viên tiếp thu các bộ phận. Tất cả nhân số của ba nhóm hơn sáu trăm người. Tôi được liệt vào danh sách nhóm thứ nhất.

Trước ngày lên đường, đại sứ Nga tại Trùng-Khánh đặc biệt cử hành một buổi tiệc tiễn đưa phái đoàn tiếp thu Đông Bắc lên đường.

Buổi tiệc thật tưng bừng náo nhiệt. Tất cả nhân viên phái đoàn đều tham dự. Bên tòa Đại sứ Nga cũng thế. Nâng ly rượu, Đại sứ Nga chúc phái đoàn thành công trong nhiệm vụ và duy-trì tình thân hữu lâu dài giữa hai nước Trung-Nga. Tiếng nhạc, men nồng tạo một quang cảnh hào hùng, say sưa.

Nhưng một tai nạn lại xảy ra bất ngờ ; chính tai nạn này đã làm phát sanh lòng hiềm khích của phái đoàn Trung Quốc đối với tòa Đại sứ Nga-Sô. Số là sau buổi tiệc, Ông Hà-quốc-Trụ, tham mưu trưởng hành doanh Đông Bắc lại phát bệnh đau mắt và đui luôn.

Việc ấy xảy ra, Ông Hùng-thức-Huy rất bực mình, nhưng trên tình cảm thì không thể nào thay đổi gấp rút chức vụ tham mưu trưởng được. Trước tình thế bất buộc, ông chọn tôi tạm thay thế cho Ông Hà quốc Trụ để lên đường cho sớm.

MỘT NGHI VẤN VỀ VIỆC BỎ THUỐC ĐỘC !

Từ khi hơi mắt không thấy đường Ông Hà quốc Trụ được đưa vào bệnh viện Trung ương tại Liễu long-Khâm (Trùng-Khánh) điều trị. Sau nhiều lần khám nghiệm, bác sĩ đành thối thủ, không tìm ra bệnh căn của Hà tiên-sinh. Ông vẫn mạnh khoẻ như thường chỉ hiềm hai mắt không trông thấy đường thôi.

Vài tháng sau, ông được đưa sang Mỹ điều trị nhưng cũng không thấu được kết quả khả quan nào. Ông ta đành về nước với tấm thân mù lòa, ẩn dật tại

Hàng-Châu cho đến ngày Đại lục thất thủ. Hiện giờ số phận ông như thế nào tôi không được biết.

Tôi còn nhớ rõ, trước khi đi Đông Bắc, tôi có đến thăm ông một lần. Nhìn thấy ông, lòng tôi bùi ngùi, cảm động. Một bậc trí thức tài hoa phong nhã bị bàn tay của thần binh bóp chết cuộc đời. Bất giác đôi dòng lệ từ từ chảy, khóc cho số kiếp bạc hạp của người bạn đồng liêu trên bước quan trường. Tôi nắm tay tiên sinh chúc tiên sinh mau mạnh : khoẻ mắt tiên sinh mờ qua ngăn lệ, chan chứa nỗi lòng uất hận không thể đem tài kiến thiết Quốc gia.

Có người bảo rằng chính Tòa Đại-sứ Nga-Sô đầu độc. Theo tôi, một số đồng nhân viên dự tiệc, nếu đầu độc thật sự không lý chỉ một mình Hà tiên sinh mệnh bạc uống nhầm. Như thế, không có lý do chính xác cho rằng Đại-sứ Nga đầu độc.

Tuy hiện nay, Nga-Sô là thù địch của chúng ta, song tôi không chịu dùng những lời vô căn cứ mà kết tội người. Riêng tôi nhận xét, có thể vì ông uống rượu nhiều mới sanh chứng bệnh nan y.

TỪ TRÙNG-KHÁNH ĐẾN BẮC-BÌNH

Ai đã từng sống trong khung cảnh kháng chiến thắng lợi của nhân dân Trung-Quốc, mới cảm thấy thấm thía và tràn ngập nỗi vui mừng của con người vừa khôi phục lại tự do trong tay phát xít Nhật. Từ thành thị đến thôn quê, từ già đến trẻ, từ quan chí dân, từ hơi thở đến nụ cười đều chan chứa một phần khởi phi thường. Cảnh vật chung quanh tưởng chừng như nhuần đượm vẻ thanh quang của buổi xuân về. Một bông hoa tươi thắm của đời người đã nở trong lòng họ.

Trùng-Khánh tuy là một đô thị sầm uất, bí hiểm bao bọc bởi núi non trùng điệp, thường ẩn hiện dưới lớp sương mù. Hôm nay, lại lộng lẫy khoát chiếc áo tinh anh, đậm màu nắng mới.

Đối với kế hoạch tiếp thu, mỗi nhân viên đều náo nức, tích cực thi hành.

Sáng sớm tinh sương ngày 30-9-1945, khi giọt sương còn đọng trên cành, những tia nắng vàng đầu tiên báo hiệu ngày quang đăng vừa le lói tận phương Đông, nhân viên trong phái đoàn tiếp thu, nhóm thứ nhất đều tề tựu đông đủ tại phi trường Bạch thị Dịch (Trùng Khánh).

Những nhân viên chánh phủ, những bạn đồng liêu và thân nhân đến tiễn đưa chúng tôi tận phi trường-

Họ dặn dò chúc tụng, có người lại tặng cho chúng tôi danh hiệu « chiến sĩ tiên phong tiếp thu Đông Bắc ». Thật là vinh hạnh mà cũng là điều làm cho chúng tôi ái ngại, băn khoăn không biết có làm tròn sứ mạng lịch sử nặng nề mà quốc dân và chính phủ giao phó hay không ?

Sân bay càng náo nhiệt và thêm phần long trọng khi các ông Trần Thành, Bạch sung Hy, Hùng thức Huy, La trác Anh, các Thị trưởng, Tỉnh trưởng mới của Đông Bắc lần lượt thân mật bắt tay để chúng tôi lên phi cơ.

Đúng 9 giờ, phi cơ nổ máy, chuyển mình từ từ lướt nhanh lên không gian đảo một vòng rồi nhắm Bắc Bình trực chỉ ?

Trên phi cơ nhìn xuống : núi non trùng điệp, thành quách cổ kính, tân thời, dinh thự nguy nga, phố phường đông đúc, cây cỏ khoe màu dưới ánh nắng ban mai như những nét chấm phá của hóa công trong bức tranh thiên tạo. Thật là hùng vĩ và đẹp đẽ làm sao ! Tâm trạng của nhân viên trong chuyến đi này có khác...

Ba giờ chiều, phong cảnh ngoạn mục của Bắc Bình ẩn hiện dưới tầm mắt chúng tôi. Xa xa uy nghiêm ngọn Bạch Tháp của Ngọc tuyến-Sơn, Bài vân Điện của Vạn Thọ-Sơn, Kỳ niên Điện của Thiên Đàn Sơn phản chiếu dưới ánh nắng chiều và kiên gan cùng thời gian vô tận...

Phi cơ đáp xuống sân bay Nam Uyển. Nơi đây, các nhân viên của hành doanh Bắc Bình, tư lệnh chiến khu mười một đã chực sẵn đón tiếp chúng tôi. Chúng tôi lên xe vào thành phố.

Giờ này Bắc Bình vẫn giữ được cái phong độ của cổ đô. Dân cư nhộn nhịp ngựa xe dập dùi, mất hết vẻ bình hoạn nức mùi nô lệ của thời Nhật thuộc. Mỗi người dân nhìn chúng tôi với nụ cười tươi trẻ, ánh mắt sáng ngời, trái ngược với vẻ ủ rũ, bơ phờ của những chàng lính Nhật thả rong lê tễ khắp phố phường.

Mỗi lần xe chúng tôi đi qua, chúng giơ tay chào kính cẩn, không còn thái độ ngang tàng, hống hách khi xưa. Thấy tình cảnh của chúng cũng đang ghét mà cũng đáng thương ! Hai trạng thái tình cảm ghét, thương đang cô đọng trong lòng chúng tôi, khiến chúng tôi tự

hỏi : tại sao chánh quyền địa phương không tập trung họ vào một chỗ, để đi lễ tễ như vậy ?

Đêm ấy, chúng tôi tạm trú tại sở tiếp đãi Thụy minh-Trang (Thành Đông). Nơi đây, trong thời kỳ Nhật thuộc cũng là nơi đón tiếp tân khách của quân thù.

TỪ BẮC-BÌNH ĐẾN TRƯỜNG - XUÂN

Sau hai ngày lưu lại Bắc Bình, sáng ngày thứ ba chúng tôi tiếp tục cuộc hành trình. Trước khi con chim bằng cất cánh tung bay, tại sân có cử hành cuộc lễ tiễn đưa tuy đơn giản mà trọng hậu. Ngoài các đại diện các đoàn thể Bắc Bình, các Xứ-trưởng của hành doanh Bắc Bình còn có ông Vương hùng Thiệu, tham mưu trưởng hành doanh Bắc Bình, ông Tôn-liên-Trung, tư lệnh chiến khu XI và những nhân viên sân bay cũng tới tiễn đưa.

Ba chiếc máy bay lướt những quãng đường dài trên khoảng trời cao rộng ! Chẳng mấy phút vượt khỏi Vạn-lý Trường-thành xa trông như con rắn khổng lồ uốn khúc. Đúng 9 giờ 30 phút, chúng tôi tới địa phận Mãn Châu (Đông Bắc). Ô ! một màn trắng tinh tinh hạc lơ lửng dưới bầu trời xám ngắt của ngày đông lạnh. Tuyết bao phủ vạn vật, cả những ngọn núi vĩ đại vùng quan ngoại, những thân cây trụi lá, run rẩy dưới cơn mưa tuyết, đầu bạc phơ như các cụ già trơ sống với giá băng... Không khí đã thay đổi. Phần nhiều những phái đoàn là người phương Nam nên chưa quen với khí hậu miền Bắc, làm cho họ phát run. Đối với tôi, ông Trưởng kinh Quốc, Mạc đức Huệ, Châu tác Hoa thì chưa thắm và đầu !

Phi cơ cứ theo hình chữ V tiến về hướng Trường Xuân và đến không phận Trường Xuân vừa đúng 12 giờ 35 phút. Chúng tôi ngỡ ý muốn chào mừng đồng bào Đông Bắc để biểu lộ mối cảm tình của phái đoàn đối với nhân dân nên đề nghị cho phi cơ bay một vòng thật thấp trên Thủ đô Trường Xuân. Ý kiến ấy thông qua ông Mạc đức Huệ và có sự đồng ý của ông Trưởng kinh Quốc nên phi cơ từ từ hạ xuống thấp, đảo một vòng rồi mới xuống sân bay.

(Còn nữa)



... tìm người chứng

(Tiếp theo trang 29)

viên trong cuộc việc này. Nó đòi hỏi nhân viên những đức tánh mà không phải ai cũng có cả, như óc xét đoán, phân tích rành mạch, kiên nhẫn, lạnh trí, gan dạ. . .

Khi đến địa chỉ cuối cùng của người bị truy tầm và thấy căn nhà đã bỏ trống, chúng ta không nên nản lòng trở về báo cáo rằng cuộc tìm kiếm không có kết quả. Lời mách bảo của người chủ nhà cho thuê, hay người lân cận, mảnh giấy rơi dưới đất, lá thư bỏ quên trong hộc tủ đều có thể dẫn đến tung tích người lẩn trốn. Không bao giờ xét qua tài liệu khác nếu tài liệu gần nhất chưa được phân tách tỉ mỉ. Mỗi người quen biết với đương sự đều có thể giúp ta tin tức hữu ích: lao công trong nhà, phu xe chở đồ đạc người muốn phở đi nơi khác.

Các cơ quan sau đây nên được liên lạc để dò hỏi lý lịch người can phạm:

— Sở Bưu-điện là nơi mọi người hay lui tới để nhận gửi thư từ và bưu phẩm.

— Các Ngân hàng có mở trương mục những người kinh doanh, trong các ngành kỹ nghệ và thương mại.

— Nha Bách phần, Phòng Chưởng khế chuyên trách các vụ di chuyển và cầm cố bất động sản.

— Sở Công-chánh có ghi địa chỉ các chủ xe có động cơ.

— Về người ngoại quốc thì sự cần thiết là xem xét hồ sơ nhập cảnh tại Sở Ngoại Kiều hay Sứ Quán liên hệ cùng sổ sách các công ty hàng hải và hàng không để biết ngày họ đến và ngày họ từ giả xứ cư trú.

— Ở thành phố, các Sở Hành chánh và Cảnh sát là những cơ quan giữ nhiều tài liệu về tư nhân, nhất là trong tờ khai gia đình hay danh sách cử tri. Sự cứu xét có phần dễ dàng hơn, nếu trong hồ sơ căn cước có để hình ảnh hay in dấu tay người đương sự.

Một người từ khi ra đời cho đến khi mệnh một, trải qua các giai đoạn đau ốm tại bệnh viện, hành sự tại công, tư sở, lập giấy tờ hộ tịch, đều có ghi lại ít hay nhiều vết tích của mình tại nơi này hay nơi khác.

Điều tra viên biết áp dụng khéo léo kỹ thuật truy tầm để dò hỏi và nhận xét đúng chỗ, căn cứ theo đặc tính của mỗi cá nhân hay mỗi trường hợp, là có hy vọng thành công trong công tác tìm kiếm nhân chứng hay can phạm vậy.

H.V.N

Cứu người là trách vụ

(Tiếp theo trang 13)

Theo thiên ý kẻ viết bài này, có lẽ là có cả hai; song trách vụ mới là yếu tố căn bản, động cơ chính trong việc cứu người.

Vấn đề « giao tế dân sự » đối với người CACS có nhiều khía cạnh, linh hoạt và tề nhị mà bất cứ trường hợp nào, lúc thường cũng như lúc biến, buộc ta phải chu toàn để bảo vệ thanh danh, uy tín của Ngành cũng như danh dự của cá nhân ta. Cho nên, vấn đề không phải chỉ đóng khung trong việc người CACS phải giữ gìn tư cách, tác phong cho đứng đắn, lời đòi xử lễ phép, nhã nhặn lúc tiếp xúc với đồng bào vì công vụ hay trong đời tư mà thôi, vấn đề « giao tế dân sự » còn bao quát cả những trường hợp « bắt thẩn » trong đó tài sản, sanh mạng, giá trị của người dân bị hăm dọa, uy hiếp. Nói một cách khác, trong xã hội bất cứ ở nơi nào hay lúc nào hễ có bóng người dân là có vấn đề « giao tế » được đặt ra cho người CACS, bao hàm tất cả ý nghĩa của bốn tiếng « phục vụ nhân dân ».

Quan niệm rõ ràng vấn đề, ý thức được trách vụ của một viên chức trong ngành an ninh như thế, người CACS phải vận dụng hết can đảm, khả năng và nhất là tinh thần hy sinh tuyệt đối.

Bởi vậy, trong việc cứu người lâm nạn hay nói rõ hơn là trong vụ cứu vớt bà lão Lâm-Nhan đang chới với giữa dòng sông sâu, nước lớn, yếu tố đầu tiên quyết định hành động mau lẹ, kịp thời và can đảm của ông Í . . . nhất định phải là yếu tố « trách vụ ». Lễ dĩ nhiên, khi hấp tấp nhảy xuống ngọn thủy triều để tranh giành lại mạng sống của một người trong tay Hà Bá, ông Í . . . cũng bị kích thích bởi lòng nhân đạo. « Thiện tâm, nhân đạo » là tính bẩm sinh của loài người thì bất cứ trong trường hợp nguy khốn nào của đồng bào, đồng loại mà lòng nhân, tính thiện ấy lại không bị kích thích được. Tuy nhiên, lòng nhân, tính thiện của con người nhiều khi không đủ « mạnh » để đẩy con người đến hành động cứu nhân, độ thế, mà cần phải có sự hỗ trợ của « tinh thần trách vụ ». Và lại, nếu tính thiện, lòng nhân còn kém « lực » thì tư tưởng ích kỷ lại nổi dậy trong lòng người, khiến người chần chừ, tính toán lợi hại rồi . . . chùn bước hy sinh, như là trong những trường hợp tội nguy hiểm xem như bất khả kháng.

« Tinh thần trách vụ » quả thật cần thiết trong đời sống xã hội nhân quần ! Nhất là đối với những cán bộ an ninh, tinh thần trách vụ ấy không thể thiếu hay yếu đi được !

Vì trách vụ, người CACS không có quyền do dự, so hơn tính thiệt, mà phải sẵn sàng đương đầu với cái nguy để cứu lấy cái an cho dân chúng.

Hành động của bạn Í . . . trên đây, người ngoài cho là hào hùng; nhưng đối với gia đình CACS, đó chỉ là hành động tất yếu của cán bộ Ngành An Ninh Quốc Gia đã ý thức đứng đắn và đầy đủ trách vụ của nghề nghiệp trong vấn đề giao tế dân sự vậy.

H.L.T.L.



TIN Việt

TIN QUỐC TẾ

★ **TRUNG CỘNG.**— Cộng-sản đã giết hại 30 triệu người và giải chừng 98 triệu người khác đi các trại cưỡng bách lao công ở lục địa Trung - Hoa từ năm 1950. Hành vi tàn bạo của Trung-Cộng chia ra làm 3 thời kỳ :

— Từ năm 1950 đến 1952, Cộng sản đã sát hại 24.740.000 người nhất là tại các vùng nông thôn. Trong số trên có ghi cả 5 triệu địa chủ bị « thanh toán » và 3 triệu người bị giết trong các cuộc biên động.

— Trong thời kỳ thứ hai, 1955 đến 1957, có 2.304.000 người bị giết, bị bắt giam để được cải huấn, trong số này có 964.000 người bị án tử hình.

— Thời kỳ thứ ba, bắt đầu từ 1958, từ đó đến nay 2 triệu người trong đó có người Tây-Tạng đã bị hạ sát. Trong số 90 triệu dân được gọi đi các trại công tác, 3.500.000 đã chết, vì làm việc vất vả quá sức.

★ **HOA KỲ.**— Ông Dean Rusk đã được cử giữ chức vụ Ngoại Trưởng Mỹ và ông Chester Bowles, thứ trưởng Bộ Ngoại giao. Chính phủ Anh đã tỏ ý hoan hỉ rằng Tổng Thống đắc cử Kennedy chuyên chú đến các nước Á Phi và nhất quyết đòi phó với Trung-Cộng vì ông Dean Rusk đã từng điều khiển Á Châu sự vụ trong Chính phủ Truman, chuyên về Trung Cộng, còn ông Bowles cũng chuyên về Á Đông, đã từng làm đại sứ ở Ấn Độ.

★ **LÀO.**— Vạn - Tượng, thủ đô Lào quốc đang bị quân đội cách mạng của

Tướng Nosavan bao vây.

— Thủ Tướng Souvanna Phouma cùng 6 nhân vật trong chính phủ ông đã bay sang Namvang xin tấ túc. Hai tổng trưởng khác trong chính phủ Vạn Tượng cũng đã đáp phi cơ đi Ngưỡng Quang, thủ đô Miền điện xin tấ túc. Trên phi cơ có 28 người, được giữ bí mật. Ngoài ra, lại có một nhân viên phi công người Pháp và một nhân viên ngoại giao Nga. Lại có tin Thủ tướng Phouma sẽ qua Ngưỡng Quang xin tấ túc. Người ta lại được biết một lát sau khi phi cơ của Thủ tướng Phouma tới Cambodge, một phi đội khác cũng tới đáp xuống

phi trường Pochentong (Namvang) để tránh một trận đánh lớn có thể sẽ xảy ra ở Vạn Tượng.

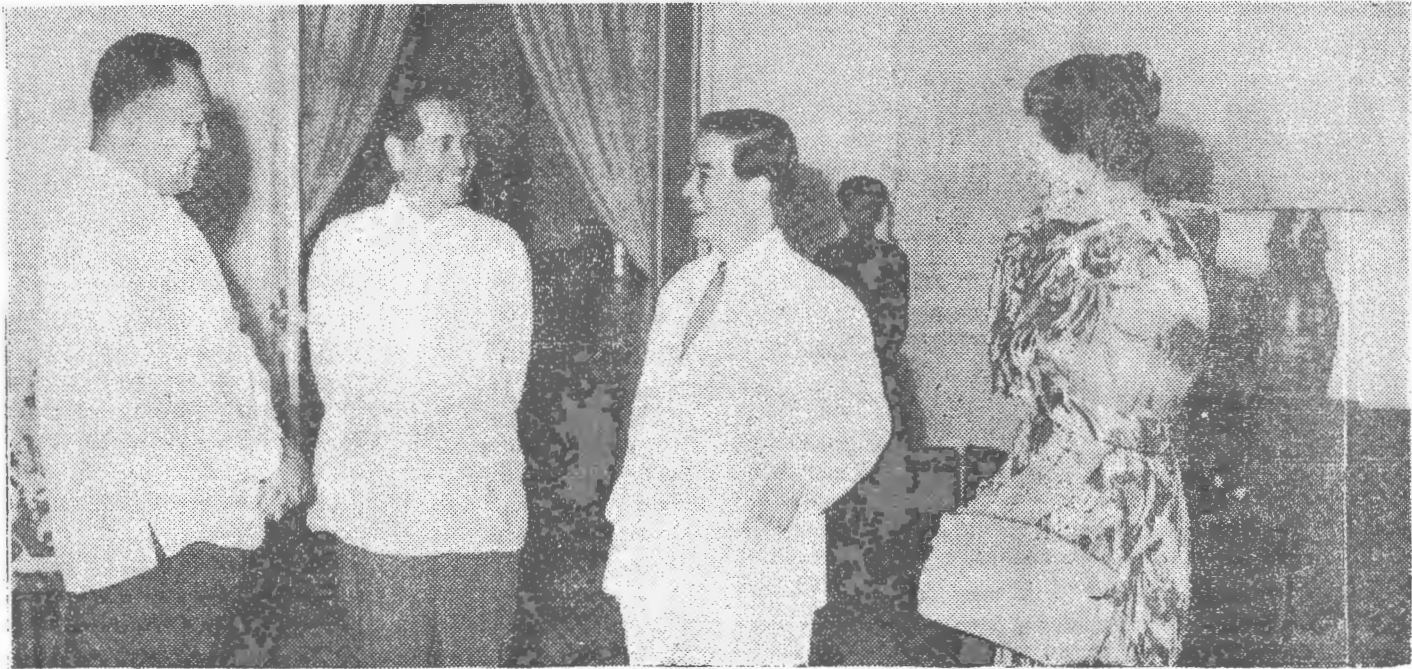
— Tòa đại sứ Mỹ loan báo đã cho vợ con các nhân viên Mỹ ở Vạn Tượng rời khỏi Vạn Tượng là nơi sắp xảy ra cuộc đại tàn công của quân đội cách mạng của Tướng Nosavan.

— Sau khi Thủ Tướng Phouma bay sang Cambodge tị nạn, một Hội đồng Quân lực đã được thành lập hồi sáng thứ bảy ở Vạn-Tượng để tạm thời cầm quyền. Hội đồng Quân lực do Tướng Sounthone Pathammavong Tổng Tham-Mưu Trưởng Quân đội lãnh đạo, gồm có 6 nhân viên trong đó có Đại-úy Khong Le.

— Sau đó, Đại-úy Khong Le cùng ông Quinim Pholsena, Bộ - Trưởng Thông tin trong Chính phủ Souvanna Phouma (thân Cộng) đã đáp phi cơ

▽ Phó Tổng Thống Phi-Luật-Tân ký vào sổ vàng của Hội Việt - Phi thân hữu trong buổi tiếp tân 26-11-1960.





Phó Tổng Thống Phi-Luật-Tân yết kiến Tổng Thống Việt-Nam Cộng-Hòa ngày 26-11-1960.

đi Hanoi (hôm thứ bảy 10-12) và đã trở về Vạn-Tượng vào hôm Chúa nhật (11-12). Sau đó, Hội-đồng Quân lực đã giải tán nhường chỗ cho một Chánh phủ ở Vạn-Tượng, thành lập do lệnh của khối Cộng sản. Như vậy là vào lúc sắp thất thủ, Khong Le đã tuân hân lệnh của Cộng-sản.

— Sáng ngày 11-12, 6 phi cơ Nga Sô Ilyouchine đã hạ cánh xuống phi-trường Wattay (kề cận Vạn-Tượng), chở đầy những thùng và được chuyển xuống trong vòng bí mật hoàn toàn. Các nhân chứng đáng tin cậy quả quyết rằng những phi cơ đó của Nga đã chở nhiều đại bác 105 và 14 thùng đạn dược.

— Quốc Hội Lào với 39 thăm quá hân đa số cần thiết (tổng số nghị sĩ Lào là 59) đã quyết định giải tán chính phủ Pholsana (thân cộng) vừa thành lập ở Vạn Tượng. Như thế, Chính phủ Pholsana không có sự hợp pháp; Quốc Hội sẽ tập hợp ở đề đô để lập chính phủ Boun Oum.

TRONG NƯỚC

* Sáng ngày 26-11-60, tại Dinh Độc-Lập, Tổng-Thống Việt-Nam Cộng Hòa đã tiếp kiến Ông Diosdado Macapagal, Phó Tổng-Thống Phi-Luật-Tân; buổi chiều cùng ngày, Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa cũng đã tiếp kiến Ông Thôi-Đức-

Tân, Đại-Sứ Đại-Hàn Dân-quốc tại Việt-Nam.

* Cùng với nhiều Quốc-gia khác ở Á-Châu, Việt-Nam sẽ tham dự một khóa hội thảo địa-phương do Tổ-chức Y-Tê Quốc-Tê tổ-chức về vai trò của các Phòng Thí-nghiệm trong việc cải thiện y-tê công cộng. Khóa hội-thảo này sẽ nhóm họp tại Manille.

— Tại Hội-nghị Quốc-Tê về chiến-tranh tâm lý Nga-Sô, các Phái-đoàn đều tỏ bày thiện cảm và kính mèn đối với Việt-Nam Cộng-Hòa.

* Theo tài-liệu của Viện Quốc-gia Thông-kê, trong tháng 9 vừa qua hàng nhập cảng giảm bớt, trái lại trọng lượng hàng xuất cảng lại tăng thêm. Trọng lượng hàng nhập cảng trong tháng 9 với ngoại tệ sở hữu Quốc-gia là 102.881 tấn, trị giá trên 586 triệu đồng so với 131.676 tấn trị giá trên 727 triệu đồng về tháng 8. Nhật-Bản đứng vào hàng đầu các Quốc-gia bán hàng cho Việt-Nam, kế đó là Pháp và Huê-kỳ. Hàng xuất

cảng trong tháng 8 lên tới 78.874 tấn trị giá 329.925.000\$ tức là tăng được trên 15.000 tấn so với tháng trước.

* Theo các con số tiên liệu trong mùa lúa tới đây, Việt-Nam sẽ có thể xuất cảng lời 600.000 tấn lúa hay 400.000 tấn gạo

* Nhân ngày lễ kính « Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên tội », Tòa Thánh La Mã đã chính thức công bố việc thiết lập 3 tòa Tổng Giám Mục đầu tiên tại Việt-Nam, Saigon, Huế, Hà-nội,

Tòa Thánh đã chỉ-định 3 vị Tổng Giám Mục:

— P. Nguyễn-văn-Bình, Tổng Giám Mục Saigon.

— P. Ngô-đình-Thục, Tổng Giám Mục Huế

— J. Trịnh-như-Khuê, Tổng Giám Mục Hà-nội.

Đồng thời, Tòa Thánh lập thêm 3 Tòa Giám Mục tại miền Nam: Dalat, Long-Xuyên, Mỹ-Tho vào phong thêm 4 vị Giám Mục mới.

BẠN DÂN XUÂN TÂN SỬU, với 4 đặc điểm:

Đẹp! Vui! Lạ! Ý-nghĩa!

Sẽ phát hành vào hạ tuần tháng chạp âm-lịch

án mạng màn ba

(Tiếp theo trang 46)

— Anh có thể gọi thẳng cho Lê Hồng biết không ?

— Nều cần.

Mắt Vi-Hùng ngời sáng và ta có thể hiểu thấy tâm trạng hân trong lúc đó.

Tôi tiếp :

— Anh chờ tôi một lát rồi chúng ta cùng tới khách sạn Bùng-Binh.

Trong lúc tám tôi nghĩ lung lăm. Lòng tôi, tôi biết, nhưng trước sự đau khổ của Vi-Hùng và sự nghi ngờ của mọi người về sự giao thiệp giữa tôi và Lê-Hồng dấu sao máu của Chi-Anh đối với tôi cũng là một vết như không rửa sạch. Hơn nữa những việc mà tôi vừa được biết qua ông Hòa-Tinh và cô Hoa-Linh làm tôi chán ghét Lê-Hồng.

Khi tám xong, tôi ra thì đã thấy Vi-Hùng say mềm vì chàng vừa nốc cạn gần hai phần ba chai whisky tôi để trên bàn. Tôi kêu :

— Trời ơi, lại say rồi ! Tôi làm sao có thể diu ông lên thang lầu khách sạn Bùng-Binh được ? Hay tôi gọi Lê-Hồng tới đây để thảo luận vậy.

Vi-Hùng không trả lời. Tôi cảm giầy nói gọi, Lê-Hồng trả lời :

— Tại sao anh không tới làm em chờ lâu quá. Hiện giờ anh ở đâu ?

— Ở nhà. Có cả Vi-Hùng nữa. Lê-Hồng có thể lại đây được không ? Có câu chuyện cần phải dàn xếp cho xong.

Lưỡng lự một lúc, nàng trả lời :

— Được em sẽ tới. Em cũng báo để anh hay là ông Hòa-Tinh và Lôi-Sinh sắp tới anh đây. Anh làm thế nào để em khỏi gặp bọn họ đó nhé.

— Họ muốn gặp để làm gì ? — tôi ngạc nhiên hỏi.

— Lý do cuộc gặp gỡ là : « em vừa gọi giầy nói cho Hòa-Tinh báo tin là em sẽ không diễn nữa, vì em không muốn diễn chung với Vi-Hùng ». Trong lúc nói chuyện ở giầy nói thì Hòa-Tinh không có vẻ giận dữ, nhưng mười phút sau ông ta tới gặp em, kèm theo Lôi-Sinh để nắn nít em nhưng em vẫn cương quyết từ chối ; bọn họ giận dữ bỏ đi. Em đoán họ sẽ tới anh để nhờ anh dùng tình cảm lung lạc em vì họ biết rằng hiện nay

chỉ có anh mới có quyền bắt buộc em phải làm trái ý mà thôi. Anh liệu mà tông cổ bọn họ đi nhé !

— Anh sẽ liệu.

Tôi vừa hạ ông nói thì tiếng chuông ngoài cửa reo. Chính là Hòa-Tinh và Lôi-Sinh. Hòa-Tinh nói với tôi :

— Ông phải làm thế nào giúp tôi lưu Lê-Hồng lại, nhất là Lê-Hồng đã ký giao kèo với chúng tôi thì không một lý do nào được phép không tôn trọng điều lệ ghi trong giao kèo. Theo tôi thì tại sao chúng ta bị thiệt hại chỉ vì vợ chồng họ ly gián ?

Tôi ngắt lời :

— Thôi không cần mất thì giờ vô ích. Lê-Hồng sắp tới đây, chúng ta sẽ cùng thảo luận, như thế dễ hơn.

Nói xong tôi và Hoa-Linh cố gắng diu Vi Hùng vào phòng ngủ của tôi :

— Anh cố gắng nằm nghỉ cho mau tỉnh. Ta cần thảo luận gấp.

Chúng ta chưa kịp đưa Hùng vào phòng thì tiếng chuông ở cửa lại reo vang. Lần này là ba người, ông Thanh tra, đi đầu rồi đến hai nhân viên Công-an mà chúng tôi đã biết mặt hôm xảy ra tai nạn.

Tôi xin phép ông Thanh Tra để diu Vi Hùng vào phòng ; nhưng ông Thanh tra, vừa đưa tay ra hiệu bảo đứng, vừa tươi cười trình « giầy mời » Vi Hùng ra trước mặt mọi người ; đoạn nói :

— Chúng tôi được lệnh mời ông Vi Hùng về Ty có chút việc cần hỏi đến ông.

Một sự lo lắng hiện lên gương mặt mọi người, tuy nhiên tôi cũng cố lấy giọng được bình tĩnh rằng Vi-Hùng đang say, để xin ông Thanh tra cho phép Vi Hùng thư thả đến gặp ông sau khi tỉnh rượu. Nhưng, tôi phải thất vọng.

Ngay lúc đó ông Thanh tra ra lệnh cho hai nhân viên diu Vi-Hùng ra xe, rồi nụ cười hiền hậu, ông chào chúng tôi và nói với một câu như để trấn tĩnh mọi người : « không có gì quan hệ lắm đâu, mọi việc sẽ làm thỏa mãn mọi người ».

Dù sao, Hòa-Tinh, Lôi-Sinh, Hoa-Linh và cả tôi cũng không khỏi thất mắc, e ngại.

*

Tại phòng thẩm vấn Ty Hình Cảnh Lưu Động, sau khi tỉnh rượu hẳn,

Vi Hùng được ông Thanh tra cho mời lên để hỏi cung.

Hai ngày trôi qua nặng nề đối với tất cả anh em nghệ sĩ đoàn Tương Lai...

Ông Hòa-Tinh lại được ông Thanh tra cho mời đến Ty. Độ ba giờ sau, ông trở về với nét mặt đăm chiêu. Anh em trong đoàn xúm đến quanh ông, rồi rít hỏi tin tức. Hai tay chồng lên cằm, ông ngồi trầm ngâm không trả lời, khiến mọi người càng thêm lo lắng, sốt ruột...

Không thể chịu được, tôi đành hăng lên tiếng phá tan bầu không khí nặng nề đang bao trùm mọi tâm hồn :

— Kết quả cuộc điều tra của nhà chức trách ra sao, xin ông Hòa-Tinh cho anh em biết. Chúng tôi đang lo ngại mà ông còn làm cho lo ngại thêm thì ích lợi gì ? Anh Vi Hùng có được về chưa ?

Hít xong hơi thuốc lá, ông Hòa-Tinh trả lời với giọng rầu rầu :

— Anh Vi Hùng sẽ về sau. Nhà chức trách đã tìm ra thủ phạm.

Mọi người có mặt ở đây nhao nhao lên hỏi :

— Ai ? ai ? Ai giết Chi-Anh ? thủ phạm là người trong đoàn hay hay kẻ lạ mặt ?

Ông Hòa-Tinh trả lời cộc lốc :

— Trong đoàn.

Mọi người như nín thở. Một quang cảnh chết !

Nhìn khắp anh em nghệ sĩ, ông Hòa-Tinh dường như thấy thương hại nên lên tiếng :

— Ông Thanh tra đã khám phá ra tất cả sự thật của vụ án mạng. Chính ông cho mời tôi hỏi sáng này để cho tôi biết đại khái những gì đã xảy ra để tôi tiện bề thu xếp nội bộ của đoàn cho việc làm ăn của chúng ta khỏi bị đình trệ.

Ngừng một lát, ông Hòa-Tinh tiếp :

— Nhà chức-trách đã tìm ra nguồn gốc của viên đạn bắn anh Chi-Anh. Chính một người trong đoàn chúng ta đã ăn cắp viên đạn đó của một bạn thân và gây ra án mạng.

Tôi tò về nghi ngờ :

— Có chắc đúng như thế không ? Làm thế nào mà tìm ra nguồn gốc một viên đạn 6,35 trong lúc ở thủ đó này không biết bao nhiêu người có thứ súng lục cỡ đó ?

— Việc đó thì khó thật. Nhưng chỉ khó với chúng ta, còn đối với những nhân viên chuyên môn thì... như các anh sẽ biết sau khi tôi kể nốt câu chuyện.

Trong việc tìm ra thủ phạm nhà chức trách có những phương pháp nào bí mật, khoa-học khác hay không, tôi không được biết, nhưng tôi biết được đại khái rằng: sau khi gạn lọc tất cả giả thuyết và điều tra về sự giao thiệp hàng ngày của những người bị nghi ngờ có dính líu vào vụ án mạng nhà chức trách áp dụng phương pháp « loại trừ » và đã thấy trong số người bị tình nghi còn lại sau cùng có một người thường hay tới lui với những người có giấy phép mang súng và đã ăn cắp được một viên đạn...

Nói đến đây, ông Hòa-Tinh lại nín bật, mắt mở màng nhìn theo làn khói thuốc. Anh em nghệ sĩ không ai bảo ai, cùng một lúc đưa mắt nhìn nhau băn khoăn chờ đợi...

Tôi nóng nảy hỏi :

— Phải người ấy ăn cắp viên đạn đó là thủ phạm không ?

Ông Hòa-Tinh bực tức trả lời :

— Chứ còn ai vô đó nữa. Chính hẳn là thủ phạm. Hẳn lập mưu sẵn nên đã bố trí kẻ hoạch sát nhân khá khéo léo, báo hại cả đoàn hát chúng ta phải mấy hôm ăn ngủ không yên. Thủ phạm tưởng mình đủ mảnh khỏe để trốn tránh lưới pháp luật, chẳng dè « võ quít dấy gập móng tay nhọn ». Nhà chức trách khám phá ra đầu dây mỗi nhợ, biết rõ cả mọi chi tiết vụ án mạng và đã tóm cổ được thủ phạm...

Trong lúc mọi người đảo mắt nhìn khắp phòng thăm kiếm điểm số anh em nghệ sĩ và lao công của Đoàn Tương Lai để tìm kẻ vắng mặt có thể là thủ phạm đang bị câu lưu thì ông Hòa-Tinh nói tiếp :

— Thủ phạm là tay tinh ma lắm. Anh ta thường lán la tới nhà một nghiệp chủ có súng là bạn thân của anh ta, và để ý nơi ông này cất đạn — Rồi vào một trưa thứ bảy, tại nhà ông nghiệp chủ, sau khi nhậu hết mấy ly Rhum, anh đòi uống nữa, và thừa lúc chủ nhà vào nhà trong lấy thêm rượu, anh ta lén mở ngăn kéo bàn viết của chủ nhà chọt được một viên đạn... Và qui quyết thay, chính với một viên đạn đó, anh ta lại muốn giết một lần cả hai mạng người, một sẽ chết vì đầu đạn, một sẽ rứt xương vì... tù. Mà hai mạng người đó là Chi-Anh và... Văn-Tú

Giật mình đánh thót xuất hạn mồ hôi, đồng thời ánh sáng vụ án mạng lóe ra trong óc, tôi lập bập hỏi :

— Thủ phạm là... Vi-Hùng ?

— Đúng ! Vi-Hùng đã chủ mưu gây ra án mạng ở màn ba vở « Anh Hùng » vì một lý do tầm thường là... ghen.

Hai tiếng « trời ơi ! » đồng loạt nổi lên, nửa như thương cảm, nửa như tức giận, trong lúc ở góc phòng, Lê-Hồng đèn ngồi đầy tự bao giờ không ai để ý, thét lên đau đớn và ngắt lịm...

Q. D.



Quê Hương

Quê-Hương là mái lá
Là một lũy tre xanh
Bên hồ ao thả cá
Và đồng mạ xanh xanh.

Là hàng cau trước ngõ
Chiếc cầu nhỏ xinh xinh
Đến ngôi đình cổ kính
Phảng phất bóng oai linh.

Xa xa là sông núi
Đường vạn lý nở hoa
Quê-Hương từ muôn thuở
Ôi ! hùng vĩ bao la !

Ra đi lòng hằng nhớ
Và ước một chiều mơ
Về thăm nơi quê cũ
Ngồi lắng thả hồn thơ.

SA-VĂN-NGUYỄN

Lý tưởng Quốc - Gia

(tiếp theo trang 33)

Nguyễn-Việt thấy một nỗi khoái cảm tràn ngập cõi lòng, vì cả ba người như đã bị thu hút bởi tình Đất Nước, nhưng vẫn làm bộ hỏi :

— Sao ngâm dút khúc vậy bồ ? Bộ nguồn thơ đã cạn rồi sao thi sĩ ?

— Tội mà thi sĩ cái cóc khô gì. Đó là bài thơ của ông nào đăng báo cách đây mấy năm mà tôi chỉ nhớ được có mấy câu đó thôi.

Rồi, dường như còn bị kích mạnh, anh cất giọng :

Việt-Nam muôn năm ! Việt-Nam muôn năm
Trong bình minh sương lạnh phủ âm thầm
Mười ba tiếng tung hô bao tráng liệt
Toan lay tỉnh cả toàn dân nước Việt



Trong lúc bác Hai bị búa nhủu mảy nghĩ ngợi, Nguyễn-Việt điềm tĩnh trả lời :

— Anh Bầy nói cũng có lý. « Tinh » là do một cảm xúc tự nhiên của lòng ; « tinh » không có sự dẫn đo, cân nhắc « lợi » hay « hại ». Nhưng ông bạn đa tinh ơi, vẫn có thứ « tinh » mặc dù hết

sức cao đẹp nhưng chỉ đến với ta sau cái « lợi » và lẫn lộn với cái lợi.

Thấy anh Bầy tắc-xi dợm cãi, Nguyễn-Việt ra dấu bảo đừng, đoạn tiếp :

— Mới nhìn phớt qua bề ngoài thì ai cũng tưởng rằng tất cả các thứ « tinh » đều là « vô vị lợi » và phải « vô vị lợi » mới hợp lý, đúng nghĩa. Nhưng nếu người ta chịu đào sâu, suy cùng, nghĩ cạn, thì chắc chắn người ta sẽ thấy một *khía cạnh* khác của vấn đề « tinh ». Đó là cái *khía cạnh* « lợi ». Tuy nhiên chúng ta chớ vội hấp tấp phê phán như một số người đã sẵn có thành kiến rằng : « cái lợi là cái tầm thường nhiều khi dễ tiện ». Không đâu, vẫn có cái *lợi ti tiện đáng phỉ nhổ* mà cũng vẫn có cái « lợi » cần phải tôn thờ ; có những cái *lợi thuộc về vật chất* đồng thời cũng có những cái *lợi về tinh thần* ; có những cái *lợi gần, nông nổi* mà cũng có những cái *lợi xa, cao cả* ; có những cái *lợi nhưt thời mà cũng có những cái lợi vĩnh viễn*. Vấn đề « quyền lợi » thật ra rất phức tạp và tế nhị cũng như sự phức tạp và tế nhị của con người. Và, phàm là người thì không ai tránh khỏi vướng vấn đề « quyền lợi ». Trừ phi những đấng cứu thế, những bậc siêu phàm mới « vô vị lợi » mà thôi.

Có dịp, chúng ta sẽ thảo luận về vấn đề « quyền lợi » trong kiếp sống nhân sinh.

Giờ đây hãy trở lại vấn đề « quyền lợi » của con người trong cái « tinh » Đất Nước. Mà trước khi đi sâu vào vấn đề, cần nhấn mạnh rằng : « Tinh Đất Nước thiêng liêng » và « quyền lợi hợp lý » — tôi chỉ nói quyền lợi hợp lý — của người dân không bao giờ mâu thuẫn nhau. Cũng có thể nói rằng « quyền lợi » của người dân trong cái « tinh » đất Nước lại rất « hợp tinh » nữa.

Để chứng minh, chúng ta hãy quay trở về nguồn gốc của Quốc-Gia, xét qua quá trình thành lập Quốc-Gia để thấy rõ *cái nguyên nhân căn bản và thực sự* phát sinh ra Quốc Gia.

Bác Hai bị búa vượt mấy sợi râu bạc lơ thơ, trịnh trọng nói :

— Chà ! Đây là một vấn đề to tát, khai ra, bác e đổ khối cháu Việt sẽ gặp lúng túng.

Anh Bầy tắc xi, giọng trêu chọc :

Đến đây, chẳng những anh Bầy tắc-xi mà cả Nguyễn-Việt và bác Hai bị búa đều thấy xúc động, cả ba đều nín bật, mắt nhìn vào cõi xa xăm như tưởng nhớ đến hình ảnh mười ba vị anh hùng của non nước Việt đang quanh quất đầu đây để thông cảm với đồng bào máu mủ.

Bác Hai bị búa, giọng run run phá tan bầu không khí im lặng :

Việt-Nam muôn năm ! Việt-Nam muôn năm !

Ôi ! Hai tiếng Việt-Nam thật thiêng liêng làm sao !

Vì thiêng liêng nên mới có mười ba tiếng tung hô của những trang liệt sĩ Yên-Bái, mười ba cái đầu rơi rụng một cách anh hùng dưới máy chém của thực dân, mười ba dòng máu tươi đổ trời thấm lên giang sơn Việt, cũng như bao nhiêu tiếng đã tung hô, bao nhiêu cái đầu đã rơi rụng, bao nhiêu dòng máu đã chảy trong suốt hơn bốn ngàn năm lịch sử để tô thắm cho Đất Nước yêu quý của nòi giống Rồng Tiên.

Đó là tất cả ý nghĩa thâm trầm của hai tiếng Quốc gia, là một chứng minh hùng hồn cho cái « tinh Đất Nước thiêng liêng » của con người. Phải ! giữa người dân Việt và Quốc Gia Việt có muôn ngàn sợi dây chằng chịt ; tinh Đất Nước đậm đà rất bao la và tự nhiên, tuy tiềm tàng nhưng rất mãnh liệt và luôn luôn bất diệt.

Qua phút giây xúc cảm và sau một lúc trầm ngâm, Nguyễn-Việt lên tiếng :

— Thật ra, không ai có thể chối cãi được cái « tinh Đất Nước » trong lòng mình. Nhưng nếu chúng ta chịu khó suy nghĩ cho thật kỹ thì ngoài cái sợi dây thiêng liêng vô hình là cái « tinh Đất Nước » đó, còn có cả cái « quyền lợi » ràng buộc giữa người dân và Qê Hương, Tở Quốc nữa.

Anh Bầy tắc-xi bật dậy như cái lò xo... thò lỗ con mắt nhìn Nguyễn-Việt hỏi dồn :

— Sao, anh bảo sao ? Trong cái « tinh » mà có cái « lợi » là nghĩa lý gì ? Như thế thì mối tinh làm sao có được cái nghĩa thiêng liêng nữa ? Cái « lợi » là một cái gì tầm thường, nhiều khi quá ti tiện nảy sinh ra do lòng vị kỷ, do dục vọng của con người, tại sao lại có thể trộn lẫn nó với cái ý nghĩa cao cả của « tinh » được. Anh Nguyễn-Việt bốp trán suy nghĩ quá thành ra lằm cằm rồi !

— Ấy! Bác khéo lo chuyện xa vời làm gì cho mệt! Cháu chắc chắn anh Việt sẽ không để cho câu chuyện của mình bị « óc trâu » đầu mà sợ. Cứ nói đi anh Việt, nếu rủi « ra quân » có thiếu chuẩn bị thì hãy cầu viện và xin tiếp tế sau cũng được!

Nguyễn Việt tiếp tục :

— Tôi không dám nói rằng mình sẽ lập luận vững chắc, nhưng vì những cảm nghĩ, những tư tưởng nêu ra đây xuất phát từ tấm lòng chân thực của mình nên dù nó có thể nào đi nữa thì chắc chắn sẽ có những bậc cao minh chỉ giáo.

Tôi xin trở lại vấn đề. Như trên kia đã nói, để chứng minh rằng « trong cái tinh Đất Nước thiêng liêng của người dân, còn có vấn đề quyền lợi lẫn lộn » chúng ta hãy quay về dĩ vãng để tìm cái nguyên nhân phát sinh ra Quốc Gia. Mà nói đến hai tiếng Quốc-Gia, dĩ nhiên ta phải nói đến con Người vì con Người là cái hồn, còn đất đai, thổ địa chỉ là cái xác. Và lại, trên quả đất này, con Người có một giá trị đặc biệt, con người là đầu mối của mọi sự việc. Vậy mấu chốt của vấn đề là phải tìm hiểu con Người.

Anh Bảy tắc xi đang háng lấy giọng pha trò :

— Hãy khoan, đợi tôi và bác Hai sửa bộ cho đảng hoàng, nghiêm trang cái đã, để nghe nhà đạo đức Nguyễn-Việt thuyết giáo lý về con người, nghe nhà bác học Nguyễn - Việt mở xê, nghiên cứu về con người.

— Tội quá, chằm biếm em út làm gì anh Bảy ! Tôi đâu dám có cuồng vọng thuyết giáo lý hay nghiên cứu về con người. Công việc đó là công việc cao cả của các bậc « xả thân » vì nhân loại.

Là một người dân với trình độ tầm thường, nhưng vì hằng lo nghĩ đến vận mạng của gia đình, của Quốc Gia, Dân tộc và của chính mình nên tôi mới đành bạo nói lên cái gì chỉ vừa tầm hiểu biết của mình thôi.

— Thôi mà, cứ rào đón mãi. Thì con người từ đâu đến? Vũ trụ quan, nhân sinh quan ra làm sao? Duy tâm, duy vật và gì gì nữa đó, như thế nào? Cứ nói ra cho bà con người ta hiểu với, anh cứ mại hơi hoài!

— Những vấn đề đó lại cũng quá sức của tôi. Tôi sẽ chỉ xin trình bày về con người hiện có và những vấn đề liên quan đến cái Sông của con Người với mục đích để chứng minh rằng :

— Nguyên nhân phát sinh ra Quốc Gia nhất định phải bắt nguồn từ con Người mà ra.

— Ngược lại, sự Sông Cồn của con Người nhất định phải tùy thuộc sự Sông Cồn của Quốc Gia.

— Quyền lợi của con Người luôn luôn dính liền với Quốc Gia.

(còn nữa)

Giới thiệu sách báo

—O—

* ĐẤT VIỆT TRỜI NAM

của tác giả Thái-văn-Kiểm, Phó Giám Đốc Nha Văn-Hóa, Bộ Q. G. G. D. do « Nguồn Sông » xuất bản

Là quyển sách rất có giá trị gồm một số biên khảo công phu về các vấn đề văn chương, khoa học, mỹ-thuật, sử-ký, địa lý, kinh tế, ngoại giao, phong tục, du lịch v.v...

BẠN DÂN rất hân hạnh giới thiệu cùng quý bạn đọc giả bốn phương.

**

* VIỆT NAM CHÚA NHẬT

Một tuần san giá trị phát hành mỗi sáng thứ bảy, gồm nhiều bài vở chọn lọc :

- Trinh thám, gián điệp
- Văn nghệ
- Chánh trị
- Màn ảnh, kịch trường

Với sự cộng tác của :

Ty Ca, Lão Túc, Người Tàng Hình, Châu Anh, Trúc Lang, Trần-Việt-Sơn, Trần-kim-Trúc, cô Mai Anh, cô Thu Mai, Mai Duy, Huyền Thanh v.v...

20 trang lớn 5\$00

**

* TRINH THẨM

Phát hành mỗi thứ tư

Giám Đốc : HOÀNG HỒ
Nguyễn Giáo sư các trường
Cảnh Sát tại Ba Lê

TÀI LIỆU XÁC THẬT, NHANH CHÓNG
BÀI VỞ CHỌN LỌC, HẤP DẪN TRANH
ĐỒ TRINH THẨM DỐI ĐÀO.

Tin

NỘI BỘ

✱ Cuộc thi tuyển Biên-tập-viên CACS kỳ hai sẽ tổ-chức tại Saigon vào những ngày 19, 20 và 21-12-60.

✱ Kỳ thi mần Khóa Huấn-luyện thứ 7 tại Trung-Tâm Huấn-luyện Sơ-cấp Rạch-Dừa sẽ tổ-chức vào ngày 31-12-60. Khóa Huấn-luyện này có 287 khóa-sinh thụ huấn.

✱ Ngày 30-11-60 vừa qua, 13 viên chức Công-an Cảnh-sát đã lên đường qua Mã-Lai để dự Khóa Huấn-luyện đặc-biệt về Điều-tra Hình-sự do cơ-quan Cảnh-sát Mã-Lai tổ-chức.

✱ Ngày 4-12-60, một Lễ Tạ-Ơn trọng thể đã được tổ chức tại Thánh Đường Cộng-Hòa, dưới sự chủ-tọa của Thiếu-Tướng Tổng Giám-Đốc; tham dự buổi lễ này có các cấp chỉ-huy và một số đồng anh chị em từng sự tại Tổng Nha Công-an Cảnh-sát.

✱ Lễ Mần khóa thứ 4 Trường Chi Công-an Cảnh-sát đã cử hành vào ngày 30-11-60 vừa qua tại Trung-Tâm Huấn-Luyện và Tu-Nghệp Công-an Cảnh-sát Việt-Nam Cộng-Hòa dưới sự chủ-tọa của Thiếu-Tướng Tổng Giám-Đốc, đại-diện Ông Bộ-Trưởng Nội-Vụ. Khóa Huấn-Luyện này có 49 khóa sinh tổng học và kết quả có 39 khóa-sinh tốt nghiệp. Khóa-sinh NGUYỄN - VĂN - ĐỨC, từng sự tại Ty Cảnh-sát Thương-Khẩu, đậu thủ-khoa.

✱ Nha Công-an, Cảnh-sát Trung-Nguyên Trung-Phần vừa thiết lập một Trung-Tâm Huấn-luyện bổ túc tại Huế, mục đích để huấn luyện cấp tốc những vấn-đề căn bản thiết yếu về chuyên môn C.A.C.S. và Quân sự trong thời hạn 3 tuần lễ và liên tục cho nhân viên C.A.C.S. thuộc các Ty Tỉnh và Thành phố ở T.N.T.P. Khóa thứ nhất đã bắt đầu khai giảng ngày 5-12-60, gồm 60 khóa sinh. Ngoài ra có 40 Cảnh-sát viên của Ty Cảnh-sát Huế theo học một lớp đặc biệt.

HOẠT-ĐỘNG CÔNG-AN CẢNH-SÁT TOÀN QUỐC

✱ ĐALAT.— Ngày 15-11-60, Ty Công-an Đalat đã đến phá hủy chiến khu của Việt-Cộng tại xã Xuân-Thọ, Quận Lạc-Dương (Tuyên-Đức), có tịch thu một số sách vở, áo quần, mền chiếu và 1 máy thu thanh.

✱ PLEIKU.— Ngày 29-11-60, Biệt-kích-đội C.A. Pleiku đi phục kích đã bắn chết 1 cán bộ V.C. tại xã Kodut, Quận Lệ-Trung (Pleiku). Có tịch thu 1 tiêu-liên MAT.49, 1 băng đạn và 1 số tài-liệu quan trọng.

✱ LÂM-ĐỒNG.— Ngày 27-11-60, nhân-viên Ty C.A. Lâm-Đồng mở cuộc truy kích đã chạm súng với V.C. tại 1 địa điểm gần sông Dabri giáp ranh Lâm-Đồng — Bình-



Thiếu Tướng Tổng Giám-Đốc trao cờ danh dự cho Thủ-khoa Khóa Trường Chi « Chiến Thắng »

Tuy. Kết quả : Địch rút lui bỏ lại 1 xác chết, 1 súng trường và một số tài-liệu.

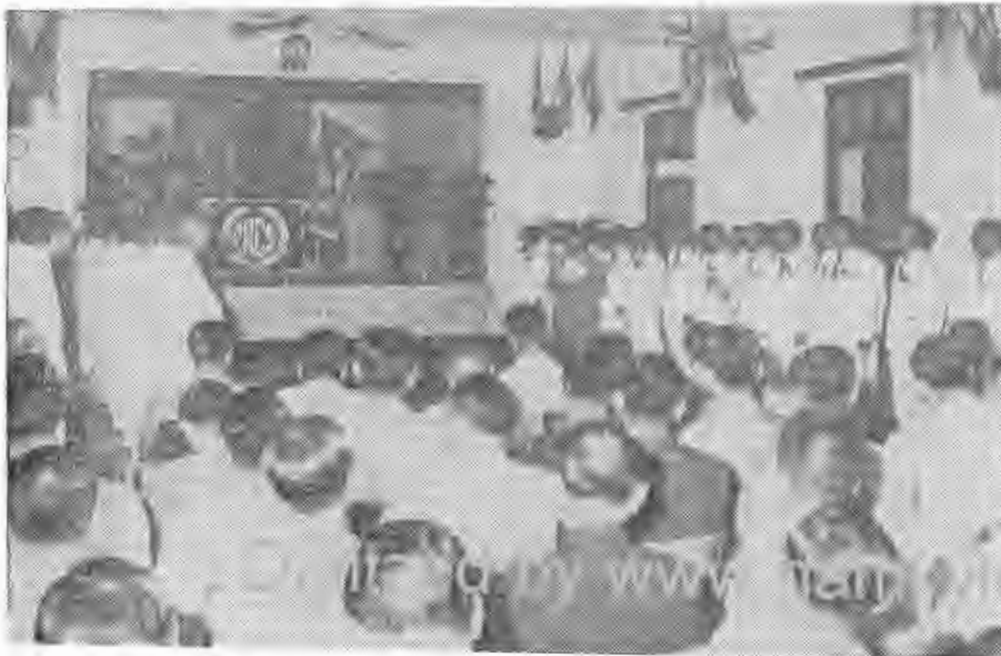
✱ QUẢNG - NAM.— Ngày 23-10-60, Chi Công-an Quế-Sơn (Quảng-Nam) có khám phá được 2 hầm bí mật của VC tại Khe Gu và Phu-Diên, tịch thu được 1 con dáo nồi làm căn cứ gác bằng gỗ, 1 con dáo Quận Quế-Sơn giả, 1 con dáo « Trung cầu Dân-y » bằng gỗ, 1 xấp giấy căn cứ gác chưa đóng dấu, 19 giấy chứng nhận tạm chưa ghi tên, có đóng dấu Hội-đồng xã Phú-Hương, 8 giấy chứng nhận đề Đại-diện xã Phú-Hương chưa ghi tên và có đóng dấu, 12 tờ giấy trắng đã đóng dấu Hội-đồng xã Phú-Hương, 1 số tài-liệu tuyên truyền cũ Theo sự nhận xét, thì các hầm trên là sào huyệt tạm trú của bọn cán bộ VC nằm vùng thuộc Khu I, Quận Quế-Sơn.

✱ GIAĐÌNH.— Đêm 4-12-60, Biệt-kích-đội 4 thuộc Tổng Nha CACS, trong lúc đi tuần tiễu, có chạm súng với độ 20 tên VC tại vùng Bình-thái-Phong, xã Bình-Hưng, Quận Bình-Chánh (Gia-định). Kết quả địch rút lui bỏ lại 1 số truyền đơn, biểu ngữ, 3 cái trống, và 1 con dao.

✱ VINH BÌNH.— Đêm 4-12-60, nhân-viên Chi Công-an Quận Cần-Long (Vinh-Bình) và lực lượng Bảo-an sở tại, có chạm súng với VC tại Cây Cách, xã Bình-Phú. Kết quả : Địch rút lui bỏ lại 1 súng trường MAS 36, 1 chiếc xuồng và 1 số tài liệu.

✱ LONG-AN.— Ngày 21-11-60, Quân-Khu Thủ-đô và Biệt-kích-đội Ty CA Long-an trong cuộc hành quân truy kích tại Rừng Tràm Ba-Làng, có chạm súng với VC. Kết quả : Địch rút lui mang theo 1 số đồng đội bị thương, bỏ lại 4 tử thi, 4 xuồng, một số mìn, truyền đơn.

↓ Lễ bế mạc Khóa Trường Chi « Chiến Thắng » ngày 30-11-60.



**CHẶN ĐỨNG ĐAU NHỨC!
CẢM THẤY KHOAN-KHOÁI NHƯ TRƯỚC!**



HÃY DÙNG

THUỐC MỚI!

CÔNG-HIỆU GẤP BA!

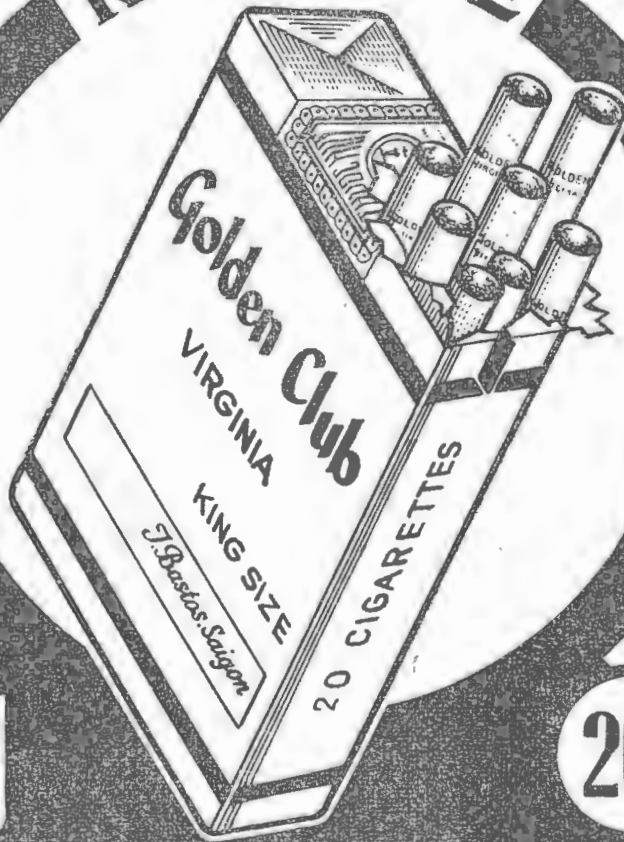
Cortal

**3 CHIẾN-SĨ KỶ-TÀI "CHỐNG ĐAU-NHỨC
TRONG MỖI VIÊN THẦN-DƯỢC!**

Digitized by www.namkyuctinh.org

Golden Club

KING SIZE



20%

*Thuốc thơm "ÁCH CHUÔNG" điếu dài
Mùi mới. Thơm ngon đặc biệt*



SHELL VIỆT-NAM

phụng sự nền

KINH-TẾ VIỆT-NAM

三棧臘味家

TAM CHANH LAP VI GIA

LAP XUONG và HEO QUAY

號玖拾陸佰壹(哩吧)街興馮岸堤

Số 169, Đường PHÙNG-HƯNG (Paris)

CHỢ LỚN

VẠ N - BẢ O

nhập cảng hàng vải

**Chuyên nhập cảng
những hàng may Âu phục**

14, ĐẠI LỘ TỔNG-ĐỐC PHƯƠNG

ĐIỆN-THOẠI : 36.623

Ets VIỆT - LỢI

Xuất Nhập Cảng

Xuất cảng sản-phẩm nội-hóa

21, LÊ-QUANG-ĐÌNH — CHOLON

ĐIỆN-THOẠI : 38.342

Kem *Perlon*

○ FLUOR.

○ AMMONIUM.

○ CHLOROPHYLL WITH SPEARMINT



TINH - VI

TÔI - TÂN

